

FORUM



KHUNG CẢNH BIẾN ĐỔI CỦA ĐÔ THỊ

Thay đổi về nhân khẩu học
Thử thách Hòa bình, Thịnh vượng

Các bài nổi bật

10 Chiến trường Đô thị

Sự trỗi dậy chớp nhoáng của các siêu đô thị làm biến đổi bản chất của chiến tranh.

16 Thế hệ của sự bất bình

Khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương đang già đi nhanh chóng phải đối mặt với các thách thức về quản trị và an ninh.

20 Những người Phụ nữ bị Mất tích của khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương

Sự chênh lệch giới ở Trung Quốc liên quan đến nạn buôn bán người và ngược đãi.

24 ĐCSTQ và Cộng đồng người Trung Quốc ở Nước ngoài

Sự cai trị độc đoán ngoài lãnh thổ của Bắc Kinh.

28 Thúc đẩy Năng lượng

Năng lượng tái tạo đem đến cơ hội cho khu vực để trở thành những quốc gia đi đầu trong lĩnh vực an ninh năng lượng.

36 Bồi đắp cho Sự Ổn định

Các quốc gia ở khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương tăng cường an ninh lương thực thông qua quan hệ đối tác và công nghệ.

42 Bước chuyển từ COVID-19

Những bài học kinh nghiệm trong giai đoạn đầu của RedR Australia và những thách thức sắp tới.

48 Các Mối quan hệ, Khả năng phục hồi và công tác Ứng phó

Quan hệ đối tác giữa các cơ quan chính phủ Hoa Kỳ và các tổ chức viện trợ ở khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương chuyển sang ứng phó vi-rút corona.

52 Ứng phó với COVID-19

Các chương trình Phụ nữ, Hòa bình và An ninh cung cấp các giải pháp công bằng cho tất cả.



Các phòng ban

4 Chuyên mục Góc nhìn Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương

5 Cộng tác viên

6 Chuyên mục Trên toàn khu vực
Tin tức từ khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương

8 Cập nhật về Khủng bố
Các quốc gia cần phải chống lại các mối đe dọa khủng bố gia tăng do COVID-19.

58 Tiếng nói
Những thay đổi về nhân khẩu học của Nhật Bản và những thách thức an ninh sắp tới trong khu vực.

62 Chuyên mục Văn hoá & Phong tục
Nghệ nhân Nhật Bản giữ gìn truyền thống, làm rối Bunraku cho trẻ em.

64 Chuyên mục Tâm nhìn Thế giới
Lục địa châu Phi không còn vi-rút bại liệt trong tự nhiên, nhưng mối đe dọa về bệnh bại liệt vẫn còn; châu Âu tìm cách ngăn chặn sự lan truyền của tin giả.

65 Chuyên mục Đổi mới
Mũ bảo hiểm được phát minh ra ở Việt Nam để bảo vệ nhân viên ở tuyến đầu; Singapore chống chọi với đợt bùng phát sốt xuất huyết kỷ lục do có số lượng muỗi nhiều hơn.

66 Suy ngẫm
Kết quả của dự án quét 10,3 triệu ngôi sao vẫn chưa cho thấy dấu hiệu nào của người ngoài hành tinh.

67 Bức ảnh Cuối



GIỚI THIỆU VỀ TRANG BÌA:

Hình chụp toàn cảnh đường chân trời Tokyo truyền tải sự thay đổi về dân số, chẳng hạn như đô thị hóa tăng cao, đang làm biến đổi các thách thức về quản lý và an ninh.

ISTOCK



Quý độc giả thân mến,

Chào mừng quý vị đến với ấn phẩm của *DIỄN ĐÀN QUỐC PHÒNG ẤN ĐỘ DƯƠNG-THÁI BÌNH DƯƠNG* về những biến động dân số.

Khi tầm quan trọng về mặt kinh tế, chính trị và xã hội của khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương tiếp tục tăng lên, những thay đổi kéo theo về nhân khẩu học và xã hội sẽ ngày càng có tác động trong việc định hình bối cảnh an ninh của khu vực. Ấn bản này của *DIỄN ĐÀN* bàn luận về một số nỗi lo từ những thay đổi về nhân khẩu học cho đến nhu cầu tăng vọt đối với năng lượng và thực phẩm mà có thể ảnh hưởng đến nền hòa bình và sự thịnh vượng ở khu

vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương. Những áp lực liên tục biến đổi này sẽ chuyển biến vai trò của những quân đội, lực lượng an ninh và các chuyên gia ở khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, cũng như cách thức hoạt động của họ trong tương lai.

Điều này sẽ dẫn đến sự tăng vọt của cạnh tranh nguồn lực, những căng thẳng trong đời sống dân sự, bệnh tật và khoảng cách kinh tế, cùng các thách thức mới khác. Sự hợp tác giữa các đồng minh và đối tác sẽ đóng vai trò then chốt trong việc xử lý những vấn đề này.

Bài viết mở đầu phân tích cách thức mà các quân đội chuẩn bị cho một kiểu chiến trường mới: sự xuất hiện của các siêu đô thị. Khi phần lớn các hoạt động phát triển đô thị của thế giới được dự báo là sẽ diễn ra ở khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, sự di cư với số lượng lớn người từ khu vực nông thôn làm tăng lên những thách thức đối với các quốc gia cân cân bằng giữa việc phát triển bền vững và sự ổn định. Xu hướng này cũng đang biến đổi cách quân đội sẽ bảo vệ các trung tâm tập trung số dân không lồ như thế.

Một bài viết quan trọng khác đi sâu vào cách mà tỷ lệ sinh giảm đi và tuổi thọ kéo dài hơn đang tạo ra những quốc gia già đi với số người cao tuổi nhiều hơn trên khắp thế giới và đặc biệt là ở khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương. Tỷ lệ phần trăm công dân trong độ tuổi lao động và độ tuổi nhập ngũ giảm dần sẽ gây ra những thay đổi trong cách tiếp cận an ninh và thúc giục các lực lượng quân đội phải áp dụng các công nghệ mới khẩn trương hơn. Một bài viết đi kèm đề cập đến việc sự chênh lệch lớn về giới tính ở Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ảnh hưởng như thế nào đến nhiều mối lo ngại về mặt xã hội và an ninh, bao gồm nạn buôn bán phụ nữ và trẻ em gái, bất bình đẳng về mức lương và tội phạm tình dục.

Những biến đổi về dân số cũng ảnh hưởng đến sự cạnh tranh về lương thực và tài nguyên. Một cập bài viết ghi lại theo trình tự thời gian cách thức mà các quốc gia Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương đang sử dụng các giải pháp công nghệ và ngày càng hợp tác chặt chẽ hơn với nhau để cải thiện an ninh lương thực và năng lượng trong khi nhu cầu tăng vọt.

Đề án bản này được trồn vẹn, một tập hợp các bài viết khám phá cách thức mà những thay đổi về nhân khẩu học và quá trình toàn cầu hóa tăng lên có thể làm phức tạp hóa những kết quả của lĩnh vực chăm sóc sức khỏe và an ninh. Bà Kirsten Sayers, Giám đốc điều hành của RedR Australia, một cơ quan hỗ trợ nhân đạo quốc tế, mô tả chi tiết về việc đại dịch COVID-19 đã thay đổi cách các quốc gia ứng phó và xem xét các vấn đề y tế cộng đồng như thế nào. Một bài viết của một nhóm cố vấn quốc tế thuộc chương trình Phụ nữ, Hòa bình và An ninh của Liên Hợp Quốc giải thích cách thức mà sáng kiến này trang bị cho các lĩnh vực quốc phòng và an ninh để họ gắn kết tốt hơn với người dân của mình và cung cấp các giải pháp công bằng cho tất cả. Một bài khác trình bày cách thức mà quan hệ đối tác giữa các cơ quan chính phủ Hoa Kỳ và các tổ chức ở khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương tăng cường sức mạnh cho các cộng đồng trong đại dịch.

Tôi hy vọng những bài viết này sẽ khơi gợi những cuộc đối thoại trong khu vực về những thay đổi dân số. Tôi luôn hoan nghênh các ý kiến góp ý của quý vị. Vui lòng liên hệ với nhân viên của *DIỄN ĐÀN* theo địa chỉ ipdf@ipdefenseforum.com để chia sẻ suy nghĩ của quý vị.

Trân trọng,

P. S. DAVIDSON

Đô đốc, Hải quân Hoa Kỳ

Chỉ huy, Bộ Tư lệnh Hoa Kỳ vùng Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương

IPD FORUM

Những Biến động về Dân số

Số 46, Ấn bản 2, năm 2021

LÃNH ĐẠO USINDOPACOM

PHILIP S. DAVIDSON

Đô đốc, Hải quân Hoa Kỳ

Tư lệnh

MICHAEL A. MINIHAN

Trung tướng, Không quân Hoa Kỳ

Phó Tư lệnh

JOHN F.G. WADE

Chuẩn Đô đốc, Hải quân Hoa Kỳ

Chỉ huy Tác chiến

CÁN BỘ CHƯƠNG TRÌNH

CHRISTIAN C. NICOLAS

Thiếu tá, Quân đội Hoa Kỳ

Quản lý *DIỄN ĐÀN IPD*

LIÊN HỆ VỚI CHÚNG TÔI

IPD FORUM

Diễn đàn *QUỐC PHÒNG ẤN ĐỘ DƯƠNG-THÁI BÌNH DƯƠNG*

Quản lý Chương trình,

Căn cứ USINDOPACOM Box 64013

Trại H.M. Smith, HI 96861 USA

ipdefenseforum.com

email:

ipdf@ipdefenseforum.com

DIỄN ĐÀN QUỐC PHÒNG ẤN ĐỘ DƯƠNG-THÁI BÌNH DƯƠNG là một tạp chí chuyên về quân sự được xuất bản hàng quý bởi Tư lệnh, Bộ Tư lệnh khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương Hoa Kỳ nhằm cung cấp một diễn đàn quốc tế cho các quân nhân ở khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương. Những ý kiến được trình bày trong tạp chí này không nhất thiết phản ánh các chính sách hay quan điểm của bộ tư lệnh hoặc bất kỳ cơ quan nào khác thuộc chính phủ Hoa Kỳ. Tất cả các bài viết đều do nhân viên của *DIỄN ĐÀN* viết trừ khi có ghi chú khác. Bộ trưởng Quốc phòng đã quyết định rằng việc xuất bản tạp chí này là cần thiết cho công tác chung theo yêu cầu của Bộ Quốc phòng.

ISSN 2333-1593 (bản in)

ISSN 2333-1607 (bản trực tuyến)



TIỄN SĨ OSCAR ALMEN là một nhà nghiên cứu cao cấp tại Cơ quan Nghiên cứu Quốc phòng Thụy Điển (Swedish Defence Research Agency - FOI). Trước đây ông đã làm việc trong vai trò là phó giáo sư khoa học chính trị thuộc Đại học Uppsala, Thụy Điển. Ông đã hoàn thành luận án tiến sĩ vào năm 2005 về các đại hội nhân dân ở cấp địa phương của Trung Quốc. Những chủ đề nghiên cứu của ông bao gồm chính trị Trung Quốc, sự tham gia vào chính trị và khía cạnh chính trị của an ninh. Ông đã có tác phẩm được xuất bản trên các tạp chí có thẩm định đồng cấp (peer review) như *Tạp chí Trung Quốc đương đại (Journal of Contemporary China)* và *Dân chủ hóa (Democratization)*, và ông là đồng tác giả của cuốn sách ra mắt trong năm 2019 *Xanh hóa Quản trị Đô thị của Trung Quốc (Greening China's Urban Governance)*. *Bài viết trên Trang 24*



KIRSTEN SAYERS là Giám đốc Điều hành (CEO) của RedR Australia. Bà có kinh nghiệm trong các vai trò tư vấn doanh nghiệp và chính phủ theo định hướng thương mại quốc tế. Bà Sayers đã giữ các vị trí cấp cao trong lĩnh vực ngoại giao và thương mại ở Paris, Bangkok và Đài Bắc, cũng như các vị trí cấp cao trong khu vực công và tư ở Úc. Bà đã từng phục vụ trong vai trò là trưởng đoàn đàm phán và trưởng phái đoàn của Úc tại các cuộc họp Mạng lưới các Nhà Lãnh đạo Phụ nữ Hợp tác Kinh tế châu Á-Thái Bình Dương (Asia-Pacific Economic Cooperation - APEC) và Mạng lưới Đầu mối chịu Trách nhiệm về Giới của APEC, và bà đã tham gia vào phái đoàn của Úc tại Hội nghị thượng đỉnh Giám đốc Điều hành APEC. *Bài viết trên Trang 42*

TRUNG TÁ KHÔNG QUÂN JENNIFER ATKINSON gia nhập Không quân Hoàng gia New Zealand với tư cách là một nhà tâm lý học và đã được sắp xếp để hỗ trợ cho các nhiệm vụ ở Thái Bình Dương và Trung Đông. Với hơn 20 năm phục vụ trong quân đội, bà hiện đang là cố vấn về giới cho Lực lượng Quốc phòng New Zealand và được giao nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch Hành động Quốc gia New Zealand.



PHI ĐỘI TRƯỞNG LIBBY REARDON đã phục vụ trong Không quân Hoàng gia New Zealand từ năm 2015 và trước đó là một sĩ quan trong Quân đội New Zealand. Bà đã được điều động trong Lực lượng Quốc phòng New Zealand đến Trung Đông và Đông Timor và đến các khu vực triển khai không nằm trong hoạt động ở Thái Lan và Việt Nam. Gần đây nhất, bà đã dành hai năm ở Suva, Fiji, thành lập một Mạng lưới Giới về Quốc phòng Thái Bình Dương, kết nối các thành viên trên khắp Fiji, Papua New Guinea, Tonga và Vanuatu. Nghiên cứu tiến sĩ của bà đánh giá tính hữu ích của Nghị quyết 1325 của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh ở Thái Bình Dương.



KATE MCMORROW là phó giám đốc của Ban giám đốc về Giới tính, Hòa bình và An ninh tại Bộ Quốc phòng Úc. Bà chỉ đạo sự tham gia quốc tế và danh mục chính sách chiến lược, góp phần thúc đẩy sự hợp tác về Nghị quyết 1325 của Liên Hợp Quốc về An ninh. Những vị trí trước đây của bà bao gồm cán bộ chính sách quốc tế tại Bộ Quốc phòng cho các mối quan hệ với Ấn Độ, Pakistan và Papua New Guinea. Bà tốt nghiệp loại giỏi ngành quan hệ quốc tế, chuyên ngành nghiên cứu về Indonesia, và đã học ở Indonesia và Hàn Quốc.



SHARON GOUVEIA FEIST là cố vấn giới đầu tiên tại Bộ Chỉ huy ở khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương của Hoa Kỳ (U.S. Indo-Pacific Command - USINDOPACOM), phục vụ trong vai trò là cố vấn chính về phụ nữ, hòa bình và an ninh trong khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương. Dưới sự dẫn dắt của bà, Văn phòng Phụ nữ, Hòa bình và An ninh thiết kế chương trình, chỉ đạo thực hiện và lồng ghép quan điểm giới trong tất cả các chính sách, công tác lập kế hoạch và hoạt động để cải thiện các kết quả về an ninh. Trước đây bà đã lãnh đạo chương trình Chống nạn Buôn bán Người của USINDOPACOM trong hơn một thập kỷ và đã làm việc với các tổ chức phi chính phủ để hỗ trợ những nạn nhân của buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em gái, ở Hawaii và Đông Nam Á. *Bài viết trên Trang 52*

Hãy tham gia vào cuộc thảo luận

CHÚNG TÔI MUỐN NGHE Ý KIẾN CỦA QUÝ VỊ

DIỄN ĐÀN Quốc phòng khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương phục vụ các quân nhân và chuyên viên an ninh trong khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương. Là một sản phẩm của Bộ Tư lệnh khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương của Hoa Kỳ, tạp chí này được xuất bản hàng quý và cung cấp nội dung có chất lượng cao, chuyên sâu về các chủ đề tác động đến những nỗ lực nhằm đảm bảo an ninh trên toàn khu vực — từ chống khủng bố đến hợp tác quốc tế và thiên tai.

DIỄN ĐÀN Quốc phòng Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương cung cấp nội dung sâu rộng trên mạng Internet, với các bài viết mới được đăng hàng ngày tại

www.ipdefenseforum.com

Khách truy cập có thể:

- Truy cập nội dung trực tuyến độc quyền
- Xem các ấn bản trước
- Gửi phản hồi cho chúng tôi
- Yêu cầu đặt tạp chí miễn phí
- Tìm hiểu cách gửi bài viết

INDO-PACIFIC DEFENSE
FORUM

TẢI ỨNG DỤNG CỦA CHÚNG TÔI!



Tìm "FORUMNEWS" trên iTunes hoặc Cửa hàng Google Play để tải xuống ứng dụng miễn phí.



Hãy theo dõi chúng tôi trên Facebook, Twitter, Instagram và WhatsApp: @IPDEFENSEFORUM Xem bìa sau.



HỒNG KÔNG

NHỮNG MỤC TIÊU DÂN CHỦ GIÀNH ĐƯỢC SỰ ỦNG HỘ

Một cuộc khảo sát của Reuters cho thấy, ngày càng nhiều người dân Hồng Kông ủng hộ các mục tiêu của phong trào ủng hộ dân chủ sau khi Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) đưa ra luật an ninh quốc gia cho thành phố này, với số người ủng hộ phong trào biểu tình là 44%.

Các nhà phân tích cho biết những cuộc biểu tình ngày càng ít hơn và nhỏ hơn so với các cuộc biểu tình với số lượng lớn đã làm rung chuyển thành phố dưới sự cai trị của Trung Quốc trong nửa cuối năm 2019, chủ yếu là do các hạn chế liên quan đến vi-rút corona đối với các cuộc tụ tập và tác động của bộ luật mới có ảnh hưởng sâu rộng.

Khảo sát của Viện Nghiên cứu Dư luận Hồng Kông (Hong Kong Public Opinion Research Institute - HKPORI) là cuộc khảo sát đầu tiên kể từ khi luật này được thông qua tại trung tâm tài chính toàn cầu vào ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Khảo sát phát hiện rằng gần 60% người dân phản đối luật an ninh, tăng từ khoảng 57% trong khảo sát của HKPORI vào tháng 6 năm 2020, thời điểm mà những thông tin chi tiết đã được công bố còn ít ỏi.

Ông Ivan Choy, một giảng viên cao cấp tại Đại học Trung văn Hương Cảng, cho biết thái độ của công chúng đã thay đổi sau khi luật an ninh được thực thi.

“Bây giờ có nhiều lo ngại hơn khi bạn yêu cầu mọi người ra ngoài” để biểu tình, ông nói, nhận định thêm rằng các cuộc bắt giữ đã dẫn đến “nhiều nỗi bức xúc hơn trong xã hội”.

Chính phủ đã nói rằng bộ luật này là cần thiết để bít các lỗ hổng trong an ninh quốc gia bị lộ ra sau các cuộc biểu tình và để khôi phục lại sự ổn định ở Hồng Kông.

Khảo sát cho thấy sự ủng hộ của công chúng cho bộ luật này ở mức trên 31% một chút.

Các nhà phê bình cho biết bộ luật này đã càng làm xói mòn những quyền tự do bao quát được hứa hẹn với thuộc địa cũ của Anh khi Hồng Kông trở lại quyền kiểm soát của Trung Quốc vào năm 1997.

Cuộc thăm dò cho thấy sự ủng hộ cho những mong muốn chính của phong trào ủng hộ dân chủ đã tăng lên.

Sự ủng hộ dành cho yêu cầu đòi phải có một ủy ban điều tra độc lập về cách cảnh sát xử lý các cuộc biểu tình đã tăng khoảng 4 điểm phần trăm lên 70%.

Cảnh sát và chính phủ đã nói rằng vũ lực ở mức tối thiểu đã được sử dụng để khôi phục luật pháp và trật tự, và rằng có các cơ chế đầy đủ để ngăn chặn và trừng phạt hành động vô kỷ luật. (Ảnh: Các sĩ quan của Cảnh sát Hồng Kông được điều động vào tháng 9 năm 2020 để phản ứng với những lời kêu gọi trên mạng về việc phản đối luật an ninh quốc gia và trì hoãn các cuộc bầu cử lập pháp.)

Sự ủng hộ dành cho quyền đi bầu phổ quát, một đòi hỏi chính khác, vẫn ở mức cao với sự đồng thuận của 63% người dân Hồng Kông, tương tự như trong cuộc thăm dò ý kiến vào tháng 6.

Số người ủng hộ việc ân xá cho những người biểu tình bị bắt đã tăng lên gần 50%, tăng 5 điểm phần trăm.

Mức độ phản đối các yêu cầu của phong trào ủng hộ dân chủ giảm xuống còn 19% từ 21,5%.

Khảo sát cũng đã chỉ ra rằng sự ủng hộ cho nền độc lập của Hồng Kông, điều khiến Bắc Kinh vô cùng khó chịu và trọng điểm của bộ luật mới, vẫn ở mức khoảng 20% trong khi số người phản đối nền độc lập ở mức dưới 60% một chút. Reuters

INDONESIA

TĂNG CƯỜNG an ninh lương thực

Bộ Nông nghiệp Indonesia cho biết, nước này có kế hoạch xây dựng một trang trại lương thực lớn trên diện tích đất rộng hơn 164.000 héc-ta trên đảo Borneo sau nhiều cảnh báo về một cuộc khủng hoảng lương thực có thể xảy ra do bùng phát dịch bệnh vi-rút corona.

Bộ cho biết, dự án ở tỉnh miền Trung Kalimantan sẽ tăng sản lượng từ khoảng 85.000 héc-ta đất nông nghiệp hiện có và thêm 79.000 héc-ta, bao gồm cả đất than bùn trước đó đã được thoát nước.



Trong một tuyên bố, phát ngôn viên của Bộ Nông nghiệp, ông Kuntoro Boga Andri, cho biết: Chính phủ sẽ canh tác một loạt các loại cây lương thực, bao gồm các loại lương thực chủ lực.

“Chúng ta đang nói về một điền trang thực phẩm không chỉ có lúa gạo và ngô,” ông nói, và chia sẻ thêm rằng điền trang này sẽ có cả trái cây và rau củ cũng như các loại vật nuôi.

Chính phủ đã phát triển một trang trại lương thực tương tự ở tỉnh Papua và có kế hoạch phát triển nhiều trang trại hơn nữa. Reuters



THẾ GIỚI

ĐỐI MẶT VỚI SỰ DỊCH CHUYỂN

Tăng trưởng dân số nhanh, thiếu cơ hội tiếp cận với thực phẩm và nước cùng với sự gia tăng nguy cơ phải hứng chịu thiên tai đồng nghĩa với việc đến năm 2050, hơn 1 tỷ người sẽ bị mất chỗ ở, theo một phân tích về các mối đe dọa sinh thái toàn cầu.

Được biên soạn bởi Viện Kinh tế và Hòa bình (Institute for Economics and Peace - IEP), một nhóm nghiên cứu xây dựng các chỉ số về khủng bố và hòa bình hàng năm, Sổ đăng ký Mối đe dọa Sinh thái (Ecological Threat Register) sử dụng dữ liệu từ Liên Hợp Quốc và các nguồn khác để đánh giá tám mối đe dọa sinh thái và dự đoán quốc gia và khu vực nào có nguy cơ cao nhất.

Với dự báo rằng đến năm 2050 dân số thế giới sẽ tăng lên gần 10 tỷ, làm trầm trọng thêm các cuộc tranh giành tài nguyên và kích động xung đột, nghiên cứu này cho thấy đến năm 2050 có tới 1,2 tỷ người sống ở các khu vực dễ bị tổn thương ở châu Phi hạ Sahara, Trung Á và Trung Đông có thể bị buộc phải di cư.

Trong một phép so sánh, các yếu tố sinh thái và xung đột đã

khiến 30 triệu người phải di dời vào năm 2019, báo cáo cho biết.

Ông Steve Killelea, người sáng lập IEP cho biết: “Điều này sẽ có tác động rất lớn đến xã hội và chính trị, không chỉ ở các nước đang phát triển, mà còn ở các nước phát triển, vì việc hàng loạt người mất chỗ ở sẽ dẫn đến dòng người tị nạn đông hơn đi đến các nước phát triển nhất”.

Sổ đăng ký chia các mối đe dọa thành hai loại rộng: bất ổn về thực phẩm, khan hiếm nước và gia tăng dân số thành một nhóm; và thiên tai bao gồm lũ lụt, hạn hán, lốc xoáy, mực nước biển dâng và nhiệt độ tăng ở nhóm còn lại.

Kết quả là một phân tích đánh giá xem có bao nhiêu mối đe dọa mà mỗi quốc gia trong số 150 quốc gia phải đối mặt và khả năng chống chịu những mối đe dọa đó của mỗi quốc gia.

Trong khi một số nước, chẳng hạn như Ấn Độ và Trung Quốc, đang bị đe dọa nhiều nhất bởi tình trạng khan hiếm nước trong những thập kỷ tới, thì một số nước khác như Pakistan, Iran, Mozambique, Kenya và Madagascar phải đối mặt với sự kết hợp độc hại của các mối đe dọa, cũng như khả năng đối phó với chúng đang bị giảm sút.

“Các quốc gia này hiện nay nhìn chung đang ổn định nhưng phải chịu nguy cơ cao về các mối đe dọa sinh thái và ‘hòa bình tích cực’ thì thấp và đang xấu đi, có nghĩa là họ có nguy cơ sụp đổ cao hơn trong tương lai”, bản phân tích dài 90 trang nhận định.

Ông Killelea cho biết so với 50 năm trước, ngày nay lượng nước ngọt của thế giới ít hơn 60%, trong khi nhu cầu về thực phẩm được dự báo sẽ tăng thêm 50% trong 30 năm tới, phần lớn do sự mở rộng của tầng lớp trung lưu ở khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương.

Những yếu tố này, kết hợp với thiên tai, có nghĩa là đến năm 2050, ngay cả các quốc gia ổn định cũng sẽ rơi vào tình trạng dễ bị tổn thương.

IEP cho biết họ hy vọng rằng sổ đăng ký có thể trở thành một phân tích hàng năm đồng thời sẽ định hình các chính sách viện trợ và phát triển. Reuters

MALAYSIA/TRUNG QUỐC

MALAYSIA SẼ KHÔNG DẪN ĐỘ NGƯỜI DUY NGÔ NHĨ SANG TRUNG QUỐC

Malaysia sẽ không dẫn độ người tị nạn Duy Ngô Nhĩ sang Trung Quốc và sẽ cho phép họ đi qua nước thứ ba một cách an toàn nếu họ cảm thấy sự an toàn của họ đang bị đe dọa, một bộ trưởng cho biết.

Đông Nam Á là một điểm trung chuyển được ưa chuộng đến Thổ Nhĩ Kỳ của những người Duy Ngô Nhĩ theo đạo Hồi đang chạy trốn những gì mà người tị nạn và các nhà hoạt động đã mô tả là sự đàn áp và giam giữ hàng loạt của chính phủ Trung Quốc. (Ảnh: Người tị nạn từ khu vực Tân Cương của Trung Quốc chờ đợi bên trong một nhà tạm trú gần biên giới Thái Lan-Malaysia.)

Ông Mohd Redzuan Md Yusof, bộ trưởng trong Bộ của Thủ tướng, cho biết Malaysia tôn trọng quyền của các nước có chủ quyền đối với việc quản lý các vấn đề nội bộ của họ, dù nước này công nhận rằng người Duy Ngô Nhĩ phải hứng chịu sự đàn áp ở Trung Quốc.

Những lời bình luận của ông Mohd Redzuan, được đưa ra trong một văn bản trả lời của quốc hội đăng trên trang web của cơ quan lập pháp này vào tháng 9 năm 2020, đánh dấu lần đầu tiên Malaysia đã tỏ ra lập trường rõ ràng



chống lại việc dẫn độ người tị nạn Duy Ngô Nhĩ.

“Do đó, nếu có bất kỳ người tị nạn Duy Ngô Nhĩ nào chạy sang Malaysia để được bảo vệ, Malaysia quyết định sẽ không dẫn độ người tị nạn Duy Ngô Nhĩ ngay cả khi có yêu cầu từ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa”, ông Mohd Redzuan cho biết.

“Họ được phép di chuyển đến một quốc gia thứ ba nếu họ sợ mình sẽ không được an toàn hoặc có khả năng phải đối mặt với sự ngược đãi, trong trường hợp họ cảm thấy họ sẽ không nhận được sự bảo vệ và công lý ở quê hương mình”.

Vào tháng 10 năm 2018, chính quyền Malaysia đã thả 11 người Duy Ngô Nhĩ và đưa họ đến Thổ Nhĩ Kỳ, bất chấp việc Trung Quốc yêu cầu đưa họ trở lại nước này. Reuters

Các Quốc gia Cần phải Chống lại CÁC MỐI ĐE DỌA KHỦNG BỐ

Gia tăng do COVID-19, Ông Duterte Nói



NHÂN VIÊN CỦA DIỄN ĐÀN

Sự cấp bách của việc đương đầu với vi-rút corona gây nguy hiểm chết người đã thúc giục các chính phủ trên toàn thế giới chuyển nguồn lực sang đối phó với đại dịch toàn cầu, nhưng Tổng thống Philippines Rodrigo Duterte nhắc nhở các nhà lãnh đạo đừng quên những mối đe dọa khủng bố vẫn còn tiếp diễn.

“Ngay cả khi chúng tôi đang tìm phương hướng để thoát khỏi đại dịch này, Philippines vẫn tiếp tục đương đầu với những mối đe dọa về an ninh,” ông Duterte phát biểu vào tháng 9 năm 2020 trong cuộc họp trực tuyến Aqaba Process, một sáng kiến của nhà vua Jordan nhằm tăng cường sự hợp tác giữa các nhà lãnh đạo thế giới. “Thật vậy, COVID-19 đã không cách ly những kẻ khủng bố”.

Các tổ chức khủng bố địa phương, bao gồm Nhóm Abu Sayyaf, các Chiến binh Hồi giáo và Tự do Bangsamoro và Quân đội Nhân dân Mới của Đảng Cộng sản Philippines, trong đại dịch đã càng “táo tợn hơn”, ông Duterte nói. Ông nói thêm: “Chúng lợi dụng tình hình để phục vụ cho các hoạt động bất chính của mình”.

“Lúc này, hơn bao giờ hết, quyết tâm của chúng tôi càng mạnh mẽ hơn,” ông Duterte nói. “Chúng tôi sẽ không chùn

bước trong cuộc chiến chống khủng bố của mình. Và chúng tôi sẽ không cho phép COVID-19 khiến người dân phải gục ngã”.

Không giống như COVID-19, các mối đe dọa khủng bố không phải là điều gì mới đối với các chính phủ. Tuy nhiên, một số chuyên gia cho rằng, vấn đề khủng bố đã không chiếm vị trí nổi bật trong các cuộc đối thoại và ưu tiên như sự lây lan của vi-rút corona. Hơn nữa, việc truyền thông tập trung vào đại dịch toàn cầu đồng nghĩa với việc có ít tin tức hơn về các mối đe dọa còn tiếp diễn từ các tổ chức cực đoan bạo lực (violent extremist organizations - VEO), theo cảnh báo của Ban Giám đốc Điều hành Ủy ban chống khủng bố của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc (Counter-Terrorism Committee Executive Directorate - CTED) trong một báo cáo vào tháng 6 năm 2020. Các tổ chức VEO cũng có thể cố gắng khai thác những thay đổi khác đã xảy ra theo hướng có lợi cho chúng.

Ví dụ, đại dịch đã buộc hơn 1 tỷ học sinh trên toàn cầu phải tham gia các lớp học trực tuyến vì những rủi ro liên quan đến vi-rút đã ngăn cản các em đến trường, theo báo cáo của Liên Hợp Quốc. Việc gia tăng số lượng thanh thiếu niên sử dụng internet mà không được giám sát, bao gồm cả các nền tảng trò chơi, tạo cơ hội cho các nhóm khủng bố truyền bá tư tưởng cực đoan tới nhiều người hơn, báo cáo của CTED



ghi nhận, “mặc dù mối quan hệ giữa hoạt động trực tuyến và cực đoan hóa đến bạo lực vẫn chưa được hiểu một cách đầy đủ”.

Theo báo cáo của CTED, có tiêu đề “Tác động của đại dịch COVID-19 đối với khủng bố, chống khủng bố và chống chủ nghĩa cực đoan bạo lực” (“The impact of the COVID-19 pandemic on terrorism, counter terrorism and countering violent extremism”) những kẻ cực đoan đã tích hợp COVID-19 vào câu chuyện và thông tin mà chúng tuyên truyền để lợi dụng những sự kiện hiện tại và phóng đại sự chia rẽ và những điểm yếu trong các đối thủ của mình. Các nhà nghiên cứu đã gọi đại dịch là cơn bão hoàn hảo cho sự lây lan của tin giả và thông tin sai lệch.

“Mặc dù một số nước đã phản ứng, bao gồm cả việc buộc tội những cá nhân vì đã truyền bá tin giả/tin sai liên quan đến COVID-19, nhưng phần lớn trách nhiệm giải quyết tình huống này đã rơi vào khu vực tư nhân (cũng như trong chống khủng bố),” báo cáo của CTED trình bày. “Tuy nhiên, bất chấp những hành động của nhiều nền tảng truyền thông xã hội lớn như, cấm các cá nhân và tổ chức trên những nền tảng này, quảng bá cho những tiếng nói có thẩm quyền, tăng cường việc sử dụng các cơ chế xác minh và cấm quảng cáo sử dụng những thông tin sai lệch để bán sản phẩm y tế, những thách thức lớn vẫn còn”.

Báo cáo của CTED cho biết, nhiều cá nhân sẽ cảm thấy sự không chắc chắn, cô lập và bất ổn chính trị kéo dài, làm tăng khả năng các tác nhân cực đoan bạo lực sẽ tiếp tục cố tìm cách lợi dụng những điểm dễ tấn công. Tuy nhiên, cơ quan này cam

kết sẽ tiếp tục theo dõi những tác động của COVID-19 đối với khủng bố và các nỗ lực chống khủng bố đồng thời đưa ra các đánh giá và khuyến nghị trong khi các chính phủ tìm cách vượt qua những thách thức mới nhất này.

Ông Duterte đã khuyến khích các quốc gia dẹp bỏ sự khác biệt để đối phó với các mối đe dọa mới và tiếp diễn do vi-rút corona. Ông đã cam kết rằng Philippines sẽ tăng cường hợp tác với Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và LHQ, cùng với những quốc gia khác, để đối mặt với những gì ông gọi là “những thách thức to lớn trong hoàn cảnh hiện tại”.

“Đại dịch COVID-19 buộc chúng ta phải đoạn tuyệt với quá khứ. Việc cử kháng kháng làm theo những cách thức cũ mà đã duy trì sự bất bình đẳng trong và giữa các quốc gia đơn giản là không thể tiếp tục được”, ông Duterte nói. “Hãy tận dụng cơ hội lịch sử này để xây dựng một trật tự mới — một trật tự an toàn, công bằng và nhân đạo hơn — nơi không có chỗ cho sự man rợ của những kẻ khủng bố và các lực lượng cực đoan”.

HÌNH NHỎ: Tổng thống Philippines Rodrigo Duterte hội đàm với các thành viên của Lực lượng Đặc nhiệm Liên Cơ quan về các Bệnh Truyền nhiễm Mới Xuất hiện ở Manila.

THE ASSOCIATED PRESS

BÊN TRÁI: Các thành viên của một đơn vị chống khủng bố của Cảnh sát Biển Philippines tham gia vào một cuộc tập trận an ninh tại Vịnh Manila.

AFP/GETTY IMAGES

PHÍA TRÊN: Binh sĩ Úc và Philippines tiến hành một cuộc tập trận chống khủng bố tại doanh trại Aguinaldo ở Manila.

REUTERS

CHIẾN TRƯỜNG ĐÔ THỊ

Sự Trỗi dậy Chớp nhoáng của các Siêu Đô thị làm Biến đổi Bản chất của Chiến tranh

NHÂN VIÊN CỦA DIỄN ĐÀN



MINH HOA CỦA DIỄN ĐÀN

Đường phố tối đen bởi bụi và khói và xuyên qua những con hẻm hẹp, phủ bóng, quân đội di chuyển theo từng nhóm, giành lại thị trấn bị vây hãm theo từ ô cửa này qua ô cửa khác, từ mái nhà này sang mái nhà khác. Ở ngoại ô thị trấn, cánh quạt của một chiếc Osprey MV-22 làm bụi và mảnh vụn bay tung lên trong khi một đội quân giải phóng khác vây quanh chiếc trực thăng và tiến vào trận chiến chống lại các lực lượng của đối phương.

Khi tự do một lần nữa được giành lại cho thị trấn giả lập này gồm các container vận chuyển được biến đổi trên bờ biển phía đông bắc của Úc, nhiệm vụ đột kích vào thành phố kết thúc cuộc tập trận Carabaroo.

Trong hơn ba tuần, gần 400 Binh sĩ và Thủy quân lục chiến từ Úc, Philippines và Hoa Kỳ đã tham gia vào các chiến dịch huấn luyện ở thành phố tại Khu vực Huấn luyện Vịnh Shoalwater rộng lớn của Lực lượng Quốc phòng Úc ở Queensland. Khi giành lại khu mô phỏng nơi dân ở, quân đội đã sử dụng các kỹ năng và chiến thuật được mài giũa trong cuộc tập trận ba bên vào giữa năm 2019.

“Carabaroo tập trung vào việc học hỏi lẫn nhau, xây dựng niềm tin vào nhau, tìm hiểu về các nền văn hóa khác nhau của các bên và chia sẻ các giá trị và sau đó quy tụ những điều này trong một kịch bản chiến đấu cao cấp, có lẽ là phức tạp nhất trong số tất cả các kịch bản trong chiến tranh đô thị”, Chuẩn tướng Quân đội Úc Andrew Hocking, Chỉ huy của Lữ đoàn 7, đã nói trong một bài viết trên trang web của Bộ Quốc phòng Úc.

Trên khắp khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương và xa hơn nữa, các quân đội diễn tập những kịch bản tương tự trong khi các nhà hoạch định quân đội chuẩn bị cho một thực tế chiến trường mới được thúc đẩy bởi sự biến động trong dân số: sự xuất hiện của các siêu đô thị.

Đến năm 2050, hơn hai trong số ba người trên khắp thế giới sẽ sống ở khu vực đô thị — tăng khoảng 20% so với tỷ lệ cư dân thành phố vào năm 2021. Trong vòng một thập kỷ tới, số lượng siêu đô thị từ 10 triệu cư dân trở lên sẽ tăng thêm một phần ba, từ 33 lên 43.

Phần lớn sự tăng trưởng đô thị được dự kiến — mà Hội đồng Tình báo Quốc gia Hoa Kỳ đã gọi là “sự thay đổi về mặt cấu trúc” — sẽ xảy ra ở Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, một khu vực đã phình to với nhiều siêu đô thị của hành tinh, như Tokyo, New Delhi, Thượng Hải, Mumbai, Bắc Kinh và Dhaka.

Cuộc cách mạng về nhân khẩu học này đặt ra những gánh nặng cực kỳ to lớn lên các quốc gia trong việc đảm bảo sự phát triển bền vững đồng thời duy trì sự ổn định xã hội. Nó cũng đang biến đổi bản chất của chiến tranh đô thị.

Ông Antonio Sampaio, nghiên cứu viên về xung đột, an ninh và phát triển tại Viện Nghiên cứu Chiến lược Quốc tế, đã viết trong một bài báo vào tháng 7 năm 2018 cho Bloomberg CityLab: “Thành phố là công cụ mạnh nhất mà nhân loại có cho sự phát triển kinh tế và xã hội”. “Tỷ lệ đô thị hóa cao đi kèm với nhiều kết quả tích cực bao gồm thu nhập cao hơn và tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh thấp hơn. Sự liên kết tích cực này đang bị đe dọa bởi thách thức chung đến từ quá trình đô thị hóa nhanh chóng và mất ổn định ở một số khu vực bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi xung đột trên thế giới”, ông Sampaio viết. “Nếu các bên cung cấp viện trợ, các tổ chức quốc tế và lực lượng vũ trang



Một người lính Quân đội Úc tham gia Cuộc tập trận Carabaroo năm 2019. Các cuộc tập trận tương tự đã được tổ chức trên khắp Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương khi quá trình đô thị hóa tăng nhanh định hình lại chiến tranh. HẠ SĨ DESTINY DEMPSEY/QUÂN ĐOÀN THỦY QUÂN LỤC CHIẾN HOA KỲ

không ưu tiên các thành phố đang phát triển nhanh chóng và làm việc cùng với nhau để ổn định chúng, thì những căng thẳng âm ỉ có thể leo thang thành xung đột bạo lực”.

Nếu những xích míc đó gây ra chiến tranh, thì mật độ, sự phức tạp và tính liên kết chặt chẽ của các trung tâm tập trung đông dân nhất thế giới sẽ đem đến một hỗn hợp dễ cháy. Theo Tiến sĩ Russell Glenn, giám đốc kế hoạch và chính sách tại Bộ Chỉ huy Huấn luyện và Học thuyết của Quân đội Hoa Kỳ (Training and Doctrine Command - TRADOC), “Thách thức đến từ các thành phố lớn không giống [bất cứ điều gì] mà chúng ta đã từng đối phó trong lịch sử”.

TÁI CẤU TRÚC ĐỊA CHẤN

Theo nhiều cách, sự chú trọng trở lại vào xung đột đô thị có thể được xem là một bước trở lại quá khứ. Từ các chiến dịch của Napoléon cho đến Chiến tranh thế giới thứ nhất, các nghiên cứu quân sự đã nhấn mạnh đến các trận chiến trên đất trống không có dân thường, theo một bài điểm sách về chiến tranh đô thị được xuất bản bởi Oxford University Press.

Tuy nhiên, trong phần lớn lịch sử, chiến tranh đô thị — thường dưới hình thức hoạt động vây hãm — đã là cách thức chính để phát động chiến tranh. Phương thức này bắt đầu khẳng định lại ưu thế trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Vào tháng 1 năm 1944, khi các lực lượng Đồng Minh chuẩn bị cho cuộc đổ bộ D-Day và cuối cùng là giải phóng phần châu Âu bị Đức Quốc xã chiếm đóng, Bộ Chiến tranh Hoa Kỳ đã công bố học thuyết chính thức đầu tiên về chiến tranh đô thị, *Sổ tay Chiến trường Cơ bản (FM) 31-50: Tấn công vào một Vị trí Kiên cố và*

Một Số lượng Lớn SIÊU ĐÔ THỊ

Tính đến năm 2018, trên toàn thế giới, 33 khu vực đô thị có dân số trên 10 triệu người, với số lượng các siêu đô thị như thế dự kiến đến năm 2030 sẽ tăng lên 43. Khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương đóng góp hơn một nửa trong tổng số các siêu đô thị, bao gồm bảy trong số 10 đô thị đông dân nhất hành tinh.



Với khoảng 37 triệu cư dân, vùng đô thị Tokyo mở rộng là nơi sinh sống của gần 30% dân số Nhật Bản và là siêu đô thị đông dân nhất thế giới. AFP/GETTY IMAGES

XẾP HẠNG	SIÊU ĐÔ THỊ	DÂN SỐ (triệu)
1	Tokyo, Nhật Bản	37,46
2	Delhi, Ấn Độ	28,51
3	Thượng Hải, Trung Quốc	25,58
4	Sao Paulo, Brazil	21,65
5	Thành phố Mexico, Mexico	21,58
6	Cairo, Ai Cập	20,07
7	Mumbai, Ấn Độ	19,98
8	Bắc Kinh, Trung Quốc	19,61
9	Dhaka, Bangladesh	19,57
10	Osaka, Nhật Bản	19,28
11	New York-Newark, Hoa Kỳ	18,81
12	Karachi, Pakistan	15,40
13	Buenos Aires, Ác-hen-ti-na	14,96
14	Trùng Khánh, Trung Quốc	14,83
15	Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ	14,75
16	Kolkata, Ấn Độ	14,68
17	Manila, Philippines	13,48
18	Lagos, Nigeria	13,46
19	Rio de Janeiro, Brazil	13,29
20	Thiên Tân, Trung Quốc	13,21
21	Kinshasa, Cộng hòa Dân chủ Congo	13,17
22	Quảng Châu, Trung Quốc	12,63
23	Los Angeles-Long Beach-Santa Ana, Hoa Kỳ	12,45
24	Matxcova, Nga	12,41
25	Thâm Quyển, Trung Quốc	11,90
26	Lahore, Pakistan	11,73
27	Bangalore, Ấn Độ	11,44
28	Paris, Pháp	10,90
29	Bogota, Colombia	10,57
30	Jakarta, Indonesia	10,51
31	Chennai, Ấn Độ	10,45
32	Lima, Peru	10,39
33	Bangkok, Thái Lan	10,15



Nguồn: "Các Thành phố của Thế giới trong năm 2018" ("The World's Cities in 2018") – Liên Hợp Quốc



Bộ trưởng Quốc phòng Úc Linda Reynolds thông báo ra mắt Cập nhật Chiến lược Quốc phòng và Kế hoạch Cấu trúc Lực lượng năm 2020 của quốc gia này vào tháng 7 năm 2020. Kế hoạch này đề xuất việc thành lập một văn phòng nghiên cứu môi trường đô thị có tranh chấp. REUTERS

“ Nếu các bên cung cấp viện trợ, các tổ chức quốc tế và lực lượng vũ trang không ưu tiên các thành phố đang phát triển nhanh chóng và làm việc cùng với nhau để ổn định chúng, thì những căng thẳng âm ỉ có thể leo thang thành xung đột bạo lực.”

~ Antonio Sampaio, nghiên cứu viên về xung đột, an ninh và phát triển, Viện Nghiên cứu Chiến lược Quốc tế

Chiến đấu trong Thị trấn (Basic Field Manual (FM) 31-50: Attack on a Fortified Position and Combat in Towns).

Nhiều yếu tố đã thúc đẩy sự tái xuất hiện của tầm quan trọng của chiến lược chiến tranh đô thị. Trong số những yếu tố đó, bài điểm sách vào năm 2017 của Oxford University Press đã ghi nhận: “Việc các đội quân ít hùng mạnh hơn tìm kiếm một lợi thế bất đối xứng trong dân số và cảnh quan đô thị, sự chú trọng ngày càng tăng vào chiến tranh cách mạng (nổi dậy) và sự thay đổi mạnh mẽ về nhân khẩu học của dân số toàn cầu từ vùng nông thôn sang thành phố”.

Tái cấu trúc địa chấn của dân số thế giới được dự đoán trong những năm tới — theo định nghĩa của Liên Hợp Quốc là một “siêu xu hướng” — hứa hẹn sẽ định hình lại tư duy quân sự ở mọi cấp độ từ thiết bị và huấn luyện đến chiến thuật và chiến lược. Cập nhật Chiến lược Quốc phòng năm 2020 của Úc, được công bố vào tháng 7 năm 2020, ghi nhận rằng sự gia tăng dân số và đô thị hóa đang nhân lên các mối đe dọa đến sự ổn định chính trị, chẳng hạn như khan hiếm lương thực và nước cũng như các đại dịch.

Quân đội Úc “phải có khả năng duy trì sự hiện diện lâu dài trên bộ, hoạt động trong địa hình phức tạp và đánh bại các đối thủ thông qua cận chiến”, theo ghi nhận của Kế hoạch Cấu trúc Lực lượng năm 2020 đi kèm.

Xét về bản chất của chiến trường hiện đại, Bộ Quốc phòng Úc tuyên bố sẽ thành lập “một văn phòng nghiên cứu môi trường đô thị bị tranh giành” để điều phối khâu phát triển và triển khai nhanh chóng của “thiết bị chiến đấu liên tục biến chuyển”. Ngoài ra, Kế hoạch Cấu trúc Lực lượng đã nhấn mạnh vai trò tối quan trọng của trí thông minh về không gian địa lý, viết tắt là GEOINT, trong việc tạo ra các mô hình 3D của khu vực đô thị để hỗ trợ việc triển khai vũ khí dẫn đường chính xác.

MỘT KHẢ NĂNG SẴP XẢY RA

Trong những thập kỷ gần đây, bài học rút ra từ các cuộc

giao chiến quân sự trong các khu vực từ Mogadishu, Somalia, đến Baghdad, Iraq và Grozny, Chechnya, đã cung cấp thông tin cho khâu lập kế hoạch cho chiến tranh đô thị.

Một báo cáo năm 2017 của Tập đoàn Rand, “Tái hình dung Đặc điểm của các Chiến dịch Đô thị cho Quân đội Hoa Kỳ: Quá khứ Có thể Cung cấp Thông tin cho Hiện tại và Tương lai Như thế nào” (“Reimagining the Character of Urban Operations for the U.S. Army: How the Past Can Inform the Present and Future,”), đã thu thập một số phát hiện chính từ việc phân tích các xung đột như vậy, bao gồm:

- Vai trò của các lực lượng trên bộ thiết giáp trong việc cho phép tự do di chuyển và “thu hẹp vấn đề về hoạt động của một đô thị lớn xuống còn một khu dân cư”.
- Nhu cầu về “các hình thức tình báo sáng tạo, bao gồm các nguồn và phương pháp thu thập mới, đặc biệt là thông tin nguồn mở từ các nguồn phi quân sự”.
- Giá trị của các nhà lãnh đạo quân sự mà có thể suy nghĩ vượt ra ngoài các phương pháp và quy chuẩn hoạt động đã được thiết lập để giảm “thách thức của chiến đấu ở môi trường đô thị xuống một phạm vi có thể quản lý được”.

“Môi trường đô thị đặt ra những thách thức đáng kể cho các lực lượng trên bộ và từ trước đến nay đã được tránh bất cứ khi nào có thể, nhưng quá trình đô thị hóa tăng cao của dân số thế giới dường như đảm bảo rằng chiến đấu trong môi trường đô thị là điều Quân đội sẽ gặp trong tương lai”, theo ghi nhận của báo cáo do TRADOC tài trợ.

Thật vậy, một năm trước đó, tổng tham mưu trưởng lúc bấy giờ của Quân đội Hoa Kỳ đã nói về khả năng chắc chắn sẽ xảy ra.

Chiến trường trong tương lai, Tướng Mark Milley đã nói với Hiệp hội Quân đội Hoa Kỳ vào năm 2016, là “gần

như chắc chắn sẽ xảy ra ở các khu vực đô thị đông đúc, và chống lại những kẻ thù khó nắm bắt, mơ hồ mà kết hợp không bố và chiến tranh du kích cùng với các năng lực thông thường trà trộn vào số thường dân lớn”.

Ông Milley người đã được bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng, sĩ quan quân đội cấp cao nhất của quốc gia vào tháng 10 năm 2019 cho biết, đây sẽ là một đầu trường khác xa các chiến trường nông thôn mà trong lịch sử Quân đội đã được “thiết kế, điều khiển, huấn luyện và trang bị.

Một báo cáo tiếp theo của Rand, “Quân đội Hoa Kỳ và Trận chiến cho Baghdad: Những Bài học Kinh nghiệm — Và Vẫn còn Phải Học” (“The U.S. Army and the Battle for Baghdad: Lessons Learned — And Still to Be Learned”), đã thúc đẩy những cân nhắc như vậy, ghi nhận rằng cuộc xung đột kéo dài nhiều năm, qua nhiều giai đoạn ở Iraq “cung cấp rất nhiều thông tin về cách tái hình dung việc chiến đấu ở môi trường đô thị trong tương lai”.

Báo cáo vào năm 2019 do Quân đội Hoa Kỳ tài trợ đã phác thảo một danh sách các khuyến nghị, bao gồm lời kêu gọi các nhà hoạch định quân sự và các nhà lãnh đạo tiếp tục nghiên cứu “câu hỏi rộng hơn về các hoạt động ở thành phố và các siêu đô thị nhưng hiểu rằng, vì mỗi thành phố là một thực thể độc lập, các nghiên cứu nên tập trung vào các trường hợp cụ thể về nơi Quân đội có thể tham gia vào chiến đấu ở môi trường đô thị và những loại đối thủ nào có thể sẽ phải đối mặt”.

VÔ VÀN THỬ THÁCH

Ngoài số dân khổng lồ, cho dù chen chúc trong các khu ổ chuột ngổn ngang hay các tòa nhà chọc trời bóng bẩy, các lực lượng quân đội có thể gặp phải những điều gì trong các siêu đô thị trên thế giới? Các hệ thống giao thông — ở tầm ngang bằng, trên hoặc dưới đường phố — có thể có hiệu quả hoặc bị quá tải. Chính phủ thành phố và chính quyền dân sự có thể đem đến sự ổn định và sự hỗ trợ hoặc, đơn giản là, tham nhũng và hỗn loạn. Chắc chắn rằng hàng chục triệu điện thoại thông minh và thiết bị kỹ thuật số sẽ tạo ra hỗn tạp tiếng ồn điện tử mà có thể gây tắc nghẽn mạng và gây trở ngại cho giao tiếp và điều hướng ở chiến trường.

Đối với đối thủ, “địa hình siêu đô thị sẽ là một yếu tố tạo thế cân bằng lớn”, ông Alex Ward, phó giám đốc của Trung tâm Brent Scowcroft về An ninh Quốc tế, đã viết trên tạp chí *The National Interest*.

Thực tế có nhiều hệ quả tiêu cực ngay tại nơi xảy ra chiến tranh đòi hỏi quân đội phải được trang bị cho một không gian chiến đấu khác thường. Ngoài vũ khí hạng nhẹ để tăng tính linh hoạt, ông Ward viết, các lực lượng sẽ cần các hệ thống chỉ huy, kiểm soát và liên lạc khó bị chặn, cảm biến và camera giám sát, và các công cụ in ấn 3D và hình ảnh hóa. Với nhiều siêu đô thị nằm trong vùng ven biển, các năng lực hoạt động cả trên cạn và dưới nước cũng sẽ rất quan trọng đối với sự thành công của quân đội.

Trong bài viết vào năm 2015 của mình, ông Ward cũng nhìn nhận rằng lãnh đạo của các trung đoàn và tiểu đoàn cần

Một người lính của Lực lượng Vũ trang của Philippines tham gia vào một cuộc tấn công vào một thị trấn giả lập trong Cuộc tập trận Carabarro 2019.

HA SĨ DESTINY DEMPSEY/QUÂN ĐOÀN THỦY QUÂN LỰC CHIẾN HOA KỲ



được đào tạo để đưa ra “quyết định chớp nhoáng trong những tình huống thiếu rõ ràng” đồng thời cân bằng những biến động về văn hóa và khu vực của thành phố.

Trong thời đại thông tin, chiến thắng trên chiến trường cũng đòi hỏi một lực lượng chiến đấu có thể vượt trội kẻ thù trong lĩnh vực nhận thức, theo Đại tá Quân đội Hoa Kỳ Todd Schmidt. Ông Schmidt đã viết trong một bài viết cho Viện Chiến tranh Hiện đại tại West Point: “Chúng ta phải có khả năng thu thập, giải mã, xử lý và hiểu một lượng cực lớn dữ liệu và thông tin nhanh hơn đối thủ”. “Năng lực này phải được kết hợp với các năng lực công nghệ tiên tiến — chẳng hạn như điện toán thực hiện trên đám mây, kỹ thuật robot, trí tuệ nhân tạo và thực tế ảo hoặc thực tế tăng cường — và khả năng truyền đạt kiến thức chúng ta có được từ dữ liệu bên trong và bên ngoài nhanh hơn địch thủ của mình”.

Những nhân tố xấu như các nhóm khủng bố, các băng nhóm tội phạm và phong trào nổi dậy cộng thêm “một khía cạnh quan trọng khác vào chiến tranh đô thị”, Trung tướng về hưu của Lực lượng Đặc biệt của Quân đội Ấn Độ Prakash Katoch đã viết trong bài viết vào tháng 11 năm 2018 “Chiến đấu trong các Thành phố” (“Combat in Cities”), được đăng trên trang web của tạp chí *Đánh giá Quốc phòng Ấn Độ* (Indian Defence Review). Các lực lượng thông thường phải chiến đấu với kẻ thù khác thường được trang bị các loại bom nổ tự chế và có thể tránh bị bắt giữ bằng cách trà trộn vào dân thường.

Suy ngẫm về mối liên hệ ngày càng tăng giữa quá trình đô thị hóa và an ninh, ông Katoch ghi nhận rằng các lực lượng quân đội từ châu Âu đến Trung Đông và xa hơn nữa đã thiết lập môi trường huấn luyện nhân tạo mô phỏng các căn hộ cao tầng, cửa hàng và chợ, trường học và các tòa nhà công cộng khác. Một số hoạt động quân sự trên địa hình đô thị, viết tắt là MOUT (military operations on urban terrain), các cơ sở vật chất được xây dựng bằng các hệ thống được ghép từ nhiều bộ phận rời giống như các miếng ghép Lego cỡ lớn và có thể được sắp xếp lại và điều chỉnh một cách nhanh chóng.

Càng làm phức tạp hơn công tác lập kế hoạch cho xung đột đô thị của quân đội là vai trò của các thành phố như là “trung tâm trọng lực” — trung tâm tài chính, quản trị, công nghiệp, truyền thông và giao thông vận tải, theo “Một Khái niệm cho các Hoạt động Quân sự trong Tương lai về Địa hình Đô thị” (“A Concept for Future Military Operations on Urbanized Terrain”), một báo cáo vào năm 1997 của Bộ Chỉ huy Phát triển Chiến đấu của Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ. Các lực lượng vũ trang có thể đồng thời tiến hành các hoạt động chiến đấu, các chức năng gìn giữ hòa bình và hỗ trợ nhân đạo ở các khu vực dân cư khác nhau — một khái niệm quân sự được gọi là “Chiến tranh Ba Khôi”.

Gần một phần tư thế kỷ đã trôi qua sau báo cáo đó, việc đảm bảo sự sẵn sàng cho chiến tranh đô thị vẫn là một mục tiêu khó đạt được. Vào năm 2019, Phòng Thí nghiệm Chiến đấu của Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ đã bắt đầu thu thập thông tin từ các công ty quốc phòng và các tổ chức hàn lâm cho việc phát triển các công nghệ vũ khí và các hệ thống khác cho một loạt các thử nghiệm kéo dài nhiều năm để mài giũa các năng lực chiến đấu của thành phố, theo báo cáo từ Military.com.

MỘT DẤU HIỆU CHO HÀNH ĐỘNG

Vào cuối năm 2017, hàng loạt binh sĩ của Lực lượng Quốc phòng Úc đã hợp tác với hàng chục nhà nghiên cứu, nhà khoa học và kỹ sư công nghệ từ Úc, Canada, New Zealand, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ để tiến hành Thử thách Chiến lược Môi trường Đô thị có Tranh chấp (Contested Urban Environment - CUE) đầu tiên. Là một phần trong Chương trình Hợp tác Kỹ thuật gồm năm quốc gia, thử thách này kéo dài 10 ngày bao gồm các kịch bản chiến tranh đô thị diễn ra trong các tòa nhà bệnh viện bỏ trống ở Adelaide, Úc.

Những người tham gia đã thử nghiệm công nghệ thể hệ tiếp theo như cảm biến trên không trung và trên mặt đất được tích hợp với các hệ thống giám sát vành đai và trên không để xác định các phương tiện và cấu trúc bị kẻ thù chiếm giữ và để phát hiện chuyển động bên trong và xung quanh các tòa nhà.

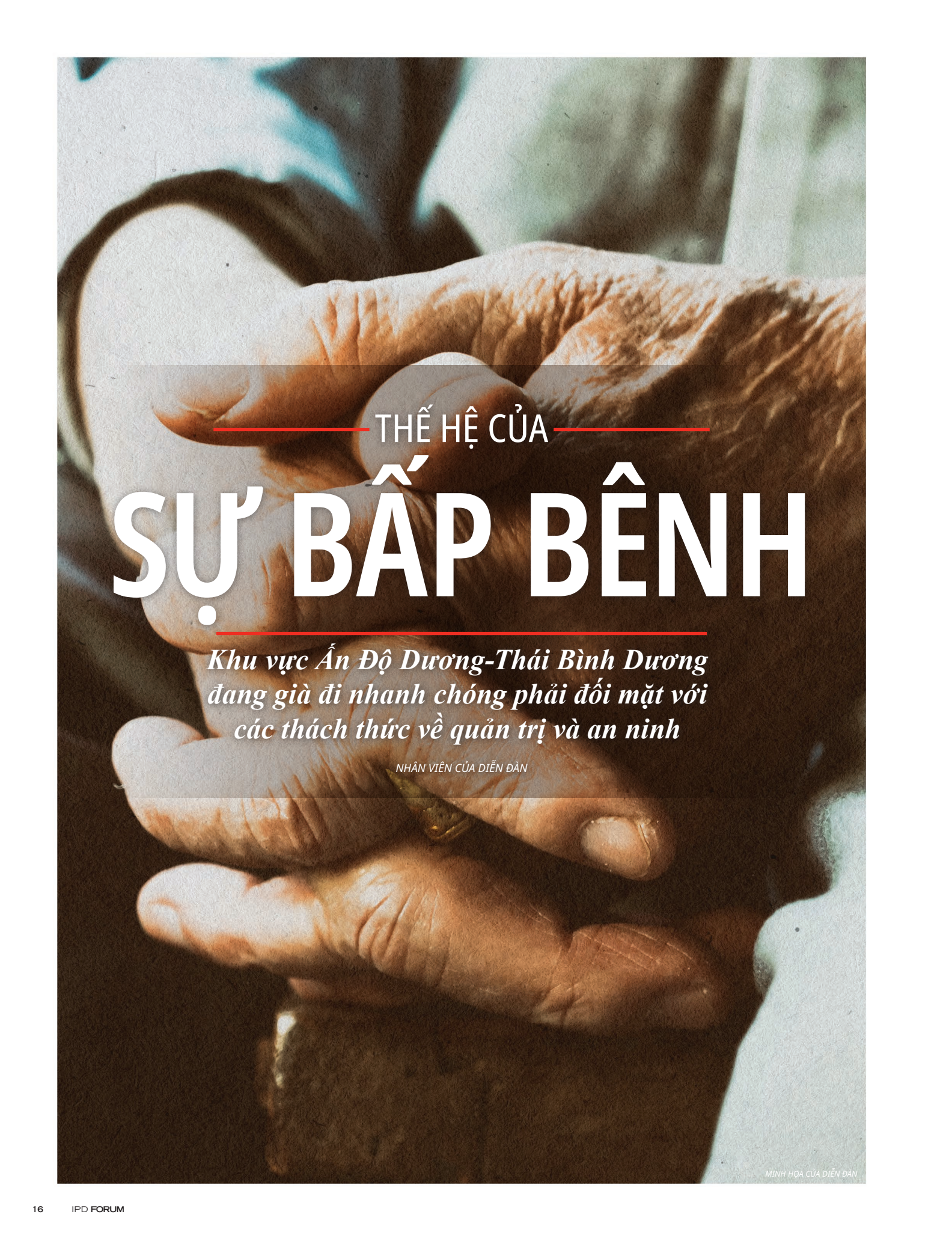
“Mục đích của chúng tôi là cung cấp cho những người đàn ông và phụ nữ ở tuyến đầu công nghệ hữu ích cho thông tin kịp thời, có chất lượng cao,” Tiến sĩ Justin Fidock, trưởng nhóm phân tích lĩnh vực con người thuộc Khoa học và Công nghệ Quốc phòng, một cơ quan trong Bộ Quốc phòng Úc, đã chia sẻ trong một podcast vào năm 2018 về cuộc tập trận này. “Họ cần phải tự tin rằng họ biết mình sẽ phải đối mặt với những gì khi bước chân vào một con đường hoặc vào một căn phòng trong một môi trường đô thị đang tranh chấp”.

Hai năm sau sự kiện khai mạc, Thách thức chiến lược CUE được tổ chức mỗi năm đã chuyển đến thành phố New York, một đô thị lớn với 8,5 triệu cư dân gần được xếp loại là siêu đô thị. Hơn 150 kỹ sư và nhà khoa học từ năm quốc gia thành viên đã đến thành phố này trong hai tuần để thử nghiệm các công nghệ mới xuất hiện.

Lower Manhattan đã được sử dụng như một điểm thử nghiệm ồn ào, sôi động và đông nghẹt người cho việc chiến đấu trong thành phố, cung cấp “hẻm núi đô thị được tạo ra bởi các tòa nhà chọc trời, lối đi trong ga tàu điện ngầm dài, hẹp — và đôi khi tối tăm — mái nhà và không gian bên trong sâu thẳm”, một bài viết vào tháng 11 năm 2019 về thách thức CUE được xuất bản trên trang web của Quân đội Hoa Kỳ đã nhận định.

40 dự án được thử nghiệm tập trung vào phân tích, bảo vệ lực lượng, trinh sát và giám sát, chỉ huy và kiểm soát, và chống lại các hệ thống máy bay không người lái. Trong một thử nghiệm, các kỹ sư từ Úc và Hoa Kỳ đã hợp tác để phát triển một nền tảng robot có thể điều hướng và lập bản đồ không gian một cách tự động — hoặc được điều khiển bởi các chuyển động của bàn tay và cơ thể của một người lính. Thực tế tăng cường cho phép người điều khiển nhìn thấy những gì robot mà nhìn thấy.

Bà Mary J. Miller, phó giám đốc, trưởng nhóm nghiên cứu quốc phòng và kỹ thuật cho nghiên cứu và công nghệ, Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ, đã trình bày trong bài viết vào năm 2019: “Mục tiêu tổng quát của CUE là hiểu rõ hơn về bản chất của các thách thức đô thị và tăng cường sự hiểu biết của chúng tôi về những hạn chế của các công nghệ hỗ trợ các khái niệm hoạt động”. “Cuối cùng thì”, bà Miller nói, “chúng tôi sẽ sử dụng thông tin này để tạo ra các năng lực làm tăng thành công của nhiệm vụ đồng thời giảm rủi ro cho lực lượng quân đội của chúng tôi trong các hoạt động đô thị”. □



THẾ HỆ CỦA SỰ BẮP BÊNH

Khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương đang già đi nhanh chóng phải đối mặt với các thách thức về quản trị và an ninh

NHÂN VIÊN CỦA DIỄN ĐÀN

MINH HOA CỦA DIỄN ĐÀN

Tỷ lệ sinh đang giảm dần và dịch vụ chăm sóc sức khỏe tốt hơn đang tạo ra một hiện tượng lão hóa toàn cầu và gây sức ép lên các chương trình phúc lợi, làm chậm tốc độ tăng trưởng kinh tế và đặt ra các câu hỏi về an ninh. Quá trình lão hóa của cả xã hội này không ở đâu cấp bách hơn khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, là nơi có quốc gia già nhất thế giới theo tỷ lệ phần trăm — Nhật Bản — nơi 28% dân số từ 65 tuổi trở lên. Điều đó có nghĩa là cứ mỗi người trong độ tuổi từ 20 đến 64, thì có một người trên 65 tuổi, tức là có khoảng 35,2 triệu người trên 65 tuổi ở Nhật Bản.

Các chuyên gia dự đoán rằng số lượng đang giảm dần của công dân trong độ tuổi lao động và độ tuổi nhập ngũ của khu vực có thể gây sức ép lên các ngân sách chính phủ và khiến các lực lượng quân đội phải dựa vào công nghệ để bù đắp cho số lượng binh sĩ đang giảm đi. Đối mặt với sự suy giảm dân số đáng kể nhất trong nhiều thập kỷ qua, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc) có hơn 176 triệu người từ 65 tuổi trở lên tức là khoảng 12,6% dân số của nước này, tuy nhiên Trung Quốc đã mở rộng ảnh hưởng ở Biển Đông, quân sự hóa các bãi cát ngầm mà các nước láng giềng tuyên bố chủ quyền, và xây dựng cầu tàu và các kho vũ khí để bảo vệ những chỗ đó. Những hành động như vậy của một quốc gia phải đối mặt với tổng sản phẩm quốc nội (gross domestic product - GDP) sẽ giảm đi trong tương lai và các quỹ hưu trí bị phá sản có vẻ như khó hiểu.

Tiến sĩ Jennifer Sciubba, giáo sư nghiên cứu quốc tế Stanley J. Buckman tại Đại học Rhodes ở Memphis, Tennessee, và là một nghiên cứu viên toàn cầu của Chương trình Biến đổi Môi trường và An ninh tại Trung tâm Wilson ở Washington, D.C. cho biết: “Những điều chúng ta thấy là trong trường hợp các mối đe dọa được nhìn nhận là đủ nghiêm trọng, thì ngay cả các quốc gia đang già đi cũng sẵn sàng làm những gì cần thiết để đầu tư vào quốc phòng”.

Bà Sciubba nói với *FORUM* rằng các xu hướng lão hóa của khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, mặc dù tốn nhiều của cải vật chất, đã không làm giảm nhu cầu cho chi tiêu quốc phòng. Trên thực tế, các nhà lãnh đạo của khu vực dường như muốn đầu tư nhiều hơn vào việc bảo vệ tài nguyên và lãnh thổ của mình khi dân số già đi. “Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương là một khu vực căng thẳng với rất nhiều cường quốc cạnh tranh, mặc dù người dân của những cường quốc đó đang trải qua quá trình lão hóa mạnh. Nhật Bản là quốc gia già nhất thế giới tính về độ tuổi trung bình”, bà nói.

KẾT THÚC THỜI KỲ BÙNG NỔ

Theo báo cáo vào tháng 10 năm 2019 của Cơ quan về các Vấn đề Kinh tế và Xã hội Liên Hợp Quốc, vào năm 2019, thế giới đã có 703 triệu người trên 65 tuổi. Khu vực Đông Á và Đông Nam Á là nơi có dân số lớn nhất thế giới trong nhóm tuổi đó — 261 triệu người — tiếp theo là châu Âu và Bắc Mỹ.

Những khu vực đó của châu Á, bao gồm cả Trung Quốc, quốc gia có dân số cao nhất thế giới, đến năm 2050 sẽ có số người cao tuổi tăng lên 573 triệu, báo cáo của LHQ nhận xét. Sự gia tăng này sẽ đi đôi với sự suy giảm dân số lớn nhất trong nhiều thập kỷ của Trung Quốc, là tiền đề của một loạt những thách thức mạnh lên một cách nhanh chóng.

- **Lực lượng Lao động bị Thu hẹp:** Các nhà nghiên cứu



Cư dân của một cộng đồng người cao tuổi ở ngoại ô Bắc Kinh tham gia vào một lớp học khiêu vũ. AFP/GETTY IMAGES

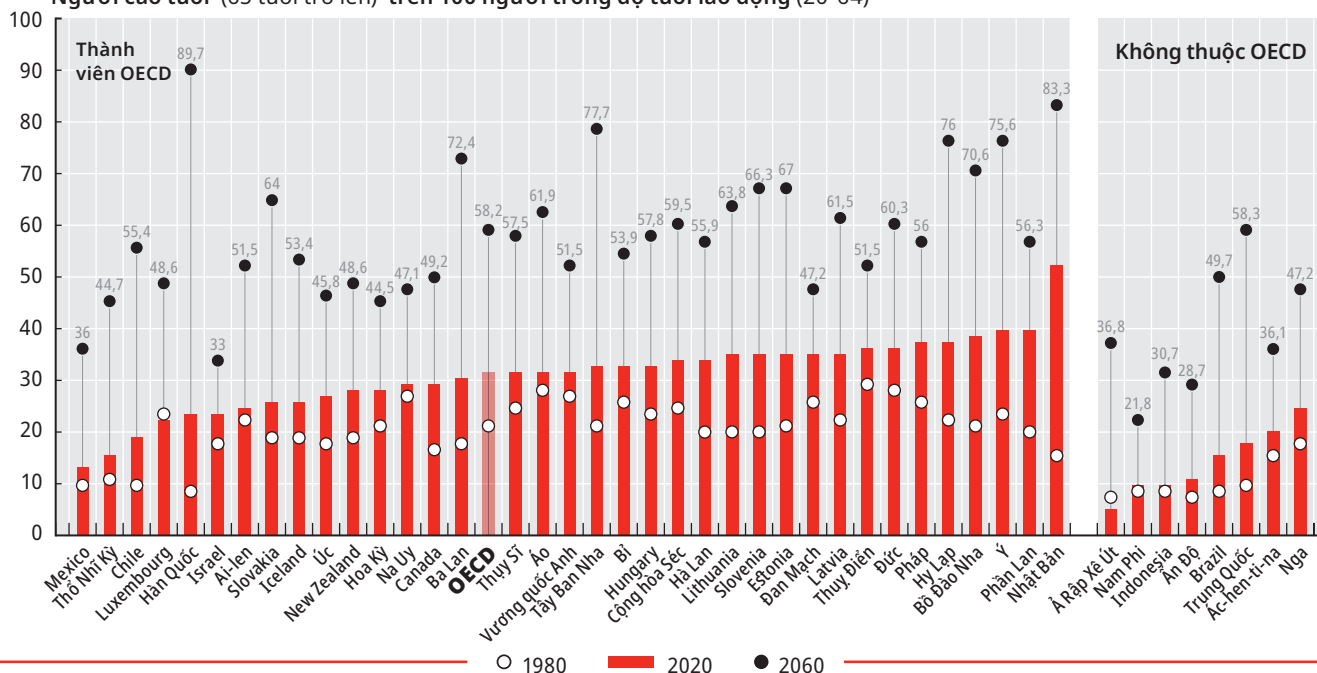
thuộc chính phủ tại Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Trung Quốc dự đoán rằng đến năm 2029 dân số của quốc gia này sẽ đạt đỉnh ở mức hơn 1,4 tỷ và sau đó trải qua một sự suy giảm “không thể ngăn được” mà đến năm 2050 có thể làm cho dân số giảm xuống 1,36 tỷ, tức là lực lượng lao động giảm đến 200 triệu người. “Từ góc độ lý thuyết, sự suy giảm dân số trong một thời gian dài, đặc biệt là khi hiện tượng này đi kèm với một dân số không ngừng lão hóa, chắc chắn là sẽ gây ra những hậu quả xã hội và kinh tế rất bất lợi”, học viện cho biết trong một báo cáo vào năm 2019. Ấn Độ dự kiến sẽ vượt Trung Quốc để chiếm vị trí quốc gia đông dân nhất thế giới khi quá trình sụt giảm của Trung Quốc bắt đầu.

- **Lương hưu Biển mất:** Một báo cáo vào tháng 4 năm 2019 cũng của viện nghiên cứu này cho biết đến năm 2035 quỹ hưu trí nhà nước của Trung Quốc sẽ cạn kiệt. Lương hưu đang gây sức ép lên các ngân sách chính phủ. Việc trả lương hưu đạt 640 tỷ nhân dân tệ (90 tỷ đô la Mỹ) vào năm 2016, tăng 140% so với 5 năm trước đó. Các nhà phân tích cho rằng đến năm 2050 con số này có thể tăng lên đến 60 nghìn tỷ nhân dân tệ trong một năm, chiếm hơn 20% tổng chi tiêu của chính phủ, theo một báo cáo vào tháng 9 năm 2019 trên tạp chí *The National Interest*. Căng thẳng ngân sách này sẽ xảy ra bất chấp sự cam kết hạn chế của Trung Quốc đối với lương hưu và chăm sóc sức khỏe. Ước tính 900 triệu công dân Trung Quốc — gần hai phần ba dân số — sống với lưới an sinh xã hội ở mức ít ỏi.
- **Những Dấu hiệu của Tình trạng Bất ổn:** Sự bất ổn về mặt tài chính của hệ thống lương hưu đang khiến người dân lo lắng, theo một bài phóng sự của Voice of America vào tháng 4 năm 2019. Trên Weibo, trang web viết blog ngắn, một nhân viên trẻ trong ngành công nghệ kỹ thuật của Trung Quốc phàn nàn rằng giờ làm việc dài sẽ không đảm bảo cho anh ta một tấm chi phiếu khi về hưu. “Mẫu chốt của việc [khuyến khích] chúng tôi làm việc theo lịch 996 [9 giờ sáng đến 9 giờ tối sáu ngày một tuần] là chúng tôi có thể làm

TỶ LỆ ĐANG TĂNG

Ở nhiều nước, tỷ lệ tuổi già so với tuổi lao động sẽ tăng gần gấp đôi trong 40 năm tới

Người cao tuổi (65 tuổi trở lên) trên 100 người trong độ tuổi lao động (20-64)



Nguồn: Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (Organisation for Economic Co-operation and Development - OECD)

việc đến chết trước khi nghỉ hưu để tránh cho hệ thống lương hưu thiếu quỹ của đất nước này khỏi phải giải quyết một vấn đề. Có đúng là như vậy không?” anh ta đã viết. Các cựu chiến binh cũng đang lên tiếng. Quân đội Trung Quốc đã bắt tay vào một chương trình tinh giản nhân sự và cải tiến công nghệ, và nhiều binh sĩ xuất ngũ đã xuống đường trong vài năm qua để phản đối tình trạng thiếu việc làm, hỗ trợ chăm sóc sức khỏe và các phúc lợi khác. Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) đã mạnh tay trong việc trừng trị những người bất đồng chính kiến. Theo The Associated Press đưa tin, vào tháng 4 năm 2019, tòa án Trung Quốc đã kết án 47 người tới sáu năm tù vì sự tham gia của họ trong các cuộc biểu tình vào năm 2018, mà trong đó gồm có hàng trăm cựu binh.

THAM VỌNG HỘI NGỘ THỰC TẾ

Nhìn từ xa, cơ sở hạ tầng khổng lồ của Trung Quốc và các chiến dịch chi tiêu quân sự truyền tải những cam bẫy của một cường quốc đang mạnh lên. Trung Quốc đã khẳng định lại vị thế áp đảo của mình đối với các khu vực ngoại biên trong nước và gia tăng áp lực quân sự đối với các nước láng giềng. Ví dụ như Trung Quốc đã dựng độ ở khu vực biên giới với Ấn Độ, quân sự hóa các bãi cát ngầm ở Biển Đông, đàn áp quyền tự do ngôn luận ở Hồng Kông và gây áp lực lên Đài Loan trong cuộc bầu cử tổng thống. Đồng thời, nước này đang đầu tư hàng tỷ đô la vào các công nghệ mới xuất hiện và đã bắt tay vào một kế hoạch cơ sở hạ tầng trị giá 1 nghìn tỷ đô la Mỹ được gọi là Một vành đai, Một con đường (One Belt, One Road - OBOR) để kết nối Trung Quốc với phần còn lại của thế giới thông qua các dự án đường sắt, sân bay, cảng và đường cao tốc.

Sự kết hợp này đã khiến các nhà nhân khẩu học và các nhà khoa học xã hội đặt câu hỏi Trung Quốc sẽ làm thế nào để có

thể tiếp tục việc chi tiêu mạnh tay trong khi sự gia tăng dân số và tăng trưởng kinh tế của nước này sắp sứt giảm. Một học giả đã đưa ra câu trả lời rất đơn giản: Trung Quốc không thể.

Ông Salvatore Babones, một học giả làm việc theo hợp đồng tại Trung tâm Nghiên cứu Độc lập ở Sydney, Úc và là phó giáo sư tại Đại học Sydney cho biết: “Những dự đoán về sức mạnh của Trung Quốc trong tương lai cuối cùng đều dựa trên việc nhân sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng tính theo bình quân đầu người với dân số khổng lồ gồm 1,4 tỷ người”. “Bây giờ sự tăng trưởng kinh tế đó đã đến hồi dừng lại” và dân số dự kiến sẽ giảm, “những dự đoán đó phải được xem xét lại”, ông Babones đã nói với *DIỄN ĐÀN*. “Trung Quốc sẽ không trở thành một siêu cường toàn cầu. Giống như Nga trước đây, Trung Quốc sẽ trở thành “một quốc gia có thu nhập trung bình khác nữa bị trì trệ trên đà tăng trưởng”, ông nói.

Trong một bài báo vào tháng 7 năm 2020 viết cho tạp chí *Foreign Policy*, ông Babones đã vẽ một bức tranh sống động về thời điểm sắp xảy ra khi nước này phải đáp ứng những nghĩa vụ tài chính của mình. Theo các số liệu của chính phủ, ngay cả trước khi đại dịch vi-rút corona xảy ra, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc đã chậm lại từ mức hai con số vào đầu những năm 2000 xuống còn 6,1% vào năm 2019. Thực tế có lẽ còn tệ hơn: Viện Brookings báo cáo rằng từ trước đến nay Trung Quốc đã đánh giá quá cao mức tăng trưởng GDP khoảng 1,7 điểm phần trăm mỗi năm.

Ông Babones đã viết rằng doanh thu thuế của nước này chỉ tăng 3,8% trong năm 2019 so với 6,2% trong năm 2018 và 7,4% trong năm 2017. Tuy nhiên, chi tiêu của Trung Quốc đã tăng 8,1% trong năm 2019. “Trong suốt thập niên 2010, Trung Quốc đã chi tiêu mà không tính toán gì đến tương lai, tự tin rằng tương lai sẽ luôn mang đến đủ sự tăng trưởng kinh tế để

chỉ trả cho những khoản chi tiêu quá tay của ngày hôm nay, với một chút còn dư để bôi trơn bánh xe tham nhũng,” ông Babones đã nói với *DIỄN ĐÀN*. “Bây giờ các khoản thu thuế đã giảm dần, nước này phải đối mặt với các hạn chế về ngân sách nghiêm trọng hơn bao giờ hết. Điều này khiến các dự án bị trì hoãn, các tàu chiến bị hủy bỏ và những đòi hỏi rằng các đối tác quốc tế phải trả nhiều hơn cho những chi phí dành cho việc phát triển cơ sở hạ tầng của họ mà Trung Quốc tài trợ. Thực tế là Trung Quốc đã phải bỏ tiền ra để có bạn bè, và bây giờ nước này không còn đủ khả năng để làm như vậy nữa, thì những người bạn đó đang bỏ rơi Trung Quốc.”

NHỮNG RẮC RỐI TỪ COVID-19

Đại dịch COVID-19 đã khiến một số dự án cơ sở hạ tầng chủ lực của Trung Quốc bị chậm lại, bao gồm Hành lang Kinh tế Trung Quốc-Pakistan, Đặc khu Kinh tế Sihanoukville của Campuchia và nhà máy điện Payra ở miền nam Bangladesh, theo một phân tích vào tháng 8 năm 2020 được đăng trên tờ *Financial Express*, một tờ báo tiếng Anh ở Ấn Độ.

“Ngay cả trước khi COVID-19 gây tổn hại nặng nề cho các chuỗi cung ứng và áp đặt lệnh cấm đi lại lên người lao động Trung Quốc, nhiều dự án [OBOR] của Trung Quốc đặc biệt là ở châu Phi đã phải chịu sự soi xét. Các nước châu Phi đã kêu gọi 100 tỷ đô la tiền cứu trợ và giảm nợ để giúp họ đối phó với các tác động nghiêm trọng của đại dịch”, nhà phân tích các vấn đề toàn cầu Syed Ali đã viết.

Các dự án cơ sở hạ tầng chắc chắn sẽ tiếp tục khi lệnh phong tỏa được dỡ bỏ. Tuy nhiên, một nền kinh tế Trung Quốc đang thu hẹp bị làm chậm lại bởi những thay đổi nhân khẩu học có nhiều khả năng sẽ khiến Bắc Kinh “ưu tiên việc giảm thiểu tác động tài chính của vi-rút và giải quyết cuộc chiến thương mại với Hoa Kỳ thông qua việc triển khai các dự án cơ sở hạ tầng mới ở nước ngoài”. Mặc dù các dự án OBOR có thể không bị hoãn lại, “chúng chắc chắn sẽ bị ảnh hưởng rất nhiều bởi sự chậm trễ”, ông Ali viết.

HỆ QUẢ CỦA CHÍNH SÁCH MỘT CON

Mặc dù tỷ lệ sinh ở Trung Quốc đã bắt đầu giảm trước khi chính sách một con tai tiếng của nước này được áp dụng, chương trình kiểm soát dân số của chính phủ rõ ràng đã kiềm chế sự tăng trưởng của Trung Quốc. Chính sách này đã được bắt đầu tiến hành vào năm 1979 và đến năm 2015 mới chính thức kết thúc. Để buộc người dân tuân thủ, chính quyền các tỉnh bắt họ phải sử dụng biện pháp tránh thai và bắt buộc phá thai và triệt sản.

Với dân số đang già đi của Trung Quốc và tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại, các nước láng giềng trong khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương đang theo dõi để xem ĐCSTQ sẽ làm gì để tiếp tục cuộc tìm kiếm vị thế siêu cường trong khi những yếu tố nhân khẩu học gây trở ngại cho việc đó. Ông Ross Babbage, một nghiên cứu viên cao cấp không thuộc biên chế của Trung tâm Đánh giá Ngân sách kiêm Chiến lược ở Washington, D.C., và Giám đốc Điều hành của Diễn đàn Chiến lược ở Canberra, Úc, đã viết: “Sự hung hăng và bất tài của chế độ đã làm nhiều việc để tách Trung Quốc khỏi cộng đồng quốc tế được tôn trọng hơn bất cứ điều gì khác mà những đồng minh phương Tây đã làm”. Trong một bài viết vào tháng 8 năm 2020 cho tờ *The Australian*, ông nói thêm rằng quốc gia cộng sản này “có ít bạn bè quốc tế, không có đồng minh

nào đáng tin cậy và một loạt những quốc gia đầy cảnh giác ở Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương đang hợp tác chặt chẽ hơn để ngăn trở những tham vọng của Trung Quốc”.

Việc cần phải liên tục cảnh giác với một Trung Quốc có dã tâm bành trướng sẽ không giảm đi chỉ vì Trung Quốc đang già đi. Bà Sciubba chỉ ra rằng dân số của những người trong độ tuổi lao động năng suất nhất — những người từ 20 đến 64 tuổi — đã đạt đỉnh cao ở Trung Quốc, Đức, Nhật Bản, Nga, Hàn Quốc và Hoa Kỳ. “Đây là một số quốc gia quan trọng từ góc độ an ninh quốc gia, và tất cả những quốc gia này đều đang trải qua những thay đổi nhân khẩu học tương tự. Vì vậy, chúng ta cần phải cẩn thận để không giả định rằng họ sẽ đột nhiên không có mục tiêu thể hiện sức mạnh hoặc bảo vệ biên giới chỉ vì họ đang già đi. Cho đến nay, đơn giản là chúng tôi không cho rằng những điều đó sẽ biến mất”.



Một ông cụ đẩy một cụ bà ngồi xe lăn trên một con phố ở Bắc Kinh vào tháng 6 năm 2020. AFP/GETTY IMAGES

Việt Nam là một trường hợp điển hình. Theo một nghiên cứu vào tháng 7 năm 2020 được đăng trên tạp chí y tế *The Lancet*, dân số của quốc gia Đông Nam Á này dự kiến sẽ đạt đỉnh là 107,2 triệu người vào năm 2044, sớm hơn một thập kỷ so với dự báo của Liên Hợp Quốc vào năm 2019. Tuy nhiên, một phần do sự xâm phạm của Trung Quốc vào vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, việc Trung Quốc thăm dò dầu mỏ ở vùng biển của nước này và quân sự hóa các đảo ở Biển Đông, Việt Nam tiếp tục chi tiêu nhiều hơn cho quốc phòng.

Chính phủ Việt Nam dự đoán rằng chi tiêu quốc phòng của mình sẽ tăng từ 5,5 tỷ đô la Mỹ vào năm 2020 lên 7,9 tỷ đô la Mỹ vào năm 2024, cho phép họ mua máy bay chiến đấu và máy bay đa chức năng, xe bọc thép, tàu thuyền, máy bay tuần tra trên biển và thiết bị giám sát.

Khi chi tiêu quốc phòng của khu vực tăng lên, tương lai của chế độ cai trị Trung Quốc vẫn còn là một câu hỏi. ĐCSTQ “có thể loay hoay, có thể cải cách hoặc có thể sụp đổ,” ông Babbage viết. Tuy nhiên, khả năng thứ tư chính là điều khiến các đồng minh và đối tác của khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương phải luôn đề cao cảnh giác. “Cũng có nguy cơ rằng đội ngũ lãnh đạo có thể sử dụng những lối hành xử mạo hiểm trên trường quốc tế để đánh lạc hướng công chúng và tăng cường sự vững chãi của chế độ.” □

NHỮNG NGƯỜI PHỤ NỮ BỊ MẤT TÍCH CỦA KHU VỰC ẤN ĐỘ DƯƠNG-THÁI BÌNH DƯƠNG

**Sự Chênh lệch giới ở Trung Quốc liên quan
đến nạn buôn bán người và ngược đãi**

NHÂN VIÊN CỦA DIỄN ĐÀN | ẢNH CỦA AFP/GETTY IMAGES

Một sự chênh lệch khổng lồ về giới tính ở quốc gia lớn nhất thế giới đang góp phần gây ra các mối lo ngại về an ninh trên khắp khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương vì những người đàn ông khao khát có vợ thực hiện các biện pháp cực đoan để duy trì dòng họ của mình. Các chuyên gia dự đoán rằng nhiều người đàn ông ở Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc) sẽ không bao giờ kết hôn và những người khác có thể phải tốn rất nhiều công sức để tìm vợ.

Sự chênh lệch giới này đóng một vai trò trong vô số các tệ nạn xã hội và tội phạm, từ nạn buôn bán phụ nữ và trẻ em gái đến sự bất bình đẳng trong việc trả lương và tội phạm tình dục. Với dân số khoảng 1,4 tỷ người, số lượng đàn ông ở Trung Quốc nhiều hơn số lượng phụ nữ là 34 triệu người. Các chuyên gia cho biết, hậu quả của việc kiểm soát dân số theo chủ trương nhà nước, chẳng hạn như chính sách một con đầy tai tiếng của Trung Quốc được áp dụng từ năm 1979 đến năm 2015 cũng như tập quán văn hóa chuộng con trai đã góp phần vào nạn buôn bán phụ nữ và trẻ em gái trong nước và ở các nước láng giềng.

Tổ chức phi lợi nhuận Human Rights Watch đã nêu bật vấn đề này trong một báo cáo vào tháng 3 năm 2019 tập trung vào nạn buôn bán phụ nữ trẻ từ Miến Điện sang Trung Quốc. Tại vùng Kachin và các bang Shan ở miền bắc của Miến Điện, nơi giáp biên giới với Trung Quốc, các cuộc xung đột kéo dài đã làm 100.000 người bị mất chỗ ở. Những kẻ buôn người lợi dụng môi trường hỗn

loạn này để mời chào những phụ nữ và trẻ em gái sống trong tình thế bấp bênh bằng cách cung cấp cho họ công ăn việc làm và phương tiện di chuyển đến Trung Quốc.

"Sau đó chúng bán những người này, với giá khoảng từ 3.000 đến 13.000 đô la Mỹ, cho các gia đình Trung Quốc đang gặp khó khăn trong việc tìm cô dâu cho con trai mình", Human Rights Watch đã báo cáo. "Sau khi bị mua về, phụ nữ và trẻ em gái thường bị nhốt trong phòng và bị hiếp dâm nhiều lần, với mục đích là làm cho họ nhanh chóng mang thai và có thể sinh một em bé cho gia đình đó." Sau khi sinh con, một số nạn nhân trốn thoát nhưng buộc phải bỏ lại con mình, báo cáo cho biết.

Human Rights Watch đã vạch trần các hoạt động buôn người tương tự từ Campuchia, Triều Tiên và Việt Nam sang Trung Quốc. Theo báo cáo của Liên Hợp Quốc, đến năm 2026, dân số Trung Quốc sẽ có ba nam giới trong độ tuổi từ 15 đến 29 cho mỗi nữ giới trong nhóm tuổi đó.

Khu vực bị tàn phá bởi chiến tranh

Trong báo cáo của mình, với tiêu đề "Hãy cho chúng ta một đứa bé rồi chúng ta sẽ để người đi" ("Give Us a Baby and We'll Let You Go"), Human Rights Watch đã minh họa một khung cảnh tuyệt vọng ở Miến Điện. Sự giằng co giữa các lực lượng của chính phủ Miến Điện và Tổ chức Độc lập Kachin (Kachin Independence Organization, KIO) đã tồn tại từ ngày độc lập của quốc gia này vào năm 1948. Thỏa thuận đình chiến kéo dài 17 năm đã chấm dứt vào năm 2011. Việc này đã dẫn đến

Cô Vũ Thị Định cầm một bức ảnh của cô con gái vị thành niên và một người bạn, những người được cho là đã bị bán làm cô dâu trẻ em. Cô đã lùng sục tìm kiếm khắp vùng đồi núi lởm chởm ở khu vực biên giới Việt Nam gần Trung Quốc trong nhiều tuần sau khi hai người đã biến mất.



tình trạng thù địch leo thang và khiến 100.000 người Kachin và các dân tộc thiểu số khác bị mất chỗ ở.

Sự hỗn loạn khiến nhiều người phải vật lộn để sinh tồn, và quyết định của Miến Điện về việc chặn viện trợ nhân đạo cho các khu vực do KIO kiểm soát càng khiến tình hình thêm khó khăn hơn. Mặc dù rất khó tính toán được số lượng phụ nữ và trẻ em gái bị buôn bán sang Trung Quốc, Ủy ban Nhân quyền Myanmar (Miến Điện) cho biết dữ liệu về nhập cư cho thấy 226 phụ nữ đã bị buôn bán sang Trung Quốc trong năm 2017. Bộ Phúc lợi Xã hội của Miến Điện cho biết mỗi năm họ hỗ trợ cho 100 đến 200 phụ nữ là nạn nhân của nạn buôn bán người trở về từ Trung Quốc.

Những con số này chỉ là một phần rất nhỏ trong tổng số vì nhiều trường hợp không bao giờ được báo cáo, phụ nữ và trẻ em gái bị buôn bán có thể không bao giờ được tìm thấy, và nhiều người trốn thoát giữ bí mật về trải nghiệm của họ, Human Rights Watch cho biết.

Những điểm nóng trong khu vực

Miến Điện không phải là quốc gia duy nhất là nơi mà phụ nữ dễ gặp nguy hiểm. Campuchia, Triều Tiên, Pakistan và Việt Nam cũng báo cáo về việc phụ nữ và trẻ em gái biến mất vào Trung Quốc. Một báo cáo vào tháng 12 năm 2019 của The Associated Press hé lộ rằng Pakistan đã thống kê rằng có 629 cô gái bị bán làm vợ cho đàn ông Trung Quốc kể từ năm 2018.

Tại Campuchia, vào tháng 5 năm 2020, Bộ Nội vụ đã báo cáo rằng 111 phụ nữ Campuchia đã trở về từ Trung Quốc trong năm 2019 sau khi đã bị bán làm cô dâu. Những người phụ nữ thường bị lừa đến đó với những lời dụ dỗ giả vờ. Theo Human Rights Watch, họ được hứa hẹn những công việc có mức lương cao nhưng thường bị ép kết hôn.

Một khu vực khác dễ bị nhắm đến là đường biên giới dài, nhiều núi non giữa Việt Nam và Trung Quốc. Địa hình này giúp những kẻ buôn người dễ dàng bắt cóc các cô gái Việt Nam từ các ngôi làng và đưa họ qua biên giới, theo phóng sự của Kênh

Tin tức châu Á (Channel NewsAsia - CNA) vào tháng 8 năm 2019. “Buôn người kiếm được rất nhiều tiền. Những kẻ buôn người có thể kiếm được hàng chục ngàn đô la cho một thương vụ,” ông Michael Brosowski, người sáng lập ra Tổ chức Trẻ em Rồng Xanh (Blue Dragon Children's Foundation), một tổ chức từ thiện có trụ sở tại Hà Nội, đã nói với CNA.

Theo Bộ Công an Việt Nam, hơn 3.000 người Việt Nam — chủ yếu là phụ nữ và trẻ em gái — đã bị buôn bán từ năm 2012 đến năm 2017. Theo CNA đưa tin, số trường hợp không được báo cáo được cho là cao hơn nhiều.

Một thiếu nữ từ khu vực Bắc Hà, Việt Nam, nói với hãng thông tấn rằng cô đã bị lừa và bán cho một nhóm buôn người ở Trung Quốc. Cô ấy nói rằng mình đã không hề hay biết chuyện gì đang xảy ra “cho đến khi tôi đến một quận nào đó và nhìn thấy các chữ viết bằng tiếng Trung Quốc. Đó là lúc tôi nhận ra rằng mình đã bị bán. Tôi đã rất sợ hãi.”

Tuy nhiên, tình huống lặp đi lặp lại rất đáng buồn này — một phần là do sự kỳ thị gắn liền với việc không có vợ ở Trung Quốc — không nhất thiết sẽ phải tiếp tục xảy ra trong nhiều thập kỷ nữa. Thái độ của người Trung Quốc đối với quy mô gia đình đã thay đổi, vì vậy dự đoán rằng thái độ đối với hôn nhân cũng có thể thay đổi là một điều thực tế, Tiến sĩ Jennifer Sciubba, giáo sư nghiên cứu quốc tế Stanley J. Buckman tại Đại học Rhodes ở Memphis, Tennessee, đã nói với *DIỄN ĐÀN*.

“Một số nhà nghiên cứu đã chỉ ra, mà tôi nghĩ là đúng đắn, rằng chúng ta đã có một cái nhìn quá tĩnh về văn hóa khi giả định rằng áp lực xã hội lên nam giới về việc tìm vợ khi thiếu phụ nữ sẽ dẫn đến tình trạng bất ổn trong nước, nhưng những quy chuẩn cũng thay đổi,” bà Sciubba nói. “Việc ý nghĩa của hôn nhân ở Trung Quốc sẽ thay đổi cũng hợp lý không kém gì so với việc các

Cô Lầu Thi My, sống ở một khu vực miền núi của Việt Nam giáp ranh với Trung Quốc, đã bị những kẻ buôn người lừa gạt bằng cách hứa cho cô một công việc.



tiêu chuẩn về quy mô gia đình đã thay đổi. Và chúng ta đã thấy những sự thiên vị đó giảm đáng kể chỉ trong vài thập kỷ.”

Những bé gái bị mất tích

Việc lựa chọn giới tính có thể được đo lường bằng cách sử dụng tỷ lệ giới tính tại thời điểm trẻ được sinh ra trong một khoảng thời gian nhất định. Theo báo cáo của LHQ, tỷ lệ giới tính bình thường về mặt sinh học tại thời điểm trẻ được sinh ra có thể dao động từ 102 đến 106 nam trên 100 nữ, nhưng ở một số khu vực trên thế giới, người ta đã thấy tỷ lệ này cao đến mức 130 nam trên 100 nữ.

Việc ưu ái con trai do tập quán văn hóa đã dẫn đến những thay đổi sâu sắc, lâu dài trong tỷ lệ giữa nữ giới và nam giới ở Trung Quốc nói riêng. Ở nhiều quốc gia, những tỷ lệ mất cân bằng này dẫn đến tình trạng “túng quẫn trong hôn nhân”, báo cáo cho biết, điều này góp phần làm tăng nạn buôn bán người và tảo hôn.

Bà Sciubba cho biết việc thiếu người để kết hôn như thế này là một biểu hiện của các cấu trúc xã hội lớn hơn mà khinh thường phụ nữ. “Trong trường hợp này, phụ nữ rõ ràng là bị đánh giá thấp hơn so với nam giới, đến mức mà các gia đình sẵn sàng bỏ thai nhi là con gái để thực hiện sự ưu tiên của họ là muốn có con trai,” bà nói.

Đại dịch càng đổ thêm dầu vào lửa

Nạn buôn bán người không phải là hệ quả duy nhất liên quan đến sự chênh lệch về giới ở Trung Quốc và trong khu vực.

Tình trạng bấp bênh của phụ nữ trong lực lượng lao động đã trở nên tồi tệ hơn bởi sự mất cân bằng chung và càng trầm trọng hơn bởi đại dịch vi-rút corona.

Theo Bloomberg đưa tin, với những bất lợi vốn đã chồng chất, dịch COVID-19 bùng phát và lệnh phải ở nhà tại nhiều quốc gia đã gây tác động tiêu cực ở mức không cân xứng lên phụ nữ. Nhiều người trong số những lao động di cư đã bị buộc phải rời khỏi các thành phố để về nhà ở nông thôn là phụ nữ, vốn chiếm một số lượng quá lớn trong các công việc thuộc ngành dịch vụ mà dễ bị ảnh hưởng. Theo tin từ Bloomberg, ông Sanjay Mathur, một nhà kinh tế học của Tập đoàn Ngân hàng Úc và New Zealand cho biết: “Các quy định do phong tỏa và giãn cách xã hội có lẽ gây tác động quá lớn đến phụ nữ”. “Điều đáng lo ngại ở đây là tác động kinh tế sẽ được thể hiện qua các chỉ số việc làm cũng như chỉ số về sức khỏe thể chất và tinh thần trong những năm tới.”

Trách nhiệm và Phòng ngừa

Khi nói đến một trong những tội ác đáng ghê tởm nhất đối với phụ nữ — nạn buôn bán người — Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đã ấn hành báo cáo về nạn Buôn bán Người (Trafficking in Persons - TIP) trong 20 năm để đem đến một cái nhìn toàn cầu về vấn đề này và để buộc các quốc gia phải có trách nhiệm. Trong một lá thư giới thiệu báo cáo TIP cho năm 2020, Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ lúc bấy giờ là ông Mike Pompeo đã ghi nhận rằng những kẻ buôn người tước đi “quyền tự do cơ bản của gần 25 triệu người, buộc họ phải sống đời nô lệ và làm việc quần quật để đem đến lợi nhuận cho kẻ bóc lột”.

Ông cho biết, báo cáo TIP này cung cấp dữ liệu cho các chính phủ để truy tố những kẻ buôn người, hỗ trợ cho các nạn nhân bị tổn thương tâm lý và ngăn ngừa tội ác. Đối với Trung Quốc, còn nhiều việc cần phải làm, báo cáo cho biết.

Đạo luật Bảo vệ Nạn nhân của Nạn Buôn bán Người



Những công dân Trung Quốc bị còng tay che mặt khi họ vừa đến một tòa án Pakistan vào tháng 5 năm 2019 để hầu tòa vì những cáo buộc rằng họ đã ép buộc các cô gái đến từ Pakistan phải hành nghề mại dâm ở Trung Quốc.

(Trafficking Victims Protection Act), đã thiết lập ra văn phòng TIP và ủy nhiệm việc thực hiện báo cáo hàng năm, xếp các quốc gia vào ba nhóm dựa trên nỗ lực của họ trong việc ngăn ngừa nạn buôn bán người. Trong báo cáo năm 2020, Miến Điện, Triều Tiên, Papua New Guinea và Trung Quốc đã được liệt kê ở Nhóm 3, cấp độ thấp nhất. Bảng xếp hạng đưa các quốc gia này vào cùng cấp độ với những quốc gia bị chiến tranh tàn phá như Afghanistan và Syria.

Các quốc gia ở nhóm dưới cùng bị cấm nhận viện trợ phi nhân đạo và hỗ trợ nước ngoài từ Hoa Kỳ mà không liên quan đến giao thương vì các quốc gia đó không đáp ứng được các tiêu chuẩn tối thiểu về nỗ lực để chấm dứt nạn buôn người.

Mặc dù các quan chức Trung Quốc đã thực hiện các bước để truy tố những kẻ buôn người, nhưng Trung Quốc đã bị chỉ trích trong báo cáo vì không ngăn chặn tình trạng lao động cưỡng bức trên diện rộng và vì đã giam giữ số lượng lớn gồm 1 triệu người Duy Ngô Nhĩ, người Kazakh và những người Hồi giáo khác sống ở khu vực Tân Cương.

Ấn Độ vẫn là một quốc gia thuộc Nhóm 2, có nghĩa là chính phủ không đáp ứng được các tiêu chuẩn tối thiểu nhằm chấm dứt nạn buôn bán người nhưng đang có những bước tiến để cải thiện. Báo cáo này đã ca ngợi vụ truy tố những kẻ buôn người gây tiếng vang của Ấn Độ tại một nhà tạm lánh do chính phủ tài trợ ở Bihar. Vụ án đã khiến 19 kẻ bị kết án, trong đó có ba quan chức nhà nước. Một người đã từng là thành viên có ảnh hưởng lớn của cơ quan lập pháp và là một trong 12 người bị nhận án chung thân.

Khi nói đến những câu chuyện thành công của khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương thì Úc, New Zealand, Philippines, Singapore, Hàn Quốc, Đài Loan và Hoa Kỳ được liệt kê là các quốc gia thuộc Nhóm 1, có nghĩa là họ đáp ứng được các tiêu chuẩn tối thiểu của đạo luật về việc chấm dứt nạn buôn người.

Các quan chức Hoa Kỳ chống lại các băng nhóm tội phạm này vẫn cam kết giúp đỡ các đối tác ở Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương và trên toàn thế giới trong việc ngăn chặn bạo lực. “Khi những người dễ bị tổn thương lâm vào tình thế khó khăn hơn, thì chúng tôi vẫn kiên quyết theo đuổi quyền được hưởng tự do cho tất cả các nạn nhân của nạn buôn người và trách nhiệm mà tất cả những kẻ buôn người phải chịu”, ông John Cotton Richmond, đại sứ lưu động của Hoa Kỳ, đã viết trong báo cáo TIP cho năm 2020 □

ĐCSTQ

VÀ

Cộng đồng người Trung Quốc ở nước ngoài



Sự cai trị độc đoán ngoài lãnh thổ của Bắc Kinh

TIẾN SĨ OSCAR ALMEN/CƠ QUAN NGHIÊN CỨU QUỐC PHÒNG THỤY ĐIỂN

Lỗi ngại về tầm ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc trên trường quốc tế đã tăng lên trong những năm gần đây. Một phần mối lo ngại này liên quan đến khả năng của Trung Quốc trong việc huy động cộng đồng người Trung Quốc ở bên ngoài Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc). Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) tìm cách vươn rộng sự cai trị độc tài của mình tới cộng đồng người Trung Quốc ở nước ngoài như một cách để giành được sự ủng hộ cho các chính sách của mình và giảm bớt tầm ảnh hưởng của các đối thủ. Một khía cạnh vô cùng quan trọng là câu hỏi đảng-nhà nước Trung Quốc coi ai là người Trung Quốc và theo đó ai là mục tiêu chính đáng cho các hoạt động gây ảnh hưởng của đảng này. Những thành viên của cộng đồng người Trung Quốc ở nước ngoài mà đảng cho là đáng tin cậy đôi khi được sử dụng để gây ảnh hưởng đến chính trị ở quốc gia nơi mà họ sinh sống để phục vụ cho lợi ích của ĐCSTQ. Ngược lại, những người phản đối thì có nguy cơ bị đe dọa hoặc trong trường hợp xấu nhất là bị bắt cóc. Các hoạt động ngoại giao ở nước ngoài của Trung Quốc có nhiều hậu quả khác nhau về an ninh bao gồm ảnh hưởng của nhà nước Trung Quốc trong chính trị nội bộ của các quốc gia nước ngoài, các mối đe dọa an ninh nhằm vào công dân nước ngoài gốc Trung Quốc và làm suy yếu các nguyên tắc về quốc tịch trong luật pháp quốc tế.

Cộng đồng người Trung Quốc ở nước ngoài rất đa dạng và bao gồm công dân Trung Quốc ở nước ngoài cũng như công dân nước ngoài gốc Trung Quốc. ĐCSTQ coi trọng vai trò của cộng đồng người Trung Quốc ở nước ngoài đối với sự phát triển của Trung Quốc và cái gọi là sự hồi sinh vĩ đại của dân tộc Trung Quốc được khởi xướng dưới sự lãnh đạo của Tổng Bí thư Tập Cận Bình. Tham vọng của ông Tập là Trung Quốc sẽ chiếm vị trí trung tâm trong chính trị toàn cầu.

Các nỗ lực của ĐCSTQ nhằm huy động người Trung Quốc ở nước ngoài ủng hộ các chính sách của mình cũng như gây áp lực và đe dọa đối với những người chống đối đảng đã dẫn đến sự lên án công khai từ các chính phủ nước ngoài. Không cần phải nói, không phải tất cả các thành viên của cộng đồng người Trung Quốc ở nước ngoài đều trân trọng những nỗ lực của Bắc Kinh nhằm đưa họ vào dự án hồi sinh do ĐCSTQ lãnh đạo.

Những nỗ lực của ĐCSTQ trong việc gây ảnh hưởng và kiểm soát cộng đồng người Trung Quốc ở nước ngoài tạo thành các hoạt động bên ngoài lãnh thổ mà trong một số trường hợp đã vi phạm luật pháp quốc tế. Ví dụ như vụ bắt cóc công dân Thụy Điển Gui Minhhai ở Thái Lan và đồng nghiệp của ông Gui, công dân Anh Lee Bo, ở Hồng Kông, cũng như các lời đe dọa nhằm vào người Duy Ngô Nhĩ và người Tây Tạng lưu vong. Để hiểu tham vọng về chính sách đối ngoại cũng như các hoạt động bên ngoài lãnh thổ của Trung Quốc, điều quan trọng là phải tìm



Người bán sách Lam Wing-kee ở Hồng Kông, cho biết ông đã bị chính quyền Trung Quốc giam giữ trong nhiều tháng, đứng trước cửa hàng của mình vào tháng 6 năm 2016. Các tấm biển phía sau ông có chữ "hãy thả" bằng tiếng Trung Quốc và chứa tên cũng như hình ảnh của các người xuất bản bị giam giữ khác, bao gồm cả công dân Thụy Điển Gui Minhhai, bên trái. THE ASSOCIATED PRESS

hiểu về các quan điểm cơ bản của lãnh đạo ĐCSTQ về cộng đồng người Trung Quốc ở nước ngoài.

QUAN ĐIỂM CỦA ĐCSTQ VỀ QUỐC TỊCH TRUNG QUỐC

Trung Quốc không công nhận quốc tịch kép. Do đó, những người Trung Quốc có quốc tịch nước ngoài không còn được Trung Quốc coi là công dân Trung Quốc nữa. Tuy nhiên, lãnh đạo Trung Quốc nhắc đến sắc tộc và chủng tộc khi nói về người Trung Quốc và liên tục nhấn mạnh tầm quan trọng của dòng dõi và gốc gác. Theo quan điểm này, tất cả các công dân nước ngoài có nguồn gốc Trung Quốc, bất kể gia đình của họ đã rời khỏi Trung Quốc trước đó bao nhiêu thế hệ, đều có khả năng được đưa vào quan niệm của ĐCSTQ về dân tộc Trung Quốc. Tại Hội nghị về Tình Hữu nghị của các Hiệp hội Trung Quốc ở Nước ngoài lần thứ bảy vào năm 2014, ông Tập Cận Bình nói, "Có hàng chục triệu người Hoa kiều trên khắp thế giới, và tất cả mọi người đều là thành viên của gia đình Trung Quốc. Trong một thời gian dài, hết thế hệ này qua thế hệ khác, người Hoa kiều đã duy trì truyền thống quý báu của dân tộc Trung Quốc và không quên đất mẹ, quê cha đất tổ của họ, hay dòng máu của dân tộc Trung Quốc chảy trong cơ thể họ."

Quan điểm này làm lu mờ sự phân biệt giữa công dân Trung Quốc ở nước ngoài (Hoa kiều - *huaqiao*) và công dân

nước ngoài gốc Trung Quốc (Hoa nhân - *huaren*) được quy định theo luật pháp Trung Quốc. ĐCSTQ kỳ vọng rằng người Hoa kiều phải yêu nước và trung thành với những gì mà đảng này coi là quê cha đất tổ của họ.

ĐCSTQ, cũng giống như các chế độ độc tài khác, hạn chế không gian cho người đối đầu với đảng. Điều này dẫn đến sự kìm hãm các quan điểm về hàng loạt các vấn đề đi ngược lại đường lối chính thức. Việc không chấp nhận sự khác biệt này cũng áp dụng với sự bất đồng từ cộng đồng người Trung Quốc ở nước ngoài trên khắp thế giới, một phần đông trong số đó có thể không ủng hộ ĐCSTQ. Theo quan điểm của Bắc Kinh, sự ủng hộ dành cho Trung Quốc đồng nghĩa với sự ủng hộ dành cho đảng và ngược lại. Tuy rằng sự kết hợp của chủ nghĩa dân tộc và một hệ thống độc tài không phải chỉ có ở Trung Quốc, tầm ảnh hưởng toàn cầu của nước này, quy mô của cộng đồng người Trung Quốc ở nước ngoài trên khắp thế giới, cũng như mức độ tổ chức mà bộ máy tuyên truyền của ĐCSTQ hướng đến người Hoa kiều làm cho Trung Quốc trở thành một trường hợp độc nhất vô nhị.



Gladys Liu, nhà lập pháp được sinh ra ở Trung Quốc đầu tiên được bầu vào Quốc hội Úc, phát biểu tại Hạ viện ở Canberra, Úc vào tháng 7 năm 2019. Bà đã bị chỉ trích vì mối quan hệ của bà với mạng lưới gây ảnh hưởng ở nước ngoài của Trung Quốc.
THE ASSOCIATED PRESS

QUAN HỆ VỚI CỘNG ĐỒNG NGƯỜI TRUNG QUỐC Ở NƯỚC NGOÀI DƯỚI THỜI ÔNG TẬP

Trong thời cầm quyền của ông Tập, Trung Quốc đã xoay chuyển sang một chính sách đối ngoại hung hãn hơn. Cộng đồng người Trung Quốc ở nước ngoài đã được tuyên bố là một phần quan trọng trong quá trình hồi sinh dân tộc Trung Quốc. Công tác về các vấn đề người Trung Quốc ở nước ngoài, dưới sự chỉ đạo của Ban Công tác Mặt trận Thống nhất (United Front Work Department, UFWD), đã đẩy mạnh nỗ lực huy động người Trung Quốc ở nước ngoài, bất kể quốc tịch nào, để phục vụ cho mục đích của ĐCSTQ.

Những thành viên của cộng đồng người Trung Quốc ở

nước ngoài mà đảng cho là đáng tin cậy đôi khi được sử dụng để gây ảnh hưởng đến chính trị của quốc gia nơi mà họ sinh sống theo chiều hướng tốt cho những lợi ích quốc gia của Trung Quốc. Các nhân tố Trung Quốc với mức độ tham gia khác nhau trong ĐCSTQ đã tích cực gây ảnh hưởng đến chính trị ở các nền dân chủ phương Tây như Úc. Tại Malaysia, nơi cộng đồng Hoa kiều chiếm một phần đáng kể trong dân số, đã có một vài lần các đại sứ Trung Quốc bị chỉ trích vì can thiệp vào các vấn đề nội bộ của Malaysia thông qua các tuyên bố của họ nhằm ủng hộ cộng đồng người Hoa. Trong cuộc tổng tuyển cử năm 2018, đại sứ Trung Quốc đã công khai ủng hộ việc ứng cử của chủ tịch Hiệp hội người Malaysia gốc Hoa.

Ngược lại, các thành viên của cộng đồng người Trung Quốc ở nước ngoài mà đảng nhìn nhận là thành phần đối lập thì có nguy cơ bị đe dọa. Trường hợp của công dân Thụy Điển Gui Minhai là ví dụ về một hình thức hành động ngoài lãnh thổ của nhà nước Trung Quốc mà rõ ràng là đã vi phạm luật pháp quốc tế. Ông Gui, người sở hữu một công ty ở Hồng Kông đã xuất bản những cuốn sách chỉ trích các nhà lãnh đạo chính trị Trung Quốc. Ông này đã bị bắt cóc ở Thái Lan vào năm 2015 và ba tháng sau đó xuất hiện trong một lời thú tội bị cưỡng ép trên kênh truyền hình của nhà nước Trung Quốc. Vào tháng 2 năm 2020, một tòa án Trung Quốc đã kết án ông Gui 10 năm tù vì “cung cấp thông tin tình báo bất hợp pháp” cho các chính phủ nước ngoài. Trước khi tuyên án, nhà chức trách Trung Quốc tuyên bố rằng quốc tịch Trung Quốc của ông này đã được khôi phục. Theo luật pháp Trung Quốc, ông ta không còn là công dân Thụy Điển nữa. Tương tự, kể từ năm 2016, Trung Quốc đã thành công trong việc yêu cầu dẫn độ những công dân Đài Loan bị nghi ngờ là có hành vi lừa đảo ở các quốc gia như Kenya, Campuchia và Tây Ban Nha. Việc dẫn độ cắt đứt một thông lệ trước đây là cho phép những người Đài Loan bị kết tội ở nước ngoài được dẫn độ về Đài Loan. Cách làm này đã thôi thúc sự lên án mạnh mẽ từ chính phủ Đài Loan, vốn coi việc dẫn độ này là những vụ bắt cóc không đúng pháp luật.

CÁC HẬU QUẢ VỀ AN NINH

Các hoạt động ngoài lãnh thổ hướng tới cộng đồng người Trung Quốc ở nước ngoài có thể có nhiều hậu quả khác nhau về an ninh. Thứ nhất, ĐCSTQ có thể gây ảnh hưởng đến chính trị trong nước và các nhà hoạch định chính sách ở các quốc gia khác thông qua việc gây ảnh hưởng đến cộng đồng người Trung Quốc ở nước ngoài. Một số người Hoa kiều là những nhà hoạch định chính sách, còn những người khác đã giành được tầm ảnh hưởng đối với các nhà hoạch định chính sách quan trọng. Trong trường hợp lợi ích của ĐCSTQ mâu thuẫn với lợi ích quốc gia của nước sở tại, các nhà hoạch định chính sách đó có thể làm suy yếu an ninh quốc gia của đất nước này.

Thứ hai, bởi vì ĐCSTQ đang nhắm cụ thể đến cộng đồng người Trung Quốc ở nước ngoài cho các hoạt động tạo tầm ảnh hưởng của đảng này, các nước không thể đảm bảo rằng công dân gốc Trung Quốc được an toàn để không phải chịu các hành động cưỡng ép của ĐCSTQ như giám sát và đe dọa. Những người này không thể tin tưởng rằng quyền công dân của họ sẽ cung cấp cho họ sự bảo vệ tương tự mà các công



Một người biểu tình phản đối luật dẫn độ được đề xuất ở Hồng Kông tại Đài Bắc, Đài Loan, vào tháng 6 năm 2019. THE ASSOCIATED PRESS

Điều quan trọng là cộng đồng quốc tế khước từ việc chấp nhận cách diễn giải của ĐCSTQ về đảng như là đại diện của tất cả người dân Trung Quốc. Ngược lại, các quốc gia nên làm rõ rằng những nỗ lực của ĐCSTQ trong việc sử dụng và gây áp lực lên cộng đồng người Trung Quốc ở nước ngoài khiến sự ngờ vực đối với Bắc Kinh ngày càng tăng cao.

dân khác của cùng đất nước đó được hưởng. ĐCSTQ đã thể hiện rằng nước này có khả năng và ý muốn trừng phạt những công dân nước ngoài gốc Trung Quốc sống rất xa biên giới lãnh thổ của mình.

Thứ ba, người gốc Trung Quốc có thể phải hứng chịu cảm giác thù ghét người Trung Quốc trong xã hội. Chính sách của ĐCSTQ nhằm gây ảnh hưởng đến cộng đồng Hoa kiều có nguy cơ làm gia tăng sự nghi kỵ nhằm vào họ ở nước sở tại, bất kể họ có ủng hộ ĐCSTQ hay không. Sự thù ghét người Trung Quốc và nạn phân biệt chủng tộc tạo thành một mối đe dọa an ninh đối với các thành viên của cộng đồng người Trung Quốc ở nước ngoài và dẫn đến những hậu quả xã hội tiêu cực. Lịch sử gần đây, đặc biệt là ở Đông Nam Á, cho thấy điều này có thể biến thành bạo lực gây chết người.

Thứ tư, các hành động ngoài lãnh thổ của chính phủ Trung Quốc vi phạm luật pháp quốc tế và đặt ra câu hỏi về sự cam kết của chính phủ này đối với các quy tắc và quy chuẩn quốc tế. Khi dân tộc và gốc gác được xếp cao hơn các nguyên tắc về quốc tịch công dân dựa trên quyền công dân hợp pháp, các hoạt động ngoài lãnh thổ của Trung Quốc đe dọa sẽ làm suy yếu luật pháp quốc tế.

Thứ năm, việc cảnh sát Trung Quốc bắt cóc ông Lee Bo một công dân Anh làm nghề bán sách ở Hồng Kông vào tháng 12 năm 2015 và dẫn độ những công dân Đài Loan từ các nước thứ ba cho thấy Bắc Kinh không tôn trọng nền độc lập tư pháp của Hồng Kông và Đài Loan. Những hoạt động

như vậy thể hiện ý định của đảng trong việc tăng quyền kiểm soát đối với các vùng lãnh thổ này.

CÁC BIỆN PHÁP ĐỐI PHÓ

Điều quan trọng là cộng đồng quốc tế khước từ việc chấp nhận cách diễn giải của ĐCSTQ về đảng như là đại diện của tất cả người dân Trung Quốc. Ngược lại, các quốc gia nên làm rõ rằng những nỗ lực của ĐCSTQ trong việc sử dụng và gây áp lực lên cộng đồng người Trung Quốc ở nước ngoài khiến sự ngờ vực đối với Bắc Kinh ngày càng tăng cao.

Việc xem xét kỹ lưỡng và hiểu rõ mối quan hệ của ĐCSTQ với cộng đồng người Trung Quốc ở nước ngoài, bao gồm các hoạt động của UFWD ở nước ngoài, đóng vai trò quan trọng. Khi việc xác định như thế được hoàn tất, cần đặc biệt chú ý để tránh làm trầm trọng thêm sự nghi ngờ nhằm vào đa số cộng đồng người Trung Quốc ở nước ngoài, những người không làm việc cho đảng.

Các quốc gia bị ảnh hưởng bởi các hoạt động ngoài lãnh thổ của Trung Quốc, như Thụy Điển, sẽ có lợi từ việc chia sẻ kinh nghiệm của họ và phối hợp hành động với các quốc gia khác. Để đối phó với các hoạt động ngoài lãnh thổ của Trung Quốc, Liên minh châu Âu nên điều phối chính sách của mình giữa các quốc gia thành viên. □

Bài viết này dựa trên một báo cáo nghiên cứu gần đây của tác giả được xuất bản bởi Cơ quan Nghiên cứu Quốc phòng Thụy Điển (FOI), có tại <https://www.foi.se/rapportsammanfattning?reportNo=FOI-R--4933--SE>.

Thúc đẩy
**NĂNG
LƯỢNG**



Năng lượng tái tạo đem đến cơ hội cho khu vực để trở thành những quốc gia đi đầu trong lĩnh vực an ninh năng lượng

NHÂN VIÊN CỦA DIỄN ĐÀN

Khi dân số và kinh tế tiếp tục tăng trưởng và phát triển nhanh chóng ở khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, nhu cầu về năng lượng đang tăng nhanh hơn bất cứ nơi nào khác trên hành tinh này. Người ta dự tính đến năm 2040 nhu cầu sẽ tăng hơn 60%, do đó an ninh năng lượng sẽ là một thách thức hàng đầu trong những thập kỷ tới, theo các dự báo của Cơ quan Năng lượng Quốc tế (International Energy Agency - IEA). Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khu vực, các quốc gia Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương đang chuyển đổi những hệ thống năng lượng của mình. Theo báo cáo của Ủy ban Kinh tế và Xã hội của Liên Hợp Quốc cho khu vực Châu Á và Thái Bình Dương (United Nations Economic and Social Commission for Asia and the Pacific - UNESCAP), các quốc gia này tìm cách đạt được an ninh năng lượng và bảo vệ các nền kinh tế khỏi biến động giá cả và bất ổn thị trường cũng như giảm sự phụ thuộc vào năng lượng nhập khẩu. Hơn nữa, các quốc gia Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương đang phấn đấu nhằm cung cấp năng lượng cho hơn 420 triệu người thiếu năng lượng và 2,1 tỷ người khác dựa vào sinh khối truyền thống để nấu ăn và sưởi ấm, báo cáo năm 2017 cho biết.

Chuyển sang các tài nguyên năng lượng có mức carbon thấp và đa dạng hóa sự kết hợp các nguồn năng lượng sẽ tăng cường an ninh năng lượng, giảm tác động môi trường, đặc biệt là ô nhiễm không khí và đảm bảo cơ hội tiếp cận với năng lượng có giá cả phải chăng, đáng tin cậy, bền vững và hiện đại cho tất cả mọi người, báo cáo của UNESCAP cho hay. “Đối phó với nhiều thách thức liên quan đến năng lượng đòi hỏi phải có sự chuyển đổi trong cách thức năng lượng được tạo ra, truyền tải và tiêu thụ,” báo cáo cho biết. “Tuy rằng ngành năng lượng ở nhiều quốc gia đang từ từ được chuyển đổi, tốc độ thay đổi cần được đẩy nhanh.”

Xét đến thời điểm mà khu vực nổi lên với vị thế đầy sức mạnh trên trường quốc tế, Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương ở tư thế sẵn sàng để làm một tấm gương cho thế giới về việc chuyển sang các loại tài nguyên có thể tái tạo, một giải pháp được ủng hộ rộng rãi để chấm dứt sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch và đảm bảo có đủ nguồn năng lượng cho tất

cả người dân. “Việc nhu cầu đối với năng lượng tiếp tục tăng lên trong các ngành điện, sưởi ấm và làm mát, cũng như giao thông vận tải mở ra một cơ hội cho năng lượng tái tạo có nhiều chiều cạnh trong khu vực”, theo “Báo cáo về Tình trạng Năng lượng Tái tạo ở châu Á và Thái Bình Dương” được xuất bản vào năm 2019 của REN21, một mạng lưới chính sách quốc tế chuyên dành cho việc xây dựng một nguồn năng lượng bền vững trong tương lai bao gồm các nguồn năng lượng tái tạo, và được tài trợ bởi Ngân hàng Phát triển Châu Á (Asian Development Bank- ADB).

Những nhà vận động lập luận rằng việc chuyển đổi sang năng lượng tái tạo có thể đa dạng hóa nguồn cung cấp năng lượng, tăng cường cơ hội tiếp cận năng lượng, giảm ô nhiễm không khí và xóa đói giảm nghèo, cùng với những lợi thế khác. “Các tài nguyên năng lượng tái tạo có thể đóng một vai trò chủ chốt trong việc đạt được khả năng tiếp cận phổ quát với năng lượng hiện đại,” báo cáo ghi nhận. Ví dụ, “các công nghệ năng lượng mặt trời, gió và thủy điện quy mô nhỏ, cũng như các nhà máy điện động cơ đốt trong sử dụng sinh khối hoặc khí sinh học, có thể cung cấp một nguồn điện đáng tin cậy ở các địa điểm vùng sâu vùng xa.” Các chuyên gia ước tính, hơn 750 triệu người trên khắp khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương mở rộng vẫn không được sử dụng điện năng.



Một tấm pin mặt trời hướng lên trời ở Funafuti, Tuvalu. Quốc gia này đang phấn đấu đến năm 2025 sẽ sản xuất 100% điện tái tạo.

GETTY IMAGES

“Hiện nay, tăng cường đầu tư vào năng lượng tái tạo, hiệu quả năng lượng và lưới điện thông minh có thể tạo ra nhiều việc làm chất lượng cao và lâu dài, đồng thời giảm ô nhiễm không khí cũng như phát thải khí nhà kính”, Chủ tịch của ADB Masatsugu Asakawa phát biểu trong Hội nghị Thượng đỉnh Chuyển tiếp Năng lượng Sạch IEA vào tháng 7 năm 2020. “Các nền kinh tế sẽ có khả năng phục hồi tốt hơn sau các cú sốc trong tương lai — bởi vì năng lượng tái tạo với trữ lượng năng lượng không phụ thuộc vào nguồn cung cấp nhiên liệu, và các hệ thống lưới điện thông minh có thể được đưa trở lại không gian mạng một cách nhanh chóng sau một sự cố. Năng lượng tái tạo cũng có thể giúp củng cố các cơ sở y tế, đặc biệt là ở khu vực nông thôn —

ví dụ, chuỗi cung ứng lạnh sử dụng năng lượng mặt trời sẽ rất cần thiết cho việc cung cấp vắc-xin”, ông Asakawa nói.

CÁC XU HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU

Theo báo cáo vào tháng 3 năm 2020 của Cơ quan Năng lượng Tái tạo Quốc tế (International Renewable Energy Agency- IRENA), khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương đã vượt qua châu Âu và Hoa Kỳ trong việc chuyển sang năng lượng tái tạo, chiếm hơn 54% tăng trưởng mới về năng lượng tái tạo trên toàn thế giới trong năm 2019. Các chuyên gia giải thích rằng khu vực này đã khai thác đáng kể công suất năng lượng tái tạo trong một loạt các lĩnh vực công nghệ, bao gồm quang điện mặt trời (photovoltaics - PV), điện gió, thủy điện, năng lượng sinh học và địa nhiệt. Ví dụ, Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam có công suất năng lượng mặt trời mới cao nhất trong năm 2019, còn Trung Quốc và Hoa Kỳ dẫn đầu về điện gió mới, báo cáo CỦA IRENA cho hay. Cùng năm đó, toàn khu vực tính cả Úc, New Zealand và các quốc đảo Thái Bình Dương đã chứng kiến tốc độ tăng

mức dưới 2 đô la Úc [1,47 đô la Mỹ] một kilôgam, điều đó sẽ có thể đóng một vai trò trong các nguồn năng lượng nội địa của chúng ta nhằm giảm giá năng lượng và vẫn có điện để thấp đèn”. Theo Reuters đưa tin, tính đến năm 2018, chi phí trung bình để sản xuất hydro là 6 đô la Úc (4,42 đô la Mỹ) cho một kilôgam. Infinite Blue Energy đang xây dựng một nhà máy khổng lồ trị giá 220 triệu đô la Mỹ, cách trụ sở chính của công ty ở Perth, Úc, 320 kilomet về phía bắc, để sản xuất 25 tấn hydro sạch mỗi ngày, sử dụng năng lượng gió và năng lượng mặt trời, với mục tiêu bắt đầu đi vào sản xuất vào cuối năm 2022.

Vào cuối năm 2019, Ấn Độ đã công bố những kế hoạch cho việc xây dựng các dự án năng lượng mặt trời trị giá 6 tỷ đô la Mỹ tại quận Leh và quận Kargil của Jammu và Kashmir. Vùng Himalaya có tiềm năng rất lớn về năng lượng mặt trời. Bộ Năng lượng Mới và Năng lượng Tái tạo lên kế hoạch “các dự án điện mặt trời với tổng công suất là khoảng 14 MW [megawatt] với công suất pin là 42 MWh [megawatt giờ] tại Leh và Kargil”, ông R K Singh, Bộ trưởng Bộ năng lượng và năng lượng mới và tái tạo của Ấn



Theo báo cáo vào tháng 3 năm 2020 của Cơ quan Năng lượng Tái tạo Quốc tế (International Renewable Energy Agency- IRENA), khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương đã vượt qua châu Âu và Hoa Kỳ trong việc chuyển sang năng lượng tái tạo, chiếm hơn 54% tăng trưởng mới về năng lượng tái tạo trên toàn thế giới trong năm 2019.

trường nhanh nhất về năng lượng tái tạo ở mức 18,4%, mặc dù tiểu vùng chiếm một phần nhỏ trong công suất toàn cầu, theo báo cáo cho biết.

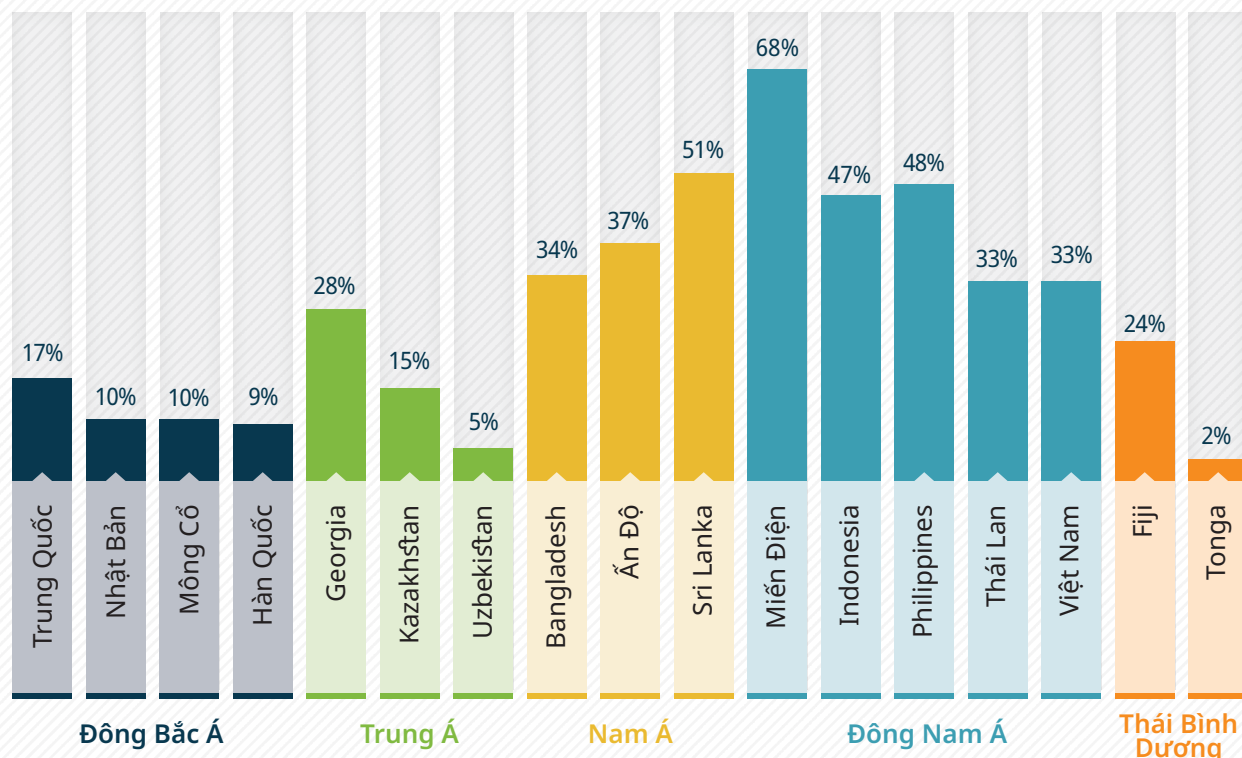
Theo báo cáo REN21, vào năm 2018, khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương chiếm hơn 52% các khoản đầu tư mới trong lĩnh vực năng lượng tái tạo trên toàn thế giới. Theo số liệu của Bloomberg Tài chính Năng lượng Mới (Bloomberg New Finance), Trung Quốc dẫn đầu khu vực về đầu tư trong năm 2019, chiếm gần một phần ba tổng đầu tư toàn cầu, còn Úc, Ấn Độ và Nhật Bản cũng thuộc 10 quốc gia đứng đầu trong năm đó. Nhiều nhà đầu tư hàng đầu cũng có một vài dự án trong số những dự án lớn và sáng tạo nhất trong khu vực này.

Ví dụ như Úc, vào tháng 5 năm 2020, đã công bố một quỹ trị giá 191 triệu đô la Mỹ để khởi động các dự án hydro nhằm đáp ứng mục tiêu của nước này là đến năm 2030 sẽ xây dựng được một ngành công nghiệp hydro có quy mô lớn, theo tin từ Reuters. Ông Angus Taylor, Bộ trưởng Bộ Năng lượng và Giảm Phát thải của Úc cho biết: "Điều quan trọng là, nếu chúng ta có thể sản xuất hydro ở

Độ, đã phát biểu khi công bố dự án. Trong khi đó, Tập đoàn Adani của Ấn Độ, có trụ sở tại Ahmedabad, đặt mục tiêu đến năm 2025 sẽ trở thành công ty điện mặt trời lớn nhất thế giới và đến năm 2030 sẽ trở thành công ty năng lượng tái tạo lớn nhất thế giới, theo một báo cáo của ngành vào tháng 7 năm 2020. Ấn Độ đã xúc tiến việc tạo ra thành phố đầu tiên sử dụng 100% năng lượng tái tạo. Diu, ở đầu phía đông của đảo Diu thuộc bang Gujarat, đã trở thành thành phố đầu tiên của Ấn Độ được vận hành bằng 100% năng lượng tái tạo vào ban ngày trong năm 2016. Thành phố này đã tham gia vào sáng kiến Thành phố Thông minh của Thủ tướng Narendra Modi. Thành phố với diện tích 42 kilomet vuông và hơn 52.000 cư dân đã thiết lập một công viên năng lượng mặt trời 9 MW, lắp đặt các tấm pin mặt trời trên mái của các tòa nhà chính phủ và giúp người dân lắp đặt các thiết bị năng lượng mặt trời trên mái nhà, báo cáo REN21 cho biết.

Chính phủ Nhật Bản cũng đã ưu tiên đầu tư vào năng lượng mặt trời. Trong năm 2017, chính phủ nước này đã đưa ra điều luật để đến năm 2030, 24% các nguồn năng lượng tổng hợp sẽ được chuyển đổi sang năng lượng tái

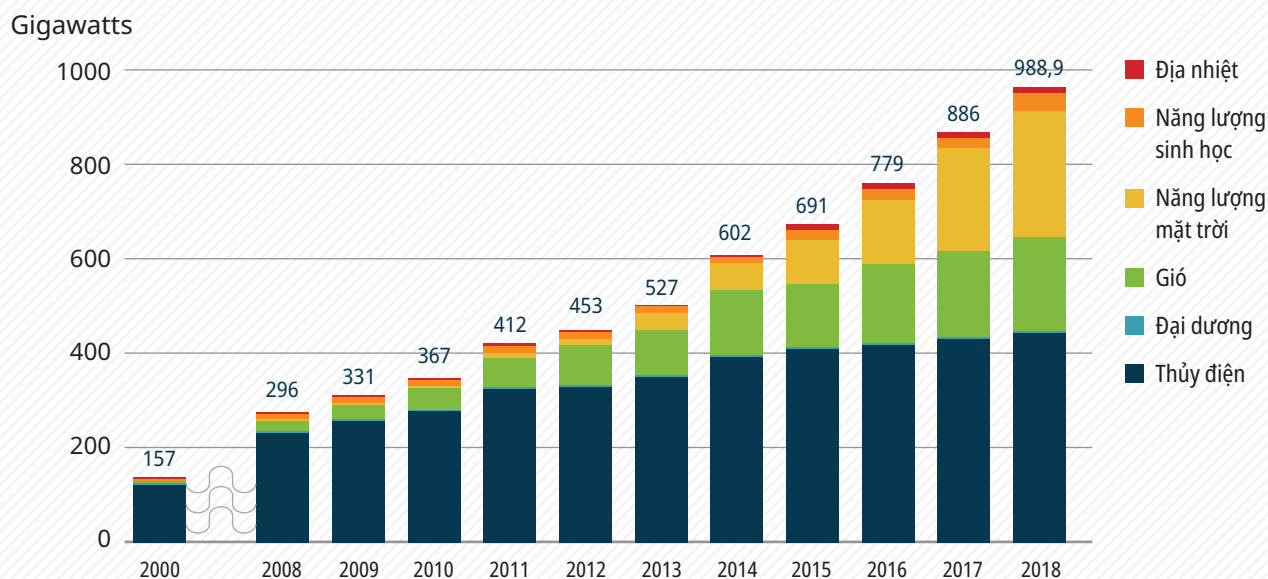
Tỷ lệ Năng lượng Tái tạo trong Tổng mức Tiêu thụ Năng lượng Cuối cùng ở một số Quốc gia Châu Á và Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, năm 2018



Ghi chú: Các con số được tính toán bằng cách sử dụng dữ liệu của Cơ quan Năng lượng Quốc tế (International Energy Agency - IEA) về năng lượng tái tạo và các định nghĩa liên quan; ở đây, năng lượng tái tạo bao gồm sinh khối truyền thống.

Nguồn: Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế/IEA, "Cân bằng Năng lượng Thế giới (World Energy Balances)," 2018, <https://www.iea.org/statistics>, Fiji và Tonga dựa trên Bộ phận Thống kê Liên Hợp Quốc, "Theo dõi Cân bằng Năng lượng SDG (Tracking SDG Energy Balances)," 2018, <https://unstats.un.org/unsd/energy/balance/>

Công suất Phát điện Tái tạo ở một số Quốc gia Châu Á và Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương chia theo công nghệ, năm 2000 và 2008-2018



tạo, tăng hơn gấp đôi sản lượng hiện tại. Theo trang web của Công nghệ Điện (Power Technology), Nhật Bản đang vận hành gần ba phần tư của 100 nhà máy năng lượng mặt trời nổi lớn nhất thế giới. Cơ sở lớn nhất thuộc loại này của Nhật Bản tại đập Yamakura có diện tích 18 héc-ta và cung cấp năng lượng cho khoảng 5.000 ngôi nhà mỗi năm.

Nhiều quốc gia khác ở khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương đã đặt ra các mục tiêu đầy tham vọng về năng lượng tái tạo và một số quốc gia đã đang trên đường đạt được các mục tiêu đó. Ví dụ như, trong năm 2019, New Zealand đã đặt mục tiêu đến năm 2035 sẽ sản xuất được 100% điện tái tạo. Quốc gia này cũng mong muốn xây dựng một nhà máy thủy điện trữ nước sử dụng bơm trị giá nhiều tỷ đô la và đã đi được gần nửa chặng đường với các tài nguyên thủy điện và địa nhiệt hiện có. Tiến sĩ Megan Woods, Bộ trưởng Năng lượng và Tài nguyên New Zealand, phát biểu khi tuyên bố mục tiêu này: “Chúng ta có thể đặt một mục tiêu đầy tham vọng nhưng vẫn đảm bảo tính thực tế.” “Chúng tôi sẽ tiến hành năm cuộc đánh giá theo từng năm để đảm bảo ba vấn đề về năng lượng là giá cả phải chăng, tính bền vững và an ninh được quản lý tốt.”

NHỮNG CÂU CHUYỆN THÀNH CÔNG

Theo báo cáo REN21, nhiều thành công nổi bật nhất của khu vực trong việc chuyển sang năng lượng tái tạo đến từ khu vực Đông Nam Á và Nam Á, hai khu vực có mức thâm

nhập năng lượng tái tạo cao nhất lần lượt là 45,7% và 42%. Các quốc gia có tỷ lệ năng lượng tái tạo trong tổng mức tiêu thụ năng lượng cuối cùng (total final energy consumption - TFEC) cao nhất trong khu vực bao gồm Miến Điện, 68%; Sri Lanka, 51,3%; Philippines, 47,5%; và Indonesia, 47%. Những tỷ lệ phần trăm đó có được là nhờ thủy điện và năng lượng sinh học, theo phát hiện của báo cáo.

Indonesia đang dự tính xây dựng một thành phố thủ đô “thông minh và sạch sẽ” dựa vào năng lượng tái tạo để làm nguồn cung cấp điện. Vào tháng 8 năm 2019, chính phủ nước này đã công bố kế hoạch chuyển thủ đô từ Jakarta sang Đông Kalimantan trên đảo Borneo để kiểm chế quá trình đô thị hóa nhanh chóng và dân số quá đông của Jakarta, nhưng kể từ thời điểm đó đã trì hoãn kế hoạch trị giá 33 tỷ đô la Mỹ này do sự suy thoái kinh tế mà đại dịch COVID-19 gây ra. Xây dựng cơ sở hạ tầng năng lượng tái tạo cho thành phố mới sẽ đem lại những cơ hội để đầu tư vào năng lượng tái tạo. Trong khi đó, Bộ Năng lượng Philippines có kế hoạch áp dụng các công nghệ lưới điện thông minh trên nhiều đảo của đất nước này. Lưới điện sử dụng công nghệ kỹ thuật số để giám sát và quản lý sự di chuyển của điện từ nguồn phát điện đến các phụ tải có nhu cầu khác nhau trong khu vực phục vụ điện và nâng cao độ tin cậy của lưới điện. Theo báo cáo REN21, công ty phân phối lớn nhất của nước này, Meralco, với hơn 5 triệu khách hàng, cũng có kế hoạch tích hợp một nền tảng lưới điện



thông minh tiên tiến để người tiêu dùng có thể quản lý tốt hơn mức tiêu thụ điện năng của mình, theo đó việc đo lường thông minh trả trước là một trong những dịch vụ đầu tiên của công ty.

Các nước như Bangladesh và Việt Nam cũng đang nổi lên như các quốc gia dẫn đầu trong việc phát triển và triển khai các công nghệ năng lượng tái tạo ở khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương. Bangladesh đã tạo ra một chương trình điện mặt trời trong nước được gọi là Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng (Infrastructure Development Co. Ltd. - IDCOL). Công ty này cung cấp điện cho hơn 12% dân số. Bangladesh, với sự hợp tác của Ngân hàng Thế giới, thành lập IDCOL vào năm 1997 để cấp vốn cho các dự án cơ sở hạ tầng về năng lượng tái tạo. Với khoản đầu tư 700 triệu đô la Mỹ, chương trình này đã lắp đặt 4,2 triệu hệ thống điện mặt trời tại nhà, cung cấp điện cho 18 triệu người tính đến giữa năm 2019. Ngoài ra, IDCOL đã lắp đặt 1.000 máy bơm tưới tiêu chạy bằng năng lượng mặt trời, 13 lưới điện nhỏ, 1 triệu bếp nấu và 46.000 nhà máy khí sinh học để cung cấp các giải pháp nấu ăn sạch cho hơn 200.000 người. Trong 5 năm tới, IDCOL đặt mục tiêu tăng gấp đôi số lượng hệ thống năng lượng mặt trời và hệ thống nấu ăn được lắp đặt, với mục tiêu đến năm 2030 sẽ thay thế tất cả các bếp nấu truyền thống trên đất nước này.

NHỮNG KHÓ KHĂN PHÍA TRƯỚC

Nhiều thách thức vẫn còn tồn tại đối với việc áp dụng năng lượng tái tạo và các thực hành sử dụng năng lượng hiệu quả. “Mặc dù khu vực Châu Á Thái Bình Dương dẫn đầu thế giới về năng lượng tái tạo, việc triển khai năng lượng tái tạo tiếp tục đi sau việc triển khai các nguồn năng lượng truyền thống trong việc cung cấp cho nhu cầu năng lượng tăng nhanh của khu vực,” báo cáo REN21 trình bày. Khu vực này bao gồm sáu trong số các quốc gia phát thải khí nhà kính nhiều nhất thế giới, Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc và Hoa Kỳ. Ngoài ra, phần lớn sự gia tăng dân số của khu vực diễn ra tại các thành phố. Khu vực này đã có 93 trong số 100 thành phố ô nhiễm nhất thế giới, với 56 ở Trung Quốc và 17 ở Ấn Độ.

“Một khoảng cách lớn vẫn còn tồn tại giữa tham vọng giảm thiểu biến đổi khí hậu và tốc độ hành động để giảm phát thải,” báo cáo diễn giải.

Mức tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch thông thường tiếp tục tăng ở mức nhanh hơn việc triển khai năng lượng tái tạo trong khu vực. Nhìn chung, các chuyên gia ước tính rằng năng lượng tái tạo hiện đại chiếm ít hơn 10% tổng mức tiêu thụ năng lượng của khu vực.

Hầu hết các quốc gia Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương chưa tự cung tự cấp được năng lượng. Theo báo cáo REN21, Indonesia là nước xuất khẩu than lớn nhất thế giới và Đông Timor là nước xuất khẩu than lớn

CÁC NHÀ LÃNH ĐẠO

trong Hợp tác Năng lượng trong khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương

Các tổ chức và sáng kiến đi đầu trong việc thúc đẩy năng lượng tái tạo và hiệu quả năng lượng ở Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương bao gồm Ủy ban Kinh tế và Xã hội của Liên Hợp Quốc cho khu vực Châu Á và Thái Bình Dương, Nhóm Công tác Năng lượng về Hợp tác Kinh tế ở Châu Á-Thái Bình Dương, Trung tâm Hợp tác Năng lượng Khu vực Nam Á, chương trình Hợp tác Kinh tế Khu vực Trung Á, Trung tâm Năng lượng của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và Trung tâm Năng lượng tái tạo và Hiệu quả Năng lượng Thái Bình Dương, như được nêu tên trong báo cáo REN21.

NAM Á

Trung tâm Năng lượng Hiệp hội Hợp tác Khu vực Nam Á (South Asian Association for Regional Cooperation - SAARC) SAARC được thành lập vào năm 2006 với một chương trình hợp tác năng lượng nhằm mục đích chuyển đổi các thách thức năng lượng thành các cơ hội phát triển. Nền tảng này có sự tham gia của các quan chức, chuyên gia, học giả, các nhà bảo vệ môi trường và các tổ chức phi chính phủ để khai thác tiềm năng trên khắp các lĩnh vực bao gồm phát triển thủy điện, năng lượng tái tạo khác và năng lượng thay thế. Trung tâm Năng lượng thúc đẩy công tác chuyển giao công nghệ, mua bán năng lượng, bảo tồn năng lượng và cải thiện tính hiệu quả, giúp các bên liên quan giải quyết những thách thức về năng lượng mà các quốc gia thành viên của SAARC phải đối mặt.

Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (U.S. Agency for International Development - USAID)

Trong năm 2000, USAID đã khởi động chương trình Sáng kiến khu vực Nam Á về Tích hợp Năng lượng, sáng kiến này được thực hiện ở Afghanistan, Bangladesh, Bhutan, Ấn Độ, Maldives, Nepal, Pakistan và Sri Lanka. Ba giai đoạn đầu tập trung vào mua bán năng lượng xuyên biên giới, hình thành thị trường năng lượng và phát triển năng lượng sạch, còn giai đoạn gần đây nhất tập trung chủ yếu vào việc thúc đẩy hội nhập vào thị trường khu vực.

ĐÔNG NAM Á

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (Association of Southeast Asian Nations - ASEAN)

Trung tâm Năng lượng ASEAN được thành lập vào năm 1999 với tư cách là một tổ chức liên chính phủ nhằm đẩy nhanh việc tích hợp các chiến lược năng lượng trong các quốc gia thành viên của ASEAN. Trung tâm cung cấp

thông tin và chuyên môn để đảm bảo rằng các chính sách và chương trình về năng lượng được hài hòa với sự tăng trưởng kinh tế và bền vững môi trường của khu vực. Kế hoạch Hành động Hợp tác Năng lượng ASEAN 2016-2025 bao gồm các sáng kiến hợp tác trong việc chuyển đổi sang các hệ thống năng lượng sạch có giá cả phải chăng. Ví dụ, mạng lưới Thành phố Thông minh ASEAN đặt mục tiêu điều phối các nỗ lực phát triển đô thị thông minh và bền vững. Mạng lưới bao gồm 26 thành phố thí điểm chia sẻ các thông lệ tốt nhất, tiến hành các dự án với khu vực tư nhân và xin nguồn tài trợ từ các đối tác bên ngoài như Ngân hàng Phát triển Châu Á (Asian Development Bank - ADB).

Tiểu vùng sông Mê Kông Mở rộng

Các quốc gia tạo thành tiểu vùng này — Miến Điện, Campuchia, Lào, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Thái Lan và Việt Nam — chủ yếu hợp tác dựa trên việc mua bán điện năng từ tiềm năng thủy điện có sẵn dọc theo sông Mê Kông. Ví dụ, ADB và các nhà tài trợ khác đang làm việc để: tăng tính kết nối thông qua phát triển cơ sở hạ tầng bền vững và chuyển đổi các hành lang giao thông thành các hành lang kinh tế xuyên quốc gia; cải thiện khả năng cạnh tranh thông qua sự thúc đẩy hiệu quả hoạt động di chuyển xuyên biên giới của con người và hàng hóa cũng như hội nhập thị trường; các quy trình sản xuất và chuỗi giá trị; và xây dựng ý thức cộng đồng lớn hơn thông qua các dự án và chương trình giải quyết các mối lo ngại chung về xã hội và môi trường.

CÁC QUỐC ĐẢO Ở THÁI BÌNH DƯƠNG

Ban Thư ký Cộng đồng Thái Bình Dương

Ban thư ký là nền tảng chính cho sự hợp tác trong lĩnh vực phát triển liên ngành trong khu vực Thái Bình Dương và là thành viên sáng lập của Hội đồng các Tổ chức Khu vực của Thái Bình Dương. Chương trình Tài nguyên Địa chất và Năng lượng của ban thư ký nỗ lực để tận dụng các nguồn tài nguyên năng lượng của Thái Bình Dương nhằm đảm bảo tính bền vững và giảm tác động môi trường. Chương trình cam kết giảm tác động carbon của các mạng lưới năng lượng và việc sử dụng năng lượng hiện có, đồng thời tập trung vào công tác quản trị, đánh giá kỹ thuật và phát triển năng lực. Cùng với chính phủ Tonga, ban thư ký thiết lập Trung tâm Năng lượng Tái tạo và Hiệu quả Năng lượng Thái Bình Dương.

Hiệp hội Điện Thái Bình Dương

Cơ quan liên chính phủ này thúc đẩy sự hợp tác của các công ty điện lực ở các đảo Thái Bình Dương về mặt đào tạo kỹ thuật, trao đổi thông tin, chia sẻ chuyên môn về mặt quản lý cấp cao và kỹ thuật cũng như các hoạt động khác.

Đại học Nam Thái Bình Dương

Trường đại học này thuộc sở hữu của 12 quốc gia thành viên, chịu trách nhiệm cung cấp việc giảng dạy ở bậc đại học và nghiên cứu về tính bền vững cho khu vực Thái Bình Dương và có các hoạt động hỗ trợ cho sự mở rộng năng lượng tái tạo.

“Tăng cường sự hợp tác trong khu vực có thể giúp cải thiện khả năng tiếp cận năng lượng giữa các nước đang phát triển và thiếu hụt năng lượng ở châu Á đồng thời có thể mang lại lợi ích cho khu vực về bảo tồn các nguồn tài nguyên tự nhiên, sản xuất nông nghiệp và an ninh lương thực.”

□ Báo cáo tháng 4 năm 2020 về khu vực Nam Á của các nhà nghiên cứu tại Viện Ngân hàng Phát triển Châu Á

thứ chín thế giới, là những ngoại lệ đáng chú ý. Nhiều quốc gia Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, bao gồm Nhật Bản và Hàn Quốc, nhập khẩu hơn 50% năng lượng của mình.

Hơn nữa, một số quốc gia lớn nhất về quy mô và tiềm năng năng lượng tái tạo vẫn có tỷ lệ năng lượng tái tạo tương đối thấp trong TFEC của họ, báo cáo giải thích. Tổng cộng, Ấn Độ và Trung Quốc chiếm 28% mức tiêu thụ năng lượng sơ cấp của thế giới, tuy nhiên vào năm 2016, Ấn Độ đã có tỷ lệ năng lượng tái tạo ít hơn 40% trong TFEC của mình, còn tỷ lệ của Trung Quốc ở mức dưới 20%, báo cáo cho biết.

Các trở ngại khác đối với việc áp dụng năng lượng tái tạo bao gồm nguồn vốn, chuyển đổi sang hỗ trợ từ chính phủ cho năng lượng tái tạo phức tạp hơn và thay đổi cơ cấu của ngành để đáp ứng cho nhu cầu tăng nhanh, các hạn chế do biến đổi khí hậu và quá trình đô thị hóa ngày càng tăng, báo cáo giải thích.

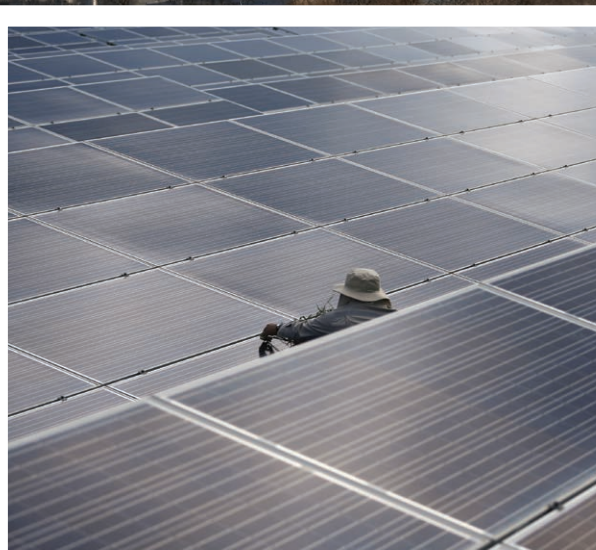
Theo các dự báo của IEA, để đáp ứng cho nhu cầu năng lượng của khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, tính đến năm 2040, người ta sẽ cần đầu tư tới hàng nghìn tỷ đô la. Ông Francis R. Fannon, trợ lý bộ trưởng của Cục Tài nguyên Năng lượng Hoa Kỳ, phát biểu trong một cuộc hội thảo vào tháng 6 năm 2020 cho Asia EDGE (Nâng cao Phát triển và Tăng trưởng thông qua Năng lượng): “Cách thức các quốc gia đáp ứng nhu cầu đang tăng lên sẽ tác động đáng kể đến an ninh năng lượng và ổn định kinh tế trên toàn khu vực”. “Điều đó có ảnh hưởng trên phạm vi toàn cầu.”

Được đưa vào hoạt động từ năm 2018 với khoản đầu tư ban đầu là 140 triệu đô la Mỹ, Asia EDGE hỗ trợ an ninh năng lượng, đa dạng hóa, khả năng tiếp cận và giao thương trên khắp Ấn Độ Dương-Thái Bình



Khói và hơi nước bốc lên từ một nhà máy chế biến than ở Hejin, Trung Quốc. Mỗi năm, Trung Quốc đốt khoảng một nửa lượng than được sử dụng trên toàn cầu. Hầu hết các nhà máy điện sử dụng nguồn năng lượng than củi trên thế giới mà đang được quy hoạch, xây dựng hoặc đang vận hành đều ở châu Á. THE ASSOCIATED PRESS

Một công nhân kiểm tra các tấm pin tại một nhà máy điện mặt trời ở tỉnh Phetchaburi, Thái Lan. REUTERS



Dương. Ông Fannon cho biết, theo chương trình này, Ấn Độ đã hợp tác với Ủy ban Điều tiết Năng lượng Liên bang Hoa Kỳ vào tháng 10 năm 2019 để thiết lập ra Sáng kiến Nguồn lực Linh hoạt nhằm tăng cường khả năng huy động vốn tư nhân của Ấn Độ, cấp vốn cho nhu cầu về an ninh của nước này và nâng cao cơ hội cho các công ty Hoa Kỳ trong hệ thống điện.

CÁC NỖ LỰC HỢP TÁC QUAN TRỌNG

Hợp tác trong khu vực đóng vai trò then chốt trong việc cải thiện các thực hành về năng lượng sạch và an ninh năng lượng, báo cáo REN21 trình bày. Ví dụ, mua bán điện xuyên biên giới đã thể hiện là một hoạt động đặc biệt có lợi ở khu vực Đồng bằng sông Mekong của Đông Nam Á. Thông qua các khoản đầu tư của Asia EDGE, Nhật Bản và Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ và Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (U.S. Agency for International Development - USAID) đã thiết lập Quan hệ Đối tác Điện Nhật Bản-Hoa Kỳ-Mekong để hướng tới các lưới điện

trong khu vực nhằm hỗ trợ các công ty Hoa Kỳ trong việc xây dựng đường dây truyền tải xuyên biên giới.

“Tăng cường sự hợp tác trong khu vực có thể giúp cải thiện khả năng tiếp cận năng lượng giữa các nước đang phát triển và thiếu hụt năng lượng ở châu Á đồng thời có thể mang lại lợi ích cho khu vực về bảo tồn các nguồn tài nguyên tự nhiên, sản xuất nông nghiệp và an ninh lương thực”, một báo cáo về khu vực Nam Á của các nhà nghiên cứu tại Viện ADB vào tháng 4 năm 2020 đã ghi nhận. Hơn nữa, “tăng cường sự hợp tác và hội nhập trong khu vực ở các cấp độ khác nhau về chia sẻ tài nguyên, sản xuất và thương mại có thể quy tụ các quốc gia thành một mạng lưới phụ thuộc lẫn nhau để đảm bảo việc tận dụng tối đa các nguồn năng lượng tái tạo và không tái tạo.” □



CHO SỰ ỔN ĐỊNH *Bồi đắp*

CÁC QUỐC GIA Ở KHU VỰC ẤN ĐỘ
DƯƠNG-THÁI BÌNH DƯƠNG TĂNG CƯỜNG
an ninh lương thực THÔNG
QUA QUAN HỆ ĐỐI TÁC VÀ CÔNG NGHỆ

NHÂN VIÊN CỦA DIỄN ĐÀN

Trong 55 năm độc lập, quốc đảo Singapore đã phát triển từ một miền đất thuộc địa xa xôi hẻo lánh thành một cường quốc thịnh vượng về thương mại toàn cầu và tài chính — một sự phát triển mạnh mẽ được thể hiện trên đường chân trời mà khiến người ta phải ngửa cổ ngược nhìn ở nơi đây.

Thường xuyên nằm trong số 10 quốc gia hàng đầu thế giới về tổng sản phẩm quốc nội trên đầu người, thành phố này là nơi có bến cảng lớn nhất Đông Nam Á và xuất khẩu đủ loại hàng hóa từ các mặt hàng điện tử đến được phẩm và thiết bị y tế. Người dân có trình độ học vấn cao, làm việc năng suất, với dân số kể từ năm 1965 đến nay đã tăng gấp ba lần lên 5,7 triệu người. Người dân nơi đây được hưởng mức sống cao.

Tuy nhiên, điều chủ yếu vẫn giữ nguyên không thay đổi trong nửa thế kỷ qua là bản chất của chính vùng đất này — 720 kilomet vuông với địa hình chủ yếu là không phù hợp với cây trồng.

“Singapore chưa bao giờ là một quốc gia nông nghiệp do diện tích đất canh tác hạn chế của chúng ta”, bà Kee Ai Nah, giám đốc điều hành của cơ quan phát triển của chính phủ, Enterprise Singapore, đã viết vào năm 2019. “Ngày nay, chỉ có 8% lượng rau chúng ta tiêu thụ được sản xuất tại các trang trại địa phương, khiến chúng ta phụ thuộc rất nhiều vào việc nhập khẩu thực phẩm.”

Ngay cả đối với đất nước có tài xoay xở mà đã tạo ra một phép màu kinh tế này, việc đảm bảo có thể cung cấp đủ thực phẩm cho người dân của mình vẫn là một nhiệm vụ khổng lồ, một nhiệm vụ với những ý nghĩa không chỉ đối với an ninh lương thực mà còn đối với an ninh quốc gia.

Đó là một thực tế mà các quốc gia trên khắp khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương phải đối mặt, một sự thật còn trở nên khó khăn hơn bởi sự lây lan đau lòng của một đại dịch đã khiến cho cây trồng khô héo và chuỗi cung ứng bị đình trệ trong khi đẩy mọi người vào cảnh mất việc làm và nghèo khổ— cũng như khả năng nạn đói có thể xảy ra.

Việt Nam tạm dừng xuất khẩu gạo vào tháng 3 năm 2020 vì những lo ngại về dịch COVID-19. Là nước xuất khẩu gạo lớn thứ ba thế giới, các thị trường của nước này bao gồm Trung Quốc, Malaysia và Philippines.

AFP/GETTY IMAGES

Ví dụ, vào tháng 3 năm 2020, Việt Nam đã tạm dừng xuất khẩu gạo vì những lo ngại về dịch COVID-19. Theo tin từ báo *VnExpress International*, Việt Nam chỉ đứng sau Ấn Độ và Thái Lan về xuất khẩu gạo trên toàn thế giới. Trong năm 2019, nước này đã xuất khẩu 6,37 triệu tấn lương thực chủ lực này trị giá 2,8 tỷ đô la Mỹ vào các thị trường trong đó có Trung Quốc, Malaysia và Philippines.

Đối mặt với tình trạng tiến thoái lưỡng nan về an ninh lương thực, nhiều quốc gia, như Singapore, đang tìm câu trả lời trong quan hệ đối tác ở khu vực và sự hứa hẹn đầy tiềm năng của công nghệ.

Bà Kimberly Flowers, giám đốc Dự án An ninh Thực phẩm Toàn cầu tại Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế (Center for Strategic and International Studies), đã viết trong một bài tiểu luận cho trung tâm đặt

tại Washington, D.C., rằng: “Một trong những thách thức lớn nhất của phát triển toàn cầu mà các quốc gia giàu và nghèo đang cùng nhau đối mặt đó là việc tăng sản xuất nông nghiệp để đáp ứng cho các sở thích thay đổi của người tiêu dùng cũng như dân số ngày càng tăng, đồng thời sử dụng ít nước và ít diện tích đất hơn và việc quản lý các tác động khó lường của biến đổi khí hậu”.

CÁC HẠT GIỐNG CỦA SỰ BẤT ỔN

Trên toàn thế giới, gần 690 triệu người, tức là khoảng 9% dân số của cả hành tinh, đã bị đói trong năm 2019, hơn một nửa trong số họ là ở châu Á, theo một báo cáo vào tháng 7 năm 2020 của Liên Hợp Quốc. Đến năm 2021, dịch bệnh vi-rút corona có thể đẩy con số đó lên trên 820 triệu, càng làm dấy lên sự nghi ngờ về mục tiêu của Liên Hợp Quốc là đến năm 2030 sẽ “chấm dứt nạn đói, bất ổn về an ninh lương thực và suy dinh dưỡng dưới mọi hình thức”.

Trang trại theo chiều dọc này ở một khu vực công nghiệp của Kyoto, Nhật Bản, sản xuất 30.000 cây rau diếp mỗi ngày sử dụng ánh sáng nhân tạo và sự can thiệp hạn chế của con người. AFP/GETTY IMAGES



“Báo cáo cảnh báo rằng nếu các xu hướng trong vài năm qua còn tiếp tục, thì chúng ta sẽ đi xa khỏi mục tiêu không còn nạn đói thay vì hướng tới đó. Điều này rất đáng lo ngại,” ông Johan Swinnen, tổng giám đốc của Viện Nghiên cứu Chính sách Thực phẩm Quốc tế (International Food Policy Research Institute - IFPRI), đã nhận định trong một bài viết trên trang web của cơ quan này. “Điều đáng lo ngại hơn nữa... là COVID-19 đang làm cho các vấn đề còn tồi tệ hơn nhiều cho những người nghèo nhất trên thế giới”.

Từ lâu đã được xem là một chất xúc tác mạnh mẽ gây ra bất ổn dân sự và xung đột, tình trạng mất an ninh về thực phẩm có thể là một trong những vấn đề khó khắc phục nhất của thế kỷ 21, một vấn đề đã trở nên trầm trọng hơn do dân số ngày càng tăng và việc di cư với số lượng lớn người ngay cả trước khi loại vi-rút chết người này xuất hiện.

Các yếu tố như sản xuất và vận chuyển bị gián đoạn và sức mua yếu có nhiều khả năng sẽ làm tăng nguy cơ mất an ninh



thực phẩm cho đến giữa thập niên 2020, Văn phòng Giám đốc Tình báo Quốc gia Hoa Kỳ (Director of National Intelligence-DNI) đưa ra dự báo trong đánh giá về cộng đồng tình báo trong năm 2015 với tựa đề “An ninh Lương thực Toàn cầu” (“Global Food Security”).

“Ở một số quốc gia, tình trạng an ninh lương thực đang suy giảm gần như chắc chắn sẽ góp phần gây ra sự chia rẽ trong xã hội và bất ổn chính trị”, DNI ghi nhận.

Thiếu lương thực có thể khiến nhiều người di chuyển chỗ ở, dù ở bên trong hay bên ngoài những đường biên giới quốc gia, khi mà những người bị đói đi tìm kiếm nguồn cung cấp thực phẩm. Trong việc gieo rắc sự bất hòa và nổi bất bình trong quần chúng, nạn đói có thể là gốc rễ của chủ nghĩa cực đoan và bạo lực. Sự bất ổn như thế, trong một vòng luẩn quẩn, càng làm suy yếu đi hơn nữa nền an ninh lương thực vì gây cản trở thương mại và làm cho chính quyền dân sự bị quá tải.

Trong một nghiên cứu đã được công bố trong *Ôn định: Tạp chí Quốc tế về An ninh và Phát triển* (Stability: International Journal of Security and Development), các nhà nghiên cứu nhận thấy rằng sự gia tăng mạnh về số lượng và mức độ nghiêm trọng của các cuộc xung đột vũ trang trên toàn thế giới trong năm 2011 “xảy ra ngay sau những đợt tăng giá thực phẩm trên khắp thế giới — vào cuối năm 2010 và đầu năm 2011”.

Trên khắp thế giới, bà Flowers đã ghi nhận trong bài tiểu luận năm 2016 của mình, “giá lương thực tăng lên và biến động mạnh đã dẫn đến những cuộc bạo loạn đô thị, chính phủ bị lật đổ và bất ổn ở khu vực”.

Theo Hội đồng Tình báo Quốc gia Hoa Kỳ, những thay đổi liên tục về nhân khẩu học cũng như những chênh lệch về giới tính, đặc biệt là ở khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, đang làm vấn đề phức tạp hơn.

“Thiếu thốn tài nguyên thiên nhiên - chẳng hạn như nước và đất canh tác - ở nhiều quốc gia nơi có tỷ lệ nam thanh niên không cân xứng sẽ làm tăng nguy cơ nổ ra xung đột nội bộ, đặc biệt là ở các nước châu Phi cận Sahara, Nam và Đông Á, bao gồm cả Trung Quốc và Ấn Độ”, hội đồng đã báo cáo trong “Xu hướng Toàn cầu 2030: Những Thế giới Thay thế” (“Global Trends 2030: Alternative Worlds”).

NHỮNG QUAN HỆ ĐỐI TÁC THÀNH CÔNG

Cuộc chiến chống nạn đói ở Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương kêu gọi các dự án hợp tác và mức chi tiêu đáng kể trong các lĩnh vực như cơ sở hạ tầng nông thôn, thủy lợi cũng như nghiên cứu và phát triển nông nghiệp, theo báo cáo vào tháng 10 năm 2019 của IFPRI. Trong thập kỷ tới, mỗi năm, các khoản đầu tư cho nông nghiệp phải tăng gấp đôi, lên gần 79 tỷ đô la Mỹ, nếu khu vực này muốn đạt ngưỡng đói bình quân đầu người của Liên Hợp Quốc là 5%, theo phát hiện của báo cáo của Ngân hàng Phát triển Châu Á.

Cái giá của sự thất bại cũng sẽ rất khủng khiếp.

Ở Indonesia, một quốc đảo có dân số đứng thứ tư trên thế giới, với gần một phần ba trong tổng số 267 triệu người dân đang làm việc trong ngành nông nghiệp, một lĩnh vực đóng vai trò sống còn đối với nền kinh tế lớn nhất Đông Nam Á. Theo IFPRI, mặc dù Indonesia đã có những bước tiến đáng kể trong việc tăng cường sản xuất thông qua các biện pháp như sử dụng các giống lúa có năng suất cao và phân bón, chi riêng

mức tăng dân số của nước này đã đủ khiến các nguồn tài nguyên tiếp tục lâm vào tình trạng eo hẹp.

“An ninh lương thực là một trong những ưu tiên phát triển của quốc gia”, các nhà nghiên cứu đã ghi nhận trong một phân tích bổ sung cho báo cáo năm 2019 của viện, trong đó khuyến nghị các bước từ thúc đẩy sự tham gia của thanh thiếu niên và nông dân làm kinh doanh đến áp dụng “nông nghiệp chính xác” ở phạm vi sâu rộng hơn thông qua việc sử dụng vệ tinh, cảm biến và công nghệ kỹ thuật số.

Các nỗ lực trong khu vực nhằm tăng cường an ninh lương thực đã tăng tốc ở thời điểm đầu thiên niên kỷ, khi 10 quốc gia thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) cùng tham gia với Nhật Bản, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Hàn Quốc trong việc thiết lập Hệ thống Thông tin An ninh Lương thực ASEAN (ASEAN Food Security Information System - AFSIS).

Sáng kiến này tìm cách cải thiện việc thu thập, phân tích và phổ biến dữ liệu để xây dựng mạng lưới thông tin cung cấp các cảnh báo sớm và dự báo về hàng hóa để các quốc gia thành viên có thể quản lý tốt hơn các mối đe dọa đối với an ninh lương thực và dự trữ khẩn cấp.

Tập trung vào năm loại cây trồng chính của khu vực — khoai mì (sắn), bắp (ngô), lúa gạo, đậu nành và mía đường — cơ sở dữ liệu AFSIS giám sát khâu sản xuất, giá bán buôn, sự tham gia của lực lượng lao động, năng suất, lịch mùa màng và sử dụng đất, cùng với các biến số khác.

Cuộc chiến để xóa bỏ nạn đói ở Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương được củng cố bởi các nguồn lực và chuyên môn của Hoa Kỳ. Kể từ khi bắt đầu thời kỳ Chiến tranh Lạnh, Hoa Kỳ đã là bên cung cấp viện trợ thực phẩm lớn nhất thế giới, phục vụ hơn 4 tỷ người ở hơn 150 quốc gia thông qua Văn phòng Thực phẩm vì Hòa bình của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (U.S. Agency for International Development - USAID).

USAID đã cung cấp hơn 4,4 tỷ đô la Mỹ làm ngân sách cho phát triển và hỗ trợ thực phẩm khẩn cấp trong năm tài chính 2019, bao gồm các khoản quyên tặng thực phẩm, phiếu giảm giá, tiền mặt và hàng hóa mua tại địa phương, theo trang web của USAID. Mạng lưới Hệ thống Cảnh báo Sớm về Nạn đói của cơ quan này có thể dự đoán nhu cầu cần hỗ trợ lương thực lên đến tám tháng trước khi xảy ra tình trạng khẩn cấp, đẩy nhanh phản ứng cứu trợ nhân đạo.

Những nỗ lực như vậy của Hoa Kỳ, ASEAN và các đối tác cùng chí hướng đang cứu được mạng người và gieo mầm hòa bình.

“Nếu sự bất ổn về thực phẩm là điều làm tăng nguy cơ xảy ra xung đột lên nhiều lần, thì việc cải thiện an ninh lương thực có thể làm giảm căng thẳng và góp phần tạo ra môi trường ổn định hơn”, các nhà nghiên cứu Cullen Hendrix thuộc Trường Nghiên cứu Quốc tế Korbell của Đại học Denver và Henk-Jan Brinkman thuộc Văn phòng Hỗ trợ Xây dựng Hòa bình của Liên Hợp Quốc đã viết trong nghiên cứu vào năm 2013 của họ được công bố trên tạp chí *Stability*.

TÁI CẤU TRÚC NÔNG NGHIỆP

Trên các cánh đồng và ruộng lúa ở khắp Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, những tiến bộ trong khoa học và công nghệ đang cho phép những người nông dân và người trồng trọt tái thiết nghề nghiệp của họ từ mùa gieo trồng đến vụ thu hoạch, đồng thời làm vững chắc an ninh lương thực tại địa phương và trong khu vực.

- Ở phía tây bắc Bangladesh, sáng kiến Nuôi dưỡng Tương lai (Feed the Future) của USAID đã hợp tác với các đối tác gồm Đại học Cornell để giới thiệu một giống cà tím kháng sâu bệnh làm giảm đáng kể sự phá hoại mùa màng và việc sử dụng thuốc trừ sâu độc hại. Trong năm 2018, nông dân trồng cà tím đã chứng kiến sản lượng của họ tăng vọt lên 42% và lợi nhuận trên mỗi héc-ta của họ tăng thêm 400 đô la Mỹ.
- Tại huyện Kalahandi, Ấn Độ, một vùng đất dễ bị hạn hán, các nhà khoa học của Viện Nghiên cứu Cây trồng Quốc tế cho Vùng Nhiệt đới Bán Khô cận đã hợp tác với Tập đoàn TNHH Lưới điện Ấn Độ để triển khai một hệ thống thu gom nước mưa, bao gồm việc xây dựng 32 ao nuôi cá tại bảy ngôi làng tính đến giữa năm 2020. Lập bản đồ về tình trạng đất cho thấy sự suy thoái và thiếu hụt mà các nhóm nghiên cứu đã giải quyết bằng chất dinh dưỡng và giống cây trồng được cải thiện, tạo ra năng suất lớn hơn, theo báo cáo của viện này.
- Viện nghiên cứu cây trồng cũng đang hợp tác với các nhà khoa học ở Úc và Ấn Độ trong một dự án giải mã gen để tăng khả năng chống hạn ở đậu gà, một loại thực phẩm giàu protein, chất xơ và sắt, cùng với các chất dinh dưỡng khác.
- Tại Papua New Guinea, các nhà nghiên cứu của IFPRI đang hợp tác với các cơ quan chính phủ để phát triển một cơ sở dữ liệu kỹ thuật số để phân tích sản xuất, định giá và tiêu thụ thực phẩm, điều này sẽ cho phép các cộng đồng ứng phó tốt hơn với sự biến động trong nguồn cung thực phẩm.



Tại Papua New Guinea, các cơ quan chính phủ và Viện Nghiên cứu Chính sách Thực phẩm Quốc tế đang phân tích việc sản xuất, định giá và tiêu thụ đậu tây và các loại cây trồng khác để giúp các cộng đồng ứng phó với sự biến động trong nguồn cung thực phẩm. AFP/GETTY IMAGES

Mục tiêu “30x30” của Singapore đặt ra yêu cầu rằng đến năm 2030, thành phố có 5,7 triệu dân này phải đáp ứng được 30% nhu cầu dinh dưỡng bằng thực phẩm sản xuất trong nước. REUTERS



- Viện Nghiên cứu Lúa gạo Quốc tế có trụ sở tại Philippines, kết hợp với một nhóm các nhà khoa học từ châu Mỹ và châu Âu, đang phát triển các giống lúa kháng bệnh. Sự hợp tác này cũng đã dẫn đến việc tạo ra một bộ chẩn đoán để phát hiện nhanh các mầm bệnh như bệnh bạc lá do vi khuẩn có thể để lại hậu quả nặng nề.

Các khoản đầu tư như vậy vào việc nghiên cứu và phát triển làm tăng năng suất và sản lượng nông nghiệp, IFPRI đã ghi nhận trong báo cáo của viện vào năm 2019. Điều đó làm giảm giá thực phẩm, tăng thu nhập cho hộ gia đình, tăng khả năng cung cấp thực phẩm “và do đó làm giảm số trẻ em bị suy dinh dưỡng và người dân phải chịu đói”.

NHÌN LÊN BẦU TRỜI

Đối với nhiều người Singapore, mức sống cao mà họ được hưởng trên hòn đảo đông dân cư của mình cũng được hưởng theo nghĩa đen. Xếp thứ 191 trên toàn cầu về diện tích đất đai, quốc gia chỉ có một thành phố này đã xây dựng hàng ngàn tòa nhà cao tầng để tối đa hóa bất động sản tối thiểu của mình; ngày nay, các căn hộ có người ở cũng là chủ sở hữu này là nơi cư trú của khoảng 80% dân số.

Trong những năm gần đây, Singapore đã bắt đầu áp dụng phương pháp canh tác nông nghiệp tương tự như cách làm với nhà ở: Quốc gia này đã tăng trưởng theo chiều dọc.

Với lời tự mô tả là trang trại theo chiều dọc đầu tiên trên thế giới có lượng khí thải carbon thấp, được điều khiển bằng thủy lực, Sky Greens bắt đầu hoạt động thương mại vào năm 2012 với mục tiêu “đảm bảo khả năng phục hồi trong cung cấp thực phẩm... cho các địa điểm có diện tích đất hạn hẹp” như Singapore. Sáng kiến kết hợp giữa lĩnh vực công và tư, đã giành giải thưởng này trồng bắp cải, rau diếp, rau bina và các loại rau

khác trên các khung nhôm hình chữ A cao đến 9 mét. Mỗi khung có hàng chục tầng quay quanh trục cho phép thực vật có đủ ánh sáng, nước và chất dinh dưỡng quanh năm khi trồng trong nhà.

Theo trang web của Sky Greens, nước chảy kết hợp với trọng lực tạo ra chuyển động quay, cắt giảm nhu cầu về điện của mỗi tháp chỉ còn mức tương đương với một bóng đèn. Nước dùng cho hệ thống thủy lực được tái sử dụng để tưới tiêu.

Hơn 30 trang trại theo chiều dọc trong nhà đã mọc lên xung quanh hòn đảo, tăng gấp năm lần chỉ trong vài năm, theo tin từ Enterprise Singapore. Với những tiến bộ trong trí tuệ nhân tạo, cảm biến thông minh và công nghệ kỹ thuật số khác — cộng với sự đầu tư của các công ty khởi nghiệp về công nghệ nông nghiệp và các tập đoàn đa quốc gia — ngành nông nghiệp trong nhà của quốc gia này đến năm 2023 dự kiến sẽ tăng gần 20% mỗi năm.

Như đã từng làm trong lĩnh vực thương mại và tài chính, Singapore nỗ lực để trở thành trung tâm lớn tiếp theo của nông nghiệp đô thị. Vào tháng 9 năm 2020, Cơ quan Thực phẩm Singapore đã công bố các khoản tài trợ trị giá gần 40 triệu đô la Mỹ cho chín trang trại đô thị công nghệ cao trong khuôn khổ của mục tiêu “30x30” của quốc gia này là đến năm 2030 sẽ đáp ứng được 30% nhu cầu dinh dưỡng với thực phẩm sản xuất trong nước.

Trong một tuyên bố, Giám đốc điều hành của cơ quan Lim Kok Thai cho biết: “Chúng tôi khẩn trương đẩy nhanh sản xuất trong nước để giảm bớt sự phụ thuộc vào các mặt hàng nhập khẩu và cung cấp phương án dự phòng trong thời gian nguồn cung bị gián đoạn, giữa đại dịch COVID-19”. “Chúng tôi sẽ tiếp tục làm việc với ngành nông nghiệp thực phẩm và hỗ trợ họ phát triển nhiều hơn và phát triển nhanh hơn để tăng cường an ninh lương thực của chúng tôi.” □

BƯỚC CHUYỂN TỪ — COVID-19

Những bài học kinh nghiệm trong giai đoạn đầu của RedR Australia và những thách thức sắp tới

KIRSTEN SAYERS/REDR AUSTRALIA

Đại dịch COVID-19 đã định hình lại thời đại của chúng ta. Dịch bệnh này đã thách thức cách chúng ta suy nghĩ và hành xử xoay quanh các vấn đề y tế công cộng. Nó đã thiết lập lại đường phân chia về kinh tế và sự nghèo đói cũng như làm rối tung cách thức mà con người di chuyển bên trong và xuyên qua những đường biên giới. Quan trọng nhất là, nó đã xóa nhòa những lần ranh giới về chủng tộc, giai cấp và giới tính, gây ảnh hưởng đến tất cả nhân loại.

RedR Australia — một cơ quan ứng phó nhân đạo quốc tế chuyên cung cấp nhân lực lãnh nghề và các khóa đào tạo để giúp các cộng đồng lập kế hoạch, chuẩn bị, xây dựng lại và phục hồi trước, trong và sau những cuộc khủng hoảng và xung đột — tự hào được cung cấp hỗ trợ nhân đạo cho các tổ chức đối tác của chúng tôi trên toàn cầu. Sản phẩm đặc biệt của chúng tôi là nhân sự của chúng tôi. Nhân viên của chúng tôi đem đến phẩm giá, tình thương và tinh thần hào hiệp cho những người dễ bị tổn thương nhất. Họ là hiện thân của tinh thần phục vụ vì lợi ích chung. Chúng tôi tự thấy thật vinh dự khi được mời làm việc cùng với các cộng đồng địa phương.

Giống như hầu hết các ngành nghề trên thế giới, khi COVID-19 xuất hiện, khả năng của chúng tôi trong việc cung cấp thêm sự hỗ trợ nhân đạo cho các cộng đồng đang đối mặt với các cuộc khủng hoảng đã ngay lập tức bị giảm sút. Mặc dù chúng tôi có những người với năng lực được cần đến — chẳng hạn như quản lý rủi ro thiên tai và phục hồi, sức khỏe và bảo vệ — chúng tôi hầu như phải ở nguyên một chỗ khi các tuyến đường giao

thông trên khắp thế giới ngừng hoạt động.

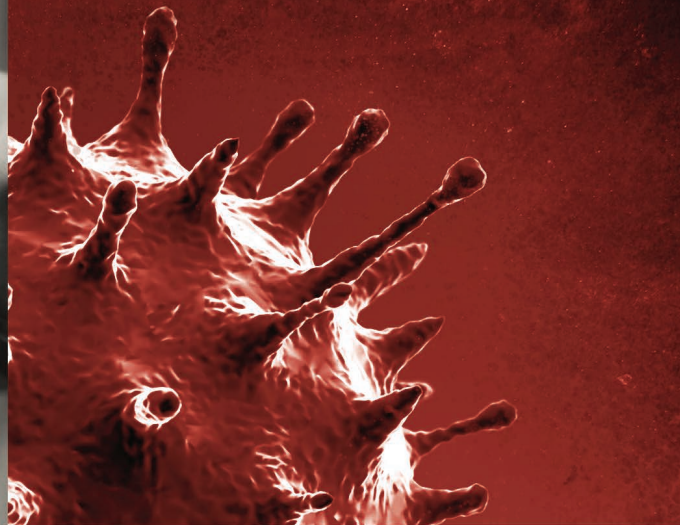
Sự bất lực của chúng tôi trong việc di chuyển nhân viên và tài sản càng trở nên trầm trọng hơn do các hãng bảo hiểm của thế giới không có khả năng đảm bảo những cuộc sơ tán y tế hoặc giải cứu khẩn cấp. Khi thế giới của chúng ta dừng lại, chúng tôi nhận ra rằng mình cần thay đổi cách tiếp cận; nếu không, chúng tôi sẽ khoanh tay đứng nhìn trong khi tình trạng bấp bênh ngày càng chuyển biến xấu đi.

RedR Australia đã ứng phó với các đại dịch, bao gồm Ebola, cúm gia cầm và SARS, cử các chuyên gia kỹ thuật đến hỗ trợ trong thời gian xảy ra khủng hoảng. Chúng tôi cam kết làm việc với các đối tác để giúp chống lại sự lây lan trên phạm vi toàn cầu của COVID-19. Những điều sau đây là một tóm tắt sơ lược về cách RedR Australia đã điều chỉnh những hoạt động và vượt qua các thách thức trong thời gian đó, tập trung vào các thảm họa kép ở Nam Thái Bình Dương và các cuộc khủng hoảng người tị nạn Syria và Rohingya.

ĐỔI MỚI VÀ LINH HOẠT

Các lệnh cấm đi lại, đóng cửa không phận và hạn chế đối với thị trường bảo hiểm biến đổi nhanh chóng đều cần đến cách thức giải quyết vấn đề sáng tạo về mặt hoạt động ngay từ giai đoạn đầu của đại dịch. RedR Australia đã thuê một chuyên viên môi giới có chuyên môn để mở đường cho việc mua bảo hiểm bổ sung nhằm bảo vệ các hoạt động và làm việc với chính phủ Úc để xác định những hướng khả thi để vượt qua lệnh cấm đi lại của nước này.

Việc giảm đáng kể các chuyến bay quốc tế là một trong



những rào cản hậu cần lớn nhất đối với RedR Australia. Thông qua việc đăng ký với dự án Dịch vụ Chung của Chương trình Lương thực Thế giới, một mạng lưới các chuyến bay theo lịch trình cho nhân viên làm công tác nhân đạo đã mang đến triển vọng về khả năng đi lại. Trong mọi trường hợp, phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các cá nhân và nhóm công tác nội bộ, cùng với báo cáo tiến độ định kỳ cho tổ chức cấp cao hơn, đảm bảo sự linh hoạt trong suốt thời gian xảy ra gián đoạn đáng kể.

THÁI BÌNH DƯƠNG: SỰ CHUẨN BỊ VÀ QUÁ TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG HÓA

Mặc dù các quốc đảo ở Thái Bình Dương hầu như đã tránh được tỷ lệ lây nhiễm COVID-19 và tỷ lệ tử vong ở mức cao như đã thấy ở các quốc gia khác, họ phải xoay sở một cuộc khủng hoảng y tế trong các cuộc khủng hoảng nhân đạo đang tồn tại cũng như mới thêm.

Vào đầu tháng 4 năm 2020, Bão nhiệt đới Cấp 5 Harold đã tàn phá xuyên qua Thái Bình Dương, làm ảnh hưởng đến 30% dân số Vanuatu. Vào thời điểm đó, Vanuatu đã không có ca nhiễm COVID-19 nào được báo cáo và có những biện pháp kiểm soát biên giới nghiêm ngặt. Mặc dù các biện pháp kiểm soát này có

**VIỆC GIẢM ĐÁNG
KỂ CÁC CHUYẾN
BAY QUỐC TẾ
LÀ MỘT TRONG
NHỮNG RÀO CẢN
HẬU CẦN LỚN
NHẤT ĐỐI VỚI
RedR AUSTRALIA.**



thể đã bảo vệ nước này trước đại dịch COVID-19, nhưng đã làm giảm những tuyến đường hiện mở cho việc cung cấp hỗ trợ nhân đạo. Đối với RedR Australia và nhiều tổ chức khác trong ngành, điều này đã nhấn mạnh nhu cầu cần phải có sự chuẩn bị vững vàng về mặt hoạt động để hỗ trợ các giải pháp do địa phương chủ động thực hiện. Chính phủ Vanuatu đã chỉ đạo công tác ứng phó với Harold, được hỗ trợ bởi các kế hoạch chuẩn bị và ứng phó mới được triển khai và cơ sở hạ tầng chống lốc xoáy đã được phát triển sau Lốc xoáy Pam vào năm 2015.

Thông qua Chương trình Australia Assists, được tài trợ bởi chính phủ Úc, chúng tôi đã đồng hành với ít nhất bảy chính phủ ở khu vực Thái Bình Dương, cộng đồng của họ cũng như các tổ chức ở cấp địa phương và khu vực để tăng cường các năng lực chuẩn bị và ứng phó với thiên tai của quốc gia. Công việc này đã hỗ trợ việc tạo ra các kế hoạch và quy trình quản lý thiên tai ở cấp quốc gia, củng cố khả năng của nhiều nước ở khu vực Nam Thái Bình Dương trong việc giải quyết nhiều tình huống khẩn cấp có diễn biến phức tạp.

RedR Australia có 20 nhân viên được điều động ở khu vực Thái Bình Dương trước COVID-19. Chúng tôi vẫn còn 17 người ở tại nơi họ công tác và 18 người làm việc từ

Ông Daniel Noriega, bên phải, thuộc tổ chức Australia Assists và các thành viên trong nhóm ứng phó nhân đạo địa phương kiểm tra thiệt hại gây ra bởi Lốc xoáy nhiệt đới Harold ở Nambukalevu-i-Ra, Fiji.

REDR AUSTRALIA

xa trong đại dịch. Ngay từ những ngày đầu, chúng tôi đã quyết định sẽ hỗ trợ nhân viên của mình ở lại và làm việc cùng với các đối tác Thái Bình Dương trong các trường hợp việc này là khả thi. Phần việc này bao gồm tìm kiếm và thu hút những công dân tài năng và giàu kinh nghiệm của các đảo ở Thái Bình Dương làm việc với chúng tôi để tăng cường chuyên môn sẵn có ở quốc gia của họ.

Dưới đây là một số ví dụ về các giải pháp tại địa phương và thực tế:

- Việc tích cực tuyển dụng các chuyên gia trong nước dẫn đến khả năng tiếp cận và tạo ra tác động một cách nhanh chóng. Hiểu biết của họ về bối cảnh và mạng lưới mà họ hoạt động bên trong đóng vai trò lớn trong một thảm họa. Một nhân viên như thế của RedR Australia ở Vanuatu đã điều phối việc di chuyển các nguồn cung nhân đạo bằng cách đảm bảo rằng hàng hóa đáp ứng được các quy định nhập khẩu quốc tế và quốc gia và chúng được phân phối một cách thích hợp.

- Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc (United Nations Population Fund, UNFPA) dự báo rằng bạo lực trên cơ sở giới sẽ tăng 20% mỗi năm do các hạn chế của COVID-19, bao gồm cả những lệnh phong tỏa. Đối với một số nước ở khu vực Thái Bình Dương, những dự báo này có thể vẫn còn đè nặng. Phụ nữ và trẻ em gái cũng gặp bất lợi khi các hệ thống y tế chuyển các nguồn lực ra khỏi lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản và tình dục (sexual and reproductive health, RH) để ứng phó với các trường hợp khẩn cấp. Việc đóng cửa các phòng khám sức khỏe và trì hoãn hoặc hủy bỏ các dịch vụ tại cộng đồng khiến phụ nữ và trẻ sơ sinh phải chịu mức rủi ro cao hơn. Hợp tác với Liên đoàn Sinh đẻ có Kế hoạch Quốc tế (International Planned Parenthood Federation, IPPF) và UNFPA, chuyên gia về giám sát và đánh giá (monitoring and evaluation, M&E) của RedR Australia đã giúp giám sát các hoạt động chuẩn bị và ứng phó về phòng ngừa và kiểm soát nhiễm trùng. Điều này bao gồm chuẩn bị các công cụ M&E cụ thể cho từng quốc gia và hỗ trợ các thành viên cung cấp những dịch vụ SRH có thể cứu mạng người nếu hệ thống y tế bị quá tải do COVID-19.

Bà Litiana Mana, bên trái, nhân viên y tế của tiểu ban ở Kadavu, Fiji và ông Daniel Noriega của Australia Assists lên lịch cho các chuyến thăm của nhóm ứng phó thuộc Hiệp hội Sức khỏe Sinh sản và Gia đình của Fiji đến các làng đảo ở Kadavu. REDR AUSTRALIA

CHÚNG TÔI LÀ AI

RedR Australia là một tổ chức nhân đạo cung cấp các khóa đào tạo và nhân lực lành nghề để làm việc với các cộng đồng trong việc lập kế hoạch, chuẩn bị, xây dựng lại và phục hồi trước, trong và sau các thảm họa và xung đột. RedR Australia duy trì một đội ngũ gồm hơn 750 chuyên gia kỹ thuật với 76 nhóm kỹ năng quan trọng, bao gồm quản lý rủi ro thiên tai, ứng phó nhân đạo, bảo vệ và ổn định. RedR Australia đã được thành lập vào năm 1992 bởi kỹ sư Jeff Dobel, người đã kêu gọi các đồng nghiệp áp dụng các kỹ năng của họ vào công tác cứu trợ thiên tai. Tâm nhìn của ông Dobel — là điều động các kỹ sư để hỗ trợ những cộng đồng bị ảnh hưởng bởi thiên tai trong các cuộc khủng hoảng quốc tế — đã được thực hiện với sự hỗ trợ từ bốn cơ quan sáng lập: Engineers Australia, Institute of Public Works Engineering Australasia, Consult Australia và Professionals Australia. RedR Australia dựa vào các khoản quyên góp của công chúng và sự hỗ trợ từ các cơ quan sáng lập, các đối tác doanh nghiệp và các nhà tài trợ là cơ quan chính phủ.



BÀI HỌC KINH NGHIỆM

RedR Úc đã thuê một nhóm giám sát và đánh giá để cải thiện việc học hỏi trong thời gian thực của chúng tôi về sự cố mà đã trở thành một cuộc khủng hoảng nhân đạo chưa từng có, đại dịch COVID-19. Đây là những điều chúng tôi đã học được cho đến nay.

- **Không làm gì không phải là một lựa chọn.** Chúng tôi đã đưa ra một quyết định chiến lược ngay từ đầu — miễn là không có sự thỏa hiệp nào đối với sự an toàn của những nhân viên mà chúng tôi điều động, chúng tôi sẽ làm tất cả những gì có thể để giữ họ ở nơi công tác nếu họ quyết định ở lại. Chỉ những người chọn về nhà, phải chịu mức rủi ro cao hơn hoặc cơ quan chủ quản đã cho họ ngừng làm việc thì chúng tôi mới đưa về nước.
- **Đầu tư vào các quan hệ đối tác của chúng tôi và ứng phó bằng sự đồng lòng nhất trí về nỗ lực và tinh thần là việc quan trọng.** Những mối quan hệ đối tác này được thắt chặt bởi lòng tin được hình thành giữa nhân viên của chúng tôi và các cộng đồng cũng như những nhà lãnh đạo mà họ làm việc cùng. Lời hứa của chúng tôi là sát cánh cùng nhau để đối mặt với thách thức nhân đạo có phạm vi toàn cầu này. Không có quốc gia nào miễn nhiệm.
- **Quy tắc đầu tiên trong sơ cứu là đảm bảo sự an toàn của chính bạn.** Với bản thân chúng tôi, chúng tôi đã ứng phó với cuộc khủng hoảng quốc tế vào thời điểm mà cộng đồng của chính chúng tôi cũng đang vật lộn với sự lo âu, sợ hãi và bất an. Chúng tôi đã khởi động một nhóm phụ trách việc đảm bảo rằng các văn phòng và nhân viên ở trụ sở chính tại Melbourne cũng như văn phòng khu vực ở Fiji và Jordan của mình được an toàn, an ninh và có nguồn lực phù hợp để làm việc từ xa và theo những cách mới.
- **Trong thời kỳ khủng hoảng, việc trao đổi thông tin một cách nhân văn và chính xác thúc đẩy một mục đích chung và tập hợp các nguồn lực hướng tới các mục tiêu của tổ chức.** May mắn thay, sự hiện diện trên toàn cầu và một vấn đề về thuê bất động sản đã giúp nhân viên của chúng tôi có kinh nghiệm làm việc từ xa trong thời gian gần đây. Chúng tôi đã thiết lập các cơ chế để hỏi thăm nhân viên và cán bộ được điều động qua điện thoại, email và video. Chúng tôi thừa nhận rằng sự đa dạng trong đội ngũ nhân viên của chúng tôi đồng nghĩa với việc nhu cầu của họ cũng sẽ đa dạng. Vào cuối tháng 3 năm 2020, tất cả nhân viên và nhiều cán bộ được điều động của chúng tôi đã làm việc tại nhà và vẫn tương tác với các nhà tài trợ và điều hành công tác ứng phó.
- **Cam kết của chúng tôi đối với việc tăng cường mức độ địa phương hóa đã có tiến triển.** Chúng tôi tập trung vào việc củng cố các năng lực hệ thống về mặt hoạt động và mặt tổ chức ở khu vực Thái Bình Dương, tìm hiểu những cách thức để đem đến khả năng chuẩn bị cũng như hoạt động đào tạo cho tình huống khẩn cấp ở khu vực được địa phương hóa đồng thời thắt chặt các quan hệ với đối tác quốc tế của RedR — bao gồm một chương trình và điều động cán bộ chung với RedR Indonesia và RedR India.
- **Điều tối quan trọng là các cộng đồng có thể dẫn dắt các biện pháp ứng phó của chính mình trong việc quản lý thảm họa và lời kêu gọi giúp đỡ của họ được đáp ứng.** Quá trình phục hồi của Vanuatu sau Lốc xoáy Pam đã cho phép đất nước này xây dựng các hệ thống chuẩn bị và ứng phó mạnh mẽ hơn và cấu trúc mà đã được chứng minh là cần thiết cho việc ứng phó với đại dịch COVID-19 và Lốc xoáy nhiệt đới Harold.

CUỘC KHỦNG HOẢNG ROHINGYA: PHỐI HỢP VÀ TIẾP CẬN

Ước tính có khoảng 1 triệu người dân tộc Rohingya đã chạy khỏi Miến Điện hiện đang sống trong trại tị nạn lớn nhất thế giới ở Cox's Bazar, Bangladesh, với khoảng 60.000 đến 90.000 người trên một kilomet vuông. Giảm cách xã hội trong đại dịch là việc không thể thực hiện được. Quá đông đúc, điều kiện vệ sinh hạn chế và hệ thống y tế quá tải đã đem đến nhiều khó khăn cho công tác chuẩn bị cho trường hợp bùng phát dịch COVID-19. Người tị nạn Rohingya đầu tiên có kết quả xét nghiệm dương tính với COVID-19 vào ngày 14 tháng 5 năm 2020 và ca tử vong đầu tiên đã được báo cáo vào ngày 30 tháng 5 năm 2020. Mặc dù trại tị nạn đã đốc sức chuẩn bị cho một cuộc khủng hoảng y tế mà sẽ làm trầm trọng thêm cuộc khủng hoảng nhân đạo vốn đã kéo dài, tổng số ca nhiễm bệnh được báo cáo trong số những người tị nạn vẫn tương đối thấp cho đến tháng 10 năm 2020. Tuy nhiên, tỷ lệ xét nghiệm thấp hơn có thể là một lời giải thích.

RedR Australia đã điều động 52 chuyên gia nhân đạo để hỗ trợ cuộc khủng hoảng người tị nạn kể từ năm 2017. Việc phối hợp và hợp tác giữa nhiều ngành và nhiều đối tác vẫn là yếu tố sống còn để đạt được thành công. Nhân viên của RedR Australia đã nhanh chóng chuyển hướng sự tập trung vào công tác chuẩn bị và ứng phó với COVID-19 tại Cox's Bazar.

So với bối cảnh của khu vực Thái Bình Dương, nơi các biện pháp kiểm soát dân sự vẫn được áp dụng và hỗ trợ cho hành lang nhân đạo, việc tăng cường sự giám sát của quân đội đối với việc di chuyển hàng hóa ở Miến Điện đang gây ảnh hưởng đáng kể đến khả năng tiếp cận sự hỗ trợ nhân đạo thiết yếu và các chuỗi cung ứng. Điều này có thể đã làm tăng các nguy cơ mắc COVID-19 và khiến người dân phải bỏ mạng. Đội ngũ lãnh đạo dân sự và chính trị — và mối quan hệ giữa các dịch vụ an ninh và pháp luật và bảo vệ công lý — vẫn là yếu tố quyết định trong việc tạo điều kiện hoặc ngăn cản hoạt động cứu trợ nhân đạo.

RedR Australia tập trung vào những tác động mà tổ chức có thể tạo ra bất chấp những thách thức, bao gồm:

- Kỹ sư thủy lực của chúng tôi làm việc với Cơ quan Người tị nạn của Liên Hợp Quốc (U.N.Refugee Agency) ở Bangladesh đã chuyển công việc của ông ấy từ mô hình lũ lụt gió mùa ở Cox's Bazar sang chuyển đổi mục đích sử dụng của các cơ sở hạ tầng trong trại cho việc cách ly và kiểm dịch COVID-19.

- Điều phối viên UNFPA-Miền Điện về Phòng chống Bóc lột và Lạm dụng Tình dục của chúng tôi đã giúp truyền tải thông điệp về phòng ngừa trong các trung tâm kiểm dịch, bao gồm cả phương thức điện tử.
- Cố vấn về tiếp cận các vấn đề nhân đạo của chúng tôi cùng với Văn phòng Điều phối các Vấn đề Nhân đạo của Liên Hợp Quốc (Office for the Coordination of Humanitarian Affairs - OCHA)-Miền Điện đã giúp thiết lập các hoạt động, đánh giá nhu cầu và di chuyển các nguồn cung nhân đạo, nhân sự và dịch vụ đến các nhóm dân bị ảnh hưởng.
- Cố vấn Chương trình Lương thực Thế giới (World Food Programme - WFP) - Bảo vệ và Trách nhiệm Giải trình với Dân số bị Ảnh hưởng của Miền Điện (Burma Protection and Accountability to Affected Populations) của chúng tôi đã cung cấp tư vấn về giới và sự bảo vệ cũng như hoạt động tập huấn có tính đến các nhu cầu thay đổi do COVID-19.

CUỘC KHỦNG HOẢNG SYRIA: TIẾP CẬN VÀ BẢO VỆ

Cuộc khủng hoảng COVID-19 đánh dấu năm thứ chín của cuộc xung đột Syria. Hơn 13,2 triệu người cần được hỗ trợ nhân đạo, trong đó có 6,2 triệu người bị mất nơi ở trong nước và 5 triệu người có những nhu cầu cấp bách. Đảm bảo ý chí chính trị và khả năng điều phối hành động nhân đạo từ lâu đã là một thách thức của cuộc khủng hoảng Syria và COVID-19 còn gây ảnh hưởng thêm đến tình trạng đó, khiến cho các tổ chức nhân đạo hầu như không thể hoạt động được. Nếu không có ý chí chính trị, sự chỉ đạo mạnh mẽ từ địa phương và sự phối hợp đa phương chặt chẽ, cuộc khủng hoảng nhân đạo sẽ sâu sắc hơn, càng làm suy yếu cả sự ổn định trong khu vực lẫn quá trình phục hồi kinh tế và xã hội.

Số người bị nhiễm COVID-19 (bao gồm người tị nạn Syria và những người bị mất nơi ở trong nước) ở Iraq, Lebanon, Syria và Thổ Nhĩ Kỳ có nhiều khả năng vượt quá con số được báo cáo chính thức, vì công tác truy vết tiếp xúc và xét nghiệm đều bị hạn chế. Nếu một đợt bùng phát COVID-19 xảy ra, nó có thể gây hậu quả khủng khiếp không chỉ cho người tị nạn Syria mà còn cho các hệ thống và dịch vụ y tế vốn đã bị suy yếu nghiêm trọng. Như thường lệ, nguy cơ đối với phụ nữ, trẻ em gái và người cao tuổi là đặc biệt cấp bách.

Hiểu được điều này, RedR Australia ưu tiên những người có kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp để tìm các giải pháp tức thời cho những thách thức do COVID-19 gây ra, bao gồm:

- Cán bộ điều phối dân sự-quân sự của chúng tôi ở OCHA-Toàn bộ Syria đóng vai trò là cầu nối giữa LHQ và tất cả các bên liên quan cần thiết để tiến hành bảo vệ những cơ sở vật chất và việc di chuyển nhân đạo đóng vai trò then chốt. Điều này giúp duy trì tính toàn vẹn của các chuỗi cung ứng nhân đạo đến Đông Bắc Syria và hỗ trợ việc thực hiện Kế hoạch Ứng phó Nhân đạo Toàn cầu với COVID-19. Điều này bao gồm việc đảm bảo một hành lang sơ tán y tế cho nhân viên làm công tác nhân đạo từ đông bắc Syria đến Erbil, Iraq, khi cần thiết.



Ông Neil Doherty, bên trái, một kỹ sư thủy lực của RedR Australia, ăn mừng việc cung cấp oxy cho một bệnh viện đã được sửa sang để làm một trung tâm cách ly và điều trị cho bệnh nhân COVID-19 tại Cox's Bazar, Bangladesh. REDR AUSTRALIA

- Cố vấn về giới ở WFP-Jordan của chúng tôi hỗ trợ các chương trình đào tạo, phát triển mạng lưới bền vững và lồng ghép nhận thức cao hơn về giới vào các chương trình để ngăn chặn lạm dụng, bóc lột và quấy rối tình dục, điều này đặc biệt quan trọng vào thời điểm bạo lực trên cơ sở giới đang gia tăng.
- Cán bộ về nhà tạm trú ở Cao ủy Liên Hợp Quốc về Người tị nạn-Thổ Nhĩ Kỳ đã cập nhật việc lập kế hoạch cho cơ sở để đảm bảo rằng cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu của những người bị mất chỗ ở trong nước và có khả năng bị ảnh hưởng bởi COVID-19, bao gồm cả người già và người khuyết tật. Cán bộ này cũng đã chỉ đạo và hỗ trợ nhiều hoạt động đào tạo quy hoạch mặt bằng và thiết kế đô thị đa dạng, tập trung vào các nhân tố ở địa phương.

HỌC HỎI VÀ HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

Những thách thức và cơ hội có một không hai mà đại dịch COVID-19 mang lại tiếp tục bộc lộ. Cuộc khủng hoảng toàn cầu này buộc RedR Australia phải nhanh chóng và quyết liệt tiến lên trên hai con đường song song: để đảm bảo sức khỏe và hạnh phúc của nhân viên của chúng tôi trên toàn thế giới đồng thời duy trì cam kết với các đối tác, và nói rộng ra, các nguyên tắc về nhân đạo, sự trung lập, vô tư và độc lập.

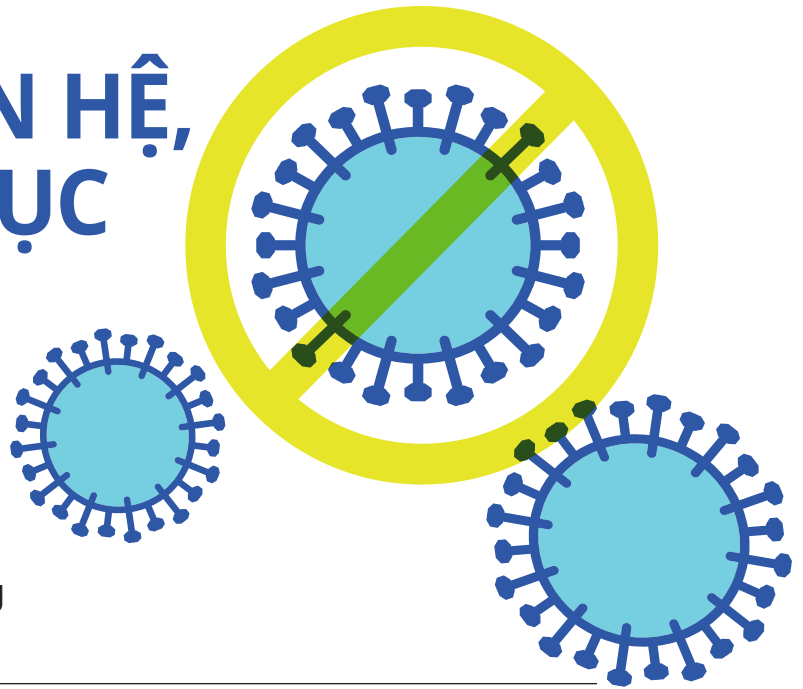
Theo nhiều cách, cuộc khủng hoảng này đã khẳng định giá trị của những nỗ lực mà chúng tôi đã làm trong những năm gần đây nhằm bố trí sẵn sự hỗ trợ cho cộng đồng trong công tác chuẩn bị ứng phó với thảm họa. Cuộc khủng hoảng cũng đẩy nhanh quyết tâm của chúng tôi nhằm thúc đẩy quá trình cải cách công tác nhân đạo thông qua việc tìm kiếm các giải pháp địa phương cho các vấn đề địa phương trong các thảm họa. Chúng tôi rất phần khởi trước những thành công của mình đồng thời ghi nhận phần việc còn phải làm ở phía trước. Nhưng dù thế nào, chúng tôi đều đang học hỏi. □

Bà Kirsten Sayers là Giám đốc điều hành của RedR Australia. Một phiên bản của bài viết này được xuất bản lần đầu trên tạp chí *Liaison*, một tạp chí ấn hành hai lần một năm về quản lý thiên tai và cộng tác trong cứu trợ nhân đạo do Trung tâm vì sự Xuất sắc trong Quản lý Thiên tai & Hỗ trợ Nhân đạo biên soạn. Bài đã được biên tập để phù hợp với hình thức của FORUM.

CÁC MỐI QUAN HỆ, KHẢ NĂNG PHỤC HỒI VÀ CÔNG TÁC ỨNG PHÓ

**Quan hệ đối tác giữa các Cơ quan
Chính phủ Hoa Kỳ và Các Tổ chức
Viện trợ ở Khu vực Ấn Độ Dương-
Thái Bình Dương Chuyển sang Ứng
phó Vi-rút Corona**

NHÂN VIÊN CỦA DIỄN ĐÀN



Giữa những tổn thất khủng khiếp về mạng sống và sinh kế, đại dịch vi-rút corona cũng đã bộc lộ một thể mạnh. Nó làm nổi bật sức mạnh và khả năng phục hồi của các cộng đồng mà tận dụng sự kết nối của họ và vun đắp các mối quan hệ đa dạng.

Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID), chương trình Nhân đạo, Thảm họa và Cứu trợ Dân sự Nước ngoài (OHDACA) của Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ, và Bộ Tư lệnh khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương của Hoa Kỳ (USINDOPACOM) minh chứng cho điều này. Các mối quan hệ đối tác giữa những cơ quan đó với các quốc gia và tổ chức ở khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương đã tạo điều kiện cho một sự chuyển hướng gần như suôn sẻ nhằm đáp ứng các thách thức trong khu vực và ứng phó với đại dịch vi-rút corona.

Các đại diện của chính phủ Hoa Kỳ cho rằng sự thay đổi nhanh chóng về trọng tâm và nguồn lực có được là nhờ sự hiện diện lâu dài của họ trong khu vực và các cuộc tập trận ứng phó với thiên tai cũng như việc trao đổi với các quốc gia đối tác mà đã tồn tại nhiều năm. Một mức độ tin tưởng và thấu hiểu về cách thức giao tiếp của mỗi hợp phần đã được thiết lập, giúp các nước sở tại dễ dàng hơn trong việc yêu cầu sự hỗ trợ từ USAID, OHDACA và USINDOPACOM.

Bà Paige Miller, Phó cố vấn phát triển của USAID cho USINDOPACOM, nói với *DIỄN ĐÀN*: “Chúng tôi phối hợp với các quan chức của quốc gia đối tác và các nỗ lực ứng phó với vi-rút corona của USAID dựa trên sự đầu tư vào viện trợ cho y tế và nhân đạo mà có thể cứu mạng người đã tồn tại qua nhiều thập kỷ”. Bà Miller phối hợp với Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ (DOD), làm việc chặt chẽ với các điều phối viên quân sự dân sự của USAID trong khu vực, để đồng bộ hóa và thúc đẩy các mục tiêu chung nhằm đáp ứng nhiều yêu cầu của quốc gia đối tác muốn được hỗ trợ.

Vào tháng 2 năm 2020, khi vi-rút corona lan rộng, USAID đã tiến hành phân tích các quốc gia trên toàn thế giới để quyết định quốc gia nào có nguy cơ cao nhất và

bắt đầu tìm kiếm nguồn quỹ để cung cấp sự hỗ trợ. “Sau một thời gian, chúng tôi nhận ra rằng tất cả các quốc gia sẽ bị ảnh hưởng bởi đại dịch này”, bà Miller nói. Sự phối hợp với các hợp phần Quân đội Hoa Kỳ ở Thái Bình Dương (USARPAC) và Bộ Chỉ huy Chiến dịch Đặc biệt ở Thái Bình Dương (SOCPAC) của USINDOPACOM đã giúp USAID tăng cường nhiệm vụ của mình và mở rộng năng lực ứng phó với vi-rút.

“Thông qua các điều phối viên quân sự dân sự của USAID trong khu vực, USAID đã có một mối quan hệ tự nhiên và hiệu quả với các nhóm của USARPAC và SOCPAC. Mối quan hệ này được xây dựng dựa trên lòng tin và việc trao đổi thông tin cởi mở,” bà Miller cho biết. “Mối quan hệ này tạo điều kiện cho việc xác định nhanh chóng các nhu cầu ưu tiên cũng như thiết kế và thực hiện triệt để các dự án do OHDACA tài trợ. Các dự án này đáp ứng những nhu cầu then chốt mà nguồn quỹ của USAID không thể đáp ứng được.”

CÔNG TÁC ĐIỀU PHỐI VÀ PHÂN PHỐI VIỆN TRỢ ĐƯỢC NÂNG CAO

Sự tham gia hiệu quả giữa các cơ quan chính phủ của Hoa Kỳ cho phép họ gia tăng nỗ lực của nhau trong việc phân phối viện trợ trong đại dịch vi-rút corona. Đó là một nỗ lực có tính hợp tác mà cũng bao gồm các nhóm thuộc đại sứ quán tại các quốc gia, các nhân viên hợp tác về an ninh tại đại sứ quán và các quan chức của nước sở tại.

USAID vẫn tiếp tục cam kết với việc hỗ trợ các quốc gia dễ bị tổn thương nhất thế giới, bao gồm 28 quốc gia trong khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương với các nguồn quỹ hỗ trợ y tế, nhân đạo và kinh tế trị giá hơn 145 triệu đô la Mỹ cộng với hơn 2.000 máy thở.

SOCPAC, thông qua các Thành phần Hỗ trợ Dân sự Quân sự (CMSEs) tại Bangladesh, Miến Điện, Indonesia, Maldives, Mông Cổ, Nepal, Philippines, Sri Lanka và

Thái Lan, đã làm việc chặt chẽ với các đối tác USAID và DOD để xác định nhu cầu và nhanh chóng đáp ứng bằng các thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) được mua trong khu vực, các bộ xét nghiệm chẩn đoán nhanh, vật tư y tế và các trạm rửa tay.

USARPAC đã triển khai các dự án OHDACA tại Bangladesh, Lào, Mông Cổ, Nepal, Papua New Guinea và Đông Timor để cung cấp PPE, trạm rửa tay, vật tư y tế, sản phẩm vệ sinh, máy phát điện, nhà vệ sinh di động và các thông báo nhằm nâng cao hiểu biết cho người dân. Tại Đông Timor, USARPAC cũng đang thực hiện các dự án OHDACA trị giá 1,29 triệu đô la Mỹ, bao gồm dự án OHDACA duy nhất hỗ trợ các nỗ lực truyền thông về nguy cơ thông qua sáu bảng quảng cáo và tám thông báo để phục vụ công chúng trên truyền hình. Những nỗ lực này tương trợ cho những nỗ lực truyền thông về nguy cơ của USAID.

Bà Miller ghi nhận, “Chúng tôi kết hợp với các quan chức của quốc gia đối tác để xác định nhu cầu và phối hợp các nỗ lực ứng phó”. Bà đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tuân theo sự chỉ đạo của quốc gia đối tác trong các nỗ lực ứng phó.

‘Ở THỜI ĐIỂM NÀY CHÚNG TÔI KHÔNG HOẠT ĐỘNG NHƯ BÌNH THƯỜNG’

Việc thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội đòi hỏi các cơ quan chính phủ của Hoa Kỳ phải sắp xếp lại cách thức hoạt động trong khu vực trong thời gian ngắn hạn và dài hạn.

Trung tá Mark Mudrinich, trưởng nhóm tại USARPAC Oceania, nói với *DIỄN ĐÀN*: “Ở thời điểm này chúng tôi không hoạt động như bình thường”. “Chúng tôi đang tìm kiếm những cách thức sáng tạo để tiến hành các hoạt động đào tạo. Rất nhiều hoạt động hợp tác mà USARPAC sẽ thực hiện trong tương lai hầu như được tạo ra trên không gian mạng. Chúng tôi đang tiếp tục hỗ trợ các dự án và làm việc chặt chẽ với USAID. Chúng tôi đảm bảo rằng chúng tôi hết sức thận trọng với các đối tác và đồng minh của mình.”

Việc này bao gồm thời gian cách ly để đảm bảo các binh sĩ Hoa Kỳ được điều động đến khu vực không bị nhiễm vi-rút trước khi làm việc với người dân địa phương.

Trung tá Jason Hanson, giám đốc chi nhánh về các vấn đề dân sự tại SOCPAC, đã chia sẻ với *FORUM*: “Sau khi COVID xảy ra, nó đã hạn chế khả năng làm việc của chúng tôi với tất cả đối tác của quốc gia sở tại”. “Những hoạt động trao đổi tập trận và trao đổi đào tạo thường diễn ra đã phải ngừng lại. Điều đó đã gây khó khăn cho chúng tôi trong việc hợp tác với các đối tác của mình.”

Trong rất nhiều tình huống, các nhà cung cấp lực lượng và các quân đội có thể gặp khó khăn khi muốn duy trì tính liên tục không bị đứt quãng ở quốc gia mà họ công tác, ông Hanson cho hay. Đó là lý do sự có mặt của các CMSE ở cấp cơ sở là rất quan trọng, ông nói, cũng như việc đảm bảo rằng những vị trí đó không bị bỏ trống khi việc luân chuyển định kỳ xảy ra giữa đại dịch.

“Nếu những vị trí đó bị trống, nguy cơ xảy ra tình trạng thụ động sẽ ở mức cao và sẽ gây ra lo ngại,” ông Hanson chia sẻ.

Các binh sĩ Hoa Kỳ sẽ gặp khó khăn khi được điều động đến một quốc gia chủ quản và cố gắng thiết lập một mối quan hệ đã tạm thời bị cắt đứt. “Nhưng vì chúng tôi có sự luân phiên liên mạch ở đó, nên mối quan hệ đối tác được chăm chút,” ông Hanson nói.

Binh sĩ và nhân viên của Hoa Kỳ tiến hành các cuộc thăm hỏi trực tuyến mỗi ngày hoặc mỗi tuần vì các cuộc họp trực tiếp đã bị hạn chế.



Binh sĩ của Không quân Philippines và các thành viên của Nhóm Tăng cường của Bộ Tư lệnh khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương Hoa Kỳ dỡ hàng tiếp tế cứu trợ vi-rút corona tại Bệnh viện cấp Khu vực Jose B. Lingad Memorial ở Philippines. BỘ CHỈ HUY TẠI KHU VỰC ẤN ĐỘ DƯƠNG-THÁI BÌNH DƯƠNG CỦA HOA KỲ

“Chúng tôi phối hợp với các quan chức của quốc gia đối tác và các nỗ lực ứng phó với vi-rút corona của USAID dựa trên sự đầu tư vào viện trợ cho y tế và nhân đạo mà có thể cứu mạng người đã tồn tại qua nhiều thập kỷ”.

~ Paige Miller, phó cố vấn phát triển USAID cho USINDOPACOM

“Họ biết gương mặt của CMSE có thể thay đổi, nhưng họ biết rằng sẽ luôn có sự hiện diện của CMSE ở đó,” ông Hanson cho biết. “Điều này củng cố thông điệp không chỉ tới đội ngũ của chúng tôi ở quốc gia sở tại, mà còn tới quốc gia đối tác rằng sự hợp tác sẽ luôn được duy trì, và mối quan hệ sẽ luôn tiếp tục được củng cố miễn là chúng tôi có cơ hội được tiếp tục làm việc với quốc gia đối tác của mình.”

Để ngăn ngừa các khoảng trống trong những mối quan hệ đó, các nhóm luân phiên kéo dài thời gian công tác ở nước chủ quản thêm từ hai đến ba tháng vì các hạn chế đối với việc nhận người thay thế.

“Thay vì cho nhân viên về nước và tạo ra khoảng trống, điều rủi ro lớn nhất đối với chúng tôi, chúng tôi muốn kéo dài thời gian của đội ngũ đã ở sẵn tại quốc gia đó,” ông Hanson nói. “Chúng tôi đã nhìn nhận được tầm quan trọng của việc duy trì mối quan hệ.”

USAID đã di tản ít nhất 50% nhân viên dịch vụ nước ngoài trong khu vực này do vi-rút corona, và “việc đó đã và đang là một thách thức”, ông Miller cho biết. Tuy nhiên, nhờ vào sự có mặt ổn định hơn của các đại diện USAID trong khu vực — cũng

Người thân trong gia đình thảo luận về các xét nghiệm COVID-19 sắp tới của họ với một bác sĩ tại Trường Y và Bệnh viện Mugda ở Dhaka, Bangladesh. Hoa Kỳ đang hỗ trợ các nỗ lực của Bangladesh trong việc chống lại COVID-19.

REUTERS



như quan hệ đối tác mạnh mẽ với các tổ chức phi chính phủ vẫn còn ở trong nước — nên USAID đã duy trì được tính hiệu quả ở mức độ cao bất chấp sự thay đổi trong số lượng nhân viên.

HÀNH TRÌNH ĐẾN SỰ TỰ LỰC

Ông Mudrinich đã chia sẻ rằng khi nói đến các thảm họa ở Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương thì, “vấn đề không phải là liệu có xảy ra hay không, mà là khi nào sẽ xảy ra.” Tư duy đó đã hỗ trợ khả năng phục hồi của khu vực trong việc đối mặt với những thách thức do vi-rút corona gây ra. Chính tinh thần kiên cường đó cũng sẽ hỗ trợ cho các nỗ lực phục hồi về lâu về dài.

Các quan chức Hoa Kỳ đã bắt đầu chuyển đổi cứu trợ đại dịch sang phục hồi. Sau này, họ sẽ chuyển đổi toàn bộ quyền kiểm soát đối với lộ trình tiến lên phía trước cho nước sở tại.

“USAID đang nỗ lực để đạt được những kết quả tốt hơn về phát triển để một ngày nào đó, viện trợ nước ngoài sẽ không còn cần thiết nữa. Đây được gọi là hành trình đến sự tự lực”, ông Miller giải thích. Là những đối tác trong hành trình này, USAID và chính phủ nước sở tại làm việc để tăng cường khả năng của đất nước đó trong việc lập kế hoạch, cấp vốn và thực thi các giải pháp để vượt qua những thách thức. Ngay cả trong đại dịch, điều này vẫn quan trọng hơn bao giờ hết.

USAID, OHDACA và USINDOPACOM đã đặc biệt chú ý đến việc thúc đẩy hòa bình, an ninh và bình đẳng giới trong quá trình ứng phó với vi-rút corona. Ví dụ, ở Đông Timor, các cơ quan của Hoa Kỳ đã tài trợ cho thiết bị bảo hộ cá nhân sản xuất bởi các doanh nghiệp địa phương do phụ nữ sở hữu. Theo ông Miller và ông Mudrinich, việc tìm kiếm các bên nhận tài trợ ở nông thôn cũng đã bơm tiền vào nền kinh tế và cung cấp cho phụ nữ các kỹ năng có thể chuyển đổi.

Nhóm Tiếp cận Quân sự-Dân sự J91 (Mil-Civ Outreach) OHDACA của USINDOPACOM đã điều phối, cung cấp nhân sự và phê duyệt 165 đề cử dự án trị giá hơn 12 triệu đô la Mỹ với USAID, các nhóm công tác của Hoa Kỳ tại các quốc gia, các cán bộ hợp tác an ninh (SCO), USARPAC, SOCPAC, Cơ quan Hợp tác An ninh Quốc phòng (DSCA) và Văn phòng Phó Trợ lý Bộ trưởng Quốc phòng về Ổn định và Hỗ trợ Nhân đạo để hỗ trợ các nỗ lực của quốc gia đối tác nhằm giảm thiểu và ứng phó với ảnh hưởng của COVID-19. Binh sĩ của quân đội Hoa Kỳ tại các quốc gia, bao gồm các nhóm phụ trách vấn đề dân sự và SCO, đặt chỉ tiêu riêng cho các dự án này bằng cách làm việc với và thông qua các cơ quan dân sự của quốc gia đối tác để thực hiện các dự án có tác động cao với chi phí tương đối thấp để chống lại COVID-19 trong khu vực.

Bộ chỉ huy đồng bộ toàn bộ các giám đốc tham mưu của USINDOPACOM, bao gồm cố vấn y tế cao cấp, J44 (kỹ sư), hợp tác an ninh J55, cán bộ văn phòng trong nước J5, USAID, cán bộ công vụ, và luật sư về tư pháp quân đội cho bộ chỉ huy và tham mưu để đánh giá và đồng bộ hóa tất cả các dự án. Nhóm OHDACA cũng đã làm việc với các điều phối viên Quân sự-Dân sự USAID về các đề cử dự án từ SOCPAC, USARPAC và SCOs. Nhóm Lập kế hoạch Vấn đề Dân sự ở Khu vực J9 đã làm việc với cố vấn y tế cao



Một nhân viên y tế lấy mẫu từ một người lính Nepal để làm xét nghiệm COVID-19 ở Kathmandu, Nepal, vào tháng 7 năm 2020. THE ASSOCIATED PRESS

cấp và Nhóm Lập kế hoạch Hoạt động USINDOPACOM để xác định các quốc gia được ưu tiên trong đại dịch COVID-19, bao gồm Bangladesh, Indonesia, Philippines và Sri Lanka. Trung tâm Thảm họa Thái Bình Dương, cùng với J9 (Tiếp cận Thái Bình Dương), đã sử dụng khoa học dữ liệu lớn để xác định nên cung cấp sự hỗ trợ của DOD ở đâu.

Thiếu tá Jim Towle, quản lý chương trình OHDACA cho biết: “Nỗ lực này đã thể hiện rõ giá trị và khả năng của J9 và đội ngũ liên cơ quan trong việc đồng bộ hóa và thực hiện các ưu tiên chỉ huy từ cấp chiến thuật lên đến tận USINDOPACOM và DSCA”.

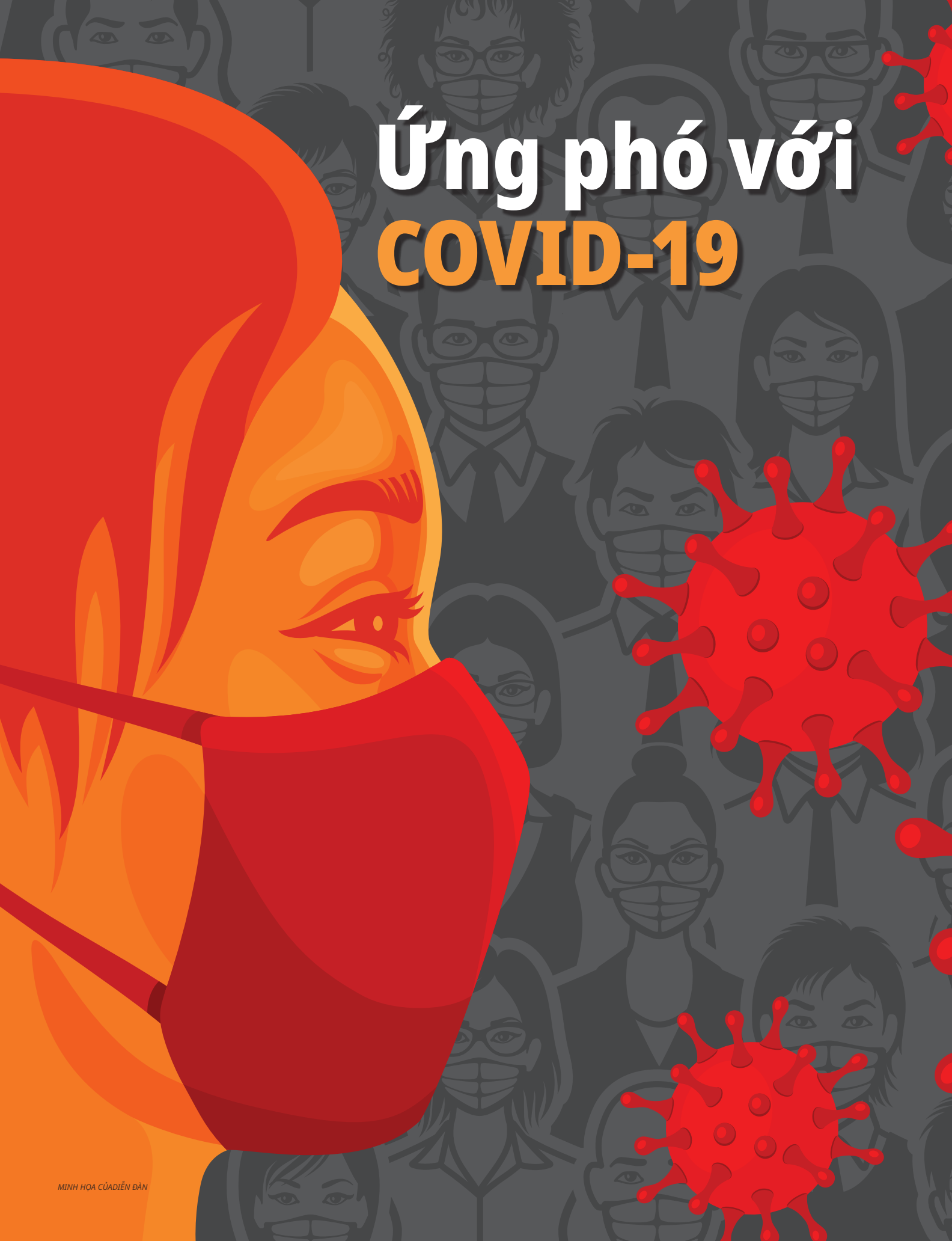
Gắn chặt với tất cả những điều này là việc truyền tải thông điệp — rằng Hoa Kỳ có mối quan tâm bất di bất dịch trong khu vực với tư cách là một đối tác lâu dài và một bên tôn trọng chủ quyền. Do đó, điều quan trọng là các gói hỗ trợ của Hoa Kỳ mang cờ của quốc gia đối tác, ông Hanson cho biết. “Nếu những khoản quyên tặng này chỉ có cờ Hoa Kỳ, tôi nghĩ rằng chúng tôi sẽ đi chệch mục đích của mình,” ông Hanson nói.

Mục tiêu ở đây, ông nói, là luôn nhấn mạnh mối quan hệ đối tác. Làm như vậy sẽ xây dựng được lòng tin của cộng đồng vào chính phủ và quân đội của mình. “Đó thực sự là cách truyền thông tốt,” ông Hanson nói. “Điều này thể hiện cho một cộng đồng rằng đất nước chúng ta đã không chỉ chăm nom cho chúng ta, mà còn có một mối quan hệ đối tác mạnh mẽ”.

Ông Hanson đã nhớ đến một trung tâm phân phối cứu trợ vi-rút corona ở Nepal. Ở đó, một phía của căn phòng có 100 hộp đựng đồ quyên tặng mang cờ Hoa Kỳ và Nepal đặt bên cạnh nhau. “Và ở phía bên kia của căn phòng, có ba hoặc bốn hộp từ Trung Quốc,” ông Hanson nói với *DIỄN ĐÀN*. “Rất nhiều người đã để ý tới điều đó ngay lập tức. Quốc gia đối tác cũng đã nhận thấy điều này.”

Ngoài việc ứng phó tức thời với đại dịch, ông Hanson đã cho rằng điều quan trọng là phải để lại tác động lâu dài. Việc cung cấp thiết bị bảo hộ cá nhân như khẩu trang dùng một lần có thể được đeo trong một ngày là một chuyện. Hoa Kỳ cũng cung cấp giường bệnh và máy thở, các vật dụng giúp nước sở tại tiến lên trên hành trình phục hồi và nhắc bên nhận nhớ đến cam kết lâu dài của chính phủ Hoa Kỳ đối với khu vực. “Chúng tôi muốn là đối tác mà họ lựa chọn”, ông Hanson chia sẻ. □

Ứng phó với COVID-19





CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHỤ NỮ, HÒA BÌNH VÀ AN NINH CUNG CẤP CÁC GIẢI PHÁP CÔNG BẰNG CHO TẤT CẢ

SĨ QUAN CHỈ HUY PHI ĐỘI JENNIFER ATKINSON/KHÔNG QUÂN HOÀNG GIA NEW ZEALAND;
PHI ĐỘI TRƯỞNG LIBBY REARDON/KHÔNG QUÂN HOÀNG GIA NEW ZEALAND;
KATE MCMORROW/BỘ QUỐC PHÒNG ÚC; VÀ
SHARON GOUVEIA FEIST/BỘ CHỈ HUY KHU VỰC ẨM ĐỘ DƯƠNG-THÁI BÌNH DƯƠNG CỦA HOA KỲ

Các cộng đồng trên khắp thế giới đã cảm nhận được tác động của COVID-19, nhưng phụ nữ là những người đã bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi các tác dụng phụ về mặt văn hóa của đại dịch. Các chính sách phong tỏa của chính phủ và những lệnh phải ở nhà đã dẫn đến một “đại dịch đi kèm” ngoài ý muốn là bạo lực nhắm vào phụ nữ và trẻ em gái. Những kỳ vọng về vai trò giới của phụ nữ với tư cách là người chăm sóc chính và người quản lý hộ gia đình đã làm trầm trọng hơn gánh nặng lao động trong gia đình vốn đã không bình đẳng. Phụ nữ thường chiếm đến 70% tổng số nhân viên chăm sóc sức khỏe tuyến đầu và, vì thế, đã phải đối mặt với nguy cơ tiếp xúc với bệnh tăng lên. Việc phụ nữ chiếm số đông trong các ngành dịch vụ và đóng vai trò là người cung cấp dịch vụ chăm sóc đặt họ vào vị thế bấp bênh, khiến họ thường là những người đầu tiên bị mất việc làm. Kiểm kê sinh nhai trong nền kinh tế phi chính thức, chẳng hạn như giúp việc gia đình, nông nghiệp và ngành dệt may, khiến phụ nữ không được hưởng các chương trình kích thích kinh tế của chính phủ. Rõ ràng là đại dịch và các biện pháp ứng phó của chính phủ có những tác động khác nhau lên phụ nữ do các vai trò giới của họ trong xã hội.

Tuy nhiên, chính những vai trò này nêu bật tầm quan trọng của sự tham gia đầy ý nghĩa của phụ nữ vào bất kỳ chiến lược phục hồi bền vững nào. Những gì chúng ta đang thấy trong cuộc khủng hoảng y tế công cộng ngày nay tái khẳng định một thực tế đã được quốc tế công nhận hơn 20 năm trước với việc thông qua Nghị quyết 1325 của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc (UNSCR) về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh (WPS) — đầu tiên, rằng xung đột và khủng hoảng có tác động không cân xứng lên phụ nữ và trẻ em gái, và thứ hai, rằng những đóng góp của họ thường không được trân trọng và sử dụng đầy đủ, càng làm tăng thêm sự bất ổn và bấp bênh.

Do quy mô và tác động gây mất ổn định của đại dịch vi-rút corona, các quốc gia trên thế giới đã đưa các lĩnh vực quốc phòng và an ninh của họ vào các nỗ lực ứng phó và phục hồi. Nhiều nước cũng đã áp dụng quan điểm về giới và các nguyên tắc WPS vào các nỗ lực của họ, chẳng hạn như Lực lượng Quốc phòng New Zealand (NZDF), Bộ Quốc phòng Úc (DOD), Lực lượng Quân sự Cộng hòa Fiji (RFMF) và Bộ Tư lệnh ở khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương của Hoa Kỳ (USINDOPACOM). Quan điểm về giới có nghĩa là sự hiểu biết về cách thức mà những khác biệt về giới ảnh hưởng đến nhu cầu trước mắt và lợi ích lâu dài của nam giới, phụ nữ, trẻ em trai và trẻ em gái trong cuộc khủng hoảng. Quan điểm này đặt ra cho quân đội những câu hỏi thích đáng và ảnh hưởng

đến cuộc sống của nhiều người trong việc hiểu rõ hơn về giới cũng như cung cấp thông tin để có một phản ứng hiệu quả: Nhu cầu và quyền lợi của ai đang được đáp ứng? Ai có cơ hội tiếp cận với các nguồn lực? Những nam giới và phụ nữ nào bị ảnh hưởng?

Việc triển khai WPS trong ngành quốc phòng của mỗi quốc gia, cùng với phản ứng của mỗi quốc gia với đại dịch, phải cân nhắc đến sự phức tạp của dân số toàn cầu và nhu cầu của người dân trong chính quốc gia đó. Những tóm tắt sau đây nêu bật cách mà bốn quốc gia đang tích hợp quan điểm về giới vào những nỗ lực phòng chống COVID-19 của ngành quốc phòng, phản ánh những trải nghiệm tương tự nhưng cách tiếp cận riêng biệt trong thời gian từng quốc gia tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai WPS.

Lực lượng Quốc phòng New Zealand

Chính phủ New Zealand đã phát triển Kế hoạch Hành động Quốc gia WPS trong năm 2015, và NZDF là một đối tác chính trong việc phát triển và thực hiện kế hoạch này. NZDF được giao nhiệm vụ thực hiện tám trong số 17 đầu ra của kế hoạch, trong số đó có việc tăng số lượng nữ giới trong các lực lượng mặc quân phục cũng như triển khai và lồng ghép quan điểm giới vào đào tạo và hoạt động. NZDF có một cán bộ toàn thời gian chuyên trách về việc thực hiện WPS để giám sát công việc này, ngoài ra có một cán bộ làm việc bán thời gian để hỗ trợ cho các nỗ lực WPS ở các đảo Thái Bình Dương. Sự giám sát của họ đã đóng vai trò quyết định trong việc giảm thiểu, quản lý và ứng phó thành công với COVID-19.

Vào tháng 3 năm 2020, NZDF đã khởi động Chiến dịch Bảo vệ để điều phối công tác ứng phó nội bộ cũng như sự đóng góp cho công tác ứng phó với COVID-19 của chính phủ. Ngay từ đầu, một số lượng nhỏ các nhân viên giàu kinh nghiệm của NZDF đã được điều động để hỗ trợ trung tâm quản lý ứng phó của chính phủ, tận dụng chuyên môn về lập kế hoạch, phân tích và hậu cần của NZDF. Vòng tập huấn đầu tiên trước khi nhận nhiệm vụ cho binh sĩ bao gồm thông tin tóm tắt về các khía cạnh có sự khác biệt về giới của COVID-19, với tài liệu được lấy từ nghiên cứu quốc tế và dựa trên dữ liệu dân số của New Zealand. Bản tóm tắt ghi nhận tác động bất cân xứng mà phụ nữ phải chịu do COVID-19 và phong tỏa, sự cần thiết của việc tính đến những tác động này trong việc lập kế hoạch và tầm quan trọng của việc đưa phụ nữ vào các nhóm làm việc của NZDF.

Trong thời gian đại dịch diễn biến, nhân viên NZDF ngày càng chịu trách nhiệm lớn hơn trong việc hỗ trợ các cơ sở cách ly và kiểm dịch được quản lý (managed-isolation and quarantine facilities, MIQF). Ban đầu một khách sạn trong một thành phố đã được sử dụng làm cơ sở cách ly nhưng chẳng



Đại úy thuộc Lực lượng Không quân Hoàng gia Úc Nicole Maroske chuẩn bị thực hiện một xét nghiệm COVID-19 tại một cơ sở lấy mẫu ngay trong xe (drive-through) ở Victoria. BỘ QUỐC PHÒNG ÚC

mấy chỗ đã mở rộng ra hơn 30 cơ sở trên toàn quốc. Các MIQF là nơi ở cho nhiều công dân New Zealand khác nhau, mỗi công dân ở trong 14 ngày, phần lớn trong số này là người vừa từ nước ngoài trở về. Nhân viên NZDF đã điều phối các nỗ lực giữa chủ khách sạn và các bên cung cấp khác, bao gồm nhân viên an ninh, cảnh sát, cơ quan quản lý phúc lợi xã hội và nhân viên khách sạn. Tính đến tháng 9 năm 2020, tại bất kỳ thời điểm nào cũng luôn có hơn 250 nhân viên tiếp tục hỗ trợ công tác ứng phó với COVID-19, hầu hết trong số đó là hỗ trợ các MIQF.

Kết quả là, tóm tắt quan điểm giới đã được điều chỉnh để bao gồm các cân nhắc về giới cụ thể trong môi trường MIQF. Dựa trên các bài học rút ra từ các trại tập trung dành cho người bị mất nơi ở trong nước và thảo luận với các nhân viên hỗ trợ MIQF, bản

tóm tắt được điều chỉnh đã nhấn mạnh những phân tích có giá trị. Thứ nhất, trong nội bộ MIQF, bạo lực gia đình giữa những người thân trong gia đình, cáo buộc về xâm hại tình dục giữa các khách, khả năng xảy ra bóc lột tình dục với phụ nữ chịu rủi ro và việc sắp xếp không chú ý cho khách ở gần khách có tiền án hình sự hoặc tội phạm tình dục. Những gián đoạn đối với sức khỏe tình dục và sinh sản trong MIQF cũng được ghi nhận, nhấn mạnh đến sự cần thiết của việc cân nhắc đến phụ nữ mang thai, đặc biệt là những người cần được quản lý lâm sàng tại chỗ hoặc cần rời khỏi MIQF để sinh con.

Hơn nữa, các cân nhắc về lập kế hoạch cần tính đến cách mà phụ nữ có thể tiếp cận với các sản phẩm vệ sinh dành cho nữ giới nếu họ không thể rời khỏi MIQF. Bản tóm tắt được điều chỉnh cũng nhấn mạnh tới những thách thức mà các cha mẹ đơn thân (thường là phụ nữ) có khả năng phải đối mặt trong các MIQF, đặc biệt là những người có nhiều con hoặc con có nhu cầu đặc biệt. Cuối cùng, bản tóm tắt nhấn mạnh rằng các nhân viên nên tận dụng các cơ hội tương tác với những người khách ở MIQF mà có tầm ảnh hưởng trong các nhóm lớn hơn và nhờ họ truyền bá thông tin và phản hồi, đặc biệt là khi có rào cản về ngôn ngữ.

Nhân viên của NZDF đang cung cấp các phản hồi có giá trị về tác động phân chia theo giới của trải nghiệm ở trong MIQF. Thông tin này đang tiếp tục nâng cao chất lượng của MIQF và chuẩn bị tốt hơn cho đợt luân chuyển nhân sự tiếp theo.

Lực lượng Quân đội Cộng hòa Fiji (Republic of Fiji Military Forces, RFMF)

Việc triển khai WPS trong RFMF bao gồm xây dựng chính sách và hoạt động đào tạo, bao gồm đào tạo để nâng cao nhận thức về giới trên toàn cơ sở và khóa học có sự hướng dẫn về

giới từ nhiều cơ quan cho các nhân viên chính phủ và quân đội Fiji. Một ủy ban WPS đã được thành lập để làm việc cùng với các đối tác pháp lý nhằm điều chỉnh các chính sách tác động không cân xứng đến phụ nữ và đảm bảo các cơ chế hỗ trợ được áp dụng.

Trong khi COVID-19 đe dọa sức khỏe về thể chất và tinh thần của người dân Fiji, một nhóm RFMF đã được thành lập để hỗ trợ việc ứng phó. Sự hỗ trợ này bao gồm thiết lập các kế hoạch dự phòng, hỗ trợ thực thi kiểm dịch và thông báo cho các bộ trưởng phụ trách về cơ sở hạ tầng, y tế và quốc phòng. Ngay từ những giai đoạn đầu, một cố vấn về giới đã tham gia vào nhóm và chịu trách nhiệm làm nổi bật các khía cạnh về giới của cuộc khủng hoảng này (chẳng hạn như phân tích nhân khẩu học dân số, sự di chuyển và mức độ rủi ro) cũng như xác định các kế hoạch ứng phó nhân đạo. Do sự phức tạp của mối đe dọa, cộng thêm tình thế biến đổi khi phải ứng phó với Lốc xoáy nhiệt đới Harold vào tháng 4 năm 2020, một phương pháp tiếp cận với sự tham gia của nhiều cơ quan đã được áp dụng.

Mặc dù đến tháng 5 năm 2020 mối đe dọa COVID-19 đã giảm đáng kể, nhưng sự hợp tác giữa nhiều cơ quan vẫn tiếp tục, cả trong việc ứng phó trực tiếp với đại dịch cũng như liên quan đến sự ảnh hưởng của các biện pháp phong tỏa.

Tương tự như xu hướng chung trên toàn cầu, chính phủ Fiji đã thấy có sự gia tăng về số lượng các cuộc gọi đến đường dây nóng về bạo lực gia đình — từ 87 cuộc vào tháng 2 năm 2020 lên hơn 500 cuộc vào tháng 4 năm 2020. Cách tiếp cận với sự phối hợp của nhiều cơ quan một lần nữa được huy động thông qua một liên minh gồm các cơ quan phi chính phủ dưới sự chỉ đạo của Bộ Phụ nữ, Trẻ em và Xóa đói Giảm nghèo. Cùng với khóa đào tạo về quấy rối tình dục do Phòng trào Quyền Phụ nữ Fiji cung cấp cho Hải quân Cộng hòa Fiji và sự hỗ trợ liên tục của RFMF trong việc thực thi kiểm dịch cho Bộ Y tế, sự hợp tác giữa các cơ quan đã trở thành dấu ấn thành công của Fiji trong việc chống COVID-19 và các tác động theo giới tính của dịch bệnh.

Bộ Quốc phòng Úc

Trong năm thứ 20 của UNSCR 1325, Úc đã duy trì một nhịp độ cao trong việc triển khai chương trình WPS thông qua nhân sự và nguồn lực chuyên trách để tăng cường năng lực. Bộ Quốc phòng Úc đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong việc thực hiện chương trình WPS và lan tỏa nhận thức trong bộ theo sáu hướng nỗ lực: đảm bảo các thiết lập chiến lược được áp dụng thông qua việc tích hợp quan điểm giới vào chính sách và học thuyết; đào tạo một số lượng lớn người

Một y tá lấy mẫu của một bệnh nhân để xét nghiệm COVID-19 tại một điểm lấy mẫu ngay trong xe tại Caloundra, Úc, vào tháng 4 năm 2020. REUTERS



trong khắp tổ chức; sắp xếp nhân sự chuyên về thực hiện chương trình WPS; duy trì tư thế sẵn sàng để làm nhiệm vụ thông qua việc triển khai các cố vấn về giới cho các chiến dịch và cuộc tập trận; hỗ trợ các đối tác quốc tế thông qua các sáng kiến và chương trình xây dựng năng lực; và phát triển một khung quản trị và báo cáo chặt chẽ để đảm bảo Úc đáp ứng được các nghĩa vụ UNSCR 1325 của mình.

Từ năm 2012, DOD đã bồi đắp chuyên môn về đánh giá các tác động có sự khác biệt giới của thiên tai và xung đột. Chuyên môn này cung cấp nền tảng để Bộ đóng góp vào công tác ứng phó với đại dịch. Tác động có sự khác biệt về giới của COVID-19 đã được ghi nhận chi tiết. Theo tổ chức hỗ trợ phi lợi nhuận CARE Australia, 80% người dân Úc làm việc trong các ngành công nghiệp cung cấp các dịch vụ như chăm sóc sức khỏe, giáo dục và bán lẻ, vốn là những ngành bị ảnh hưởng nặng nề nhất. Phụ nữ phải đối mặt với sự bấp bênh lớn hơn vì họ chiếm phần lớn trong số những người lao động bán thời gian và không có hợp đồng dài hạn. Họ cũng đảm nhận các vai trò chăm sóc không được trả lương. Thêm vào đó, các chuyên gia đã báo cáo sự gia tăng trong tần suất của các vụ bạo lực đối với phụ nữ. Điều này cũng tương tự như xu hướng trên toàn cầu, với dự đoán của Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc rằng cứ ba tháng phong tỏa, sẽ có thêm 15 triệu vụ bạo lực gia đình xảy ra trên toàn thế giới. Những ngày đầu của đại dịch xảy ra sau một mùa cháy rừng thảm khốc ở Úc, càng khiến nhiều gia đình và doanh nghiệp phải căng thẳng hơn.

Tính đến tháng 8 năm 2020, hơn 3.000 binh sĩ của Lực lượng Quốc phòng Úc (Australian Defence Force - ADF) đã được điều động trong nhiều vai trò đa dạng để hỗ trợ nước này ứng phó với COVID-19. Sự hỗ trợ này bao gồm hoạt động xét nghiệm, hậu cần, truy vết tiếp xúc và quản lý việc đóng cửa biên giới. Với tương tác cộng đồng của ADF, một mạng lưới gồm các cố vấn về giới và những người chịu trách nhiệm về vấn đề giới đã được đưa vào công tác ứng phó. Một hệ thống chia theo bậc đã được thiết lập, từ các trụ sở chiến lược đến cấp đơn vị, cho phép thông tin được truyền đạt và phản hồi được chuyển lại. Một gói đào tạo và video trực tuyến, có tiêu đề *Nhận thức về Giới, Bản địa và Văn hóa* (Gender, Indigenous and Culture Awareness), đã được xây dựng cho tất cả các binh sĩ được điều động và làm việc với cộng đồng. Một danh sách kiểm tra “Thẻ Thông minh cho Người lính” dành cho các chỉ huy cùng với bản tóm tắt về gia đình và bạo lực gia đình đã được xây dựng để làm hướng dẫn cho việc tích hợp các cân nhắc về giới trong suốt quá trình lập kế hoạch và thực hiện. Bộ Quốc



Những người phụ nữ đeo khẩu trang để hạn chế sự lây lan của COVID-19 khi họ đi qua một ga tàu điện ngầm ở Seoul, Hàn Quốc. THE ASSOCIATED PRESS

phòng ở vị thế tốt để giải quyết các tác động về giới trong đại dịch cũng như đáp ứng các mối đe dọa mới xuất hiện, nhu cầu về ứng phó nhân đạo và các tình huống khủng hoảng hoặc xung đột khác thông qua phương pháp tiếp cận WPS.

Bộ chỉ huy Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Hoa Kỳ

Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ đã áp dụng WPS kể từ khi công bố Kế hoạch Hành động Quốc gia đầu tiên của Hoa Kỳ vào năm 2011. Sự ủng hộ này đã được hệ thống hóa triệt để hơn với việc thông qua Đạo luật WPS vào năm 2017, Chiến lược Hoa Kỳ vào năm 2019 và Khung Chiến lược và Kế hoạch Triển khai của Bộ vào năm 2020. USINDOPACOM đã thành lập một Văn phòng Phụ nữ, Hòa bình và An ninh bao gồm ba vị trí đóng vai trò then chốt đối với việc thực hiện WPS: cố vấn về giới cho bộ chỉ huy, nhà phát triển chương trình giảng dạy WPS và chuyên gia phân tích giới.



Dương đang phải chịu đựng hậu quả nặng nề nhất. Đại dịch đã làm trầm trọng thêm những bất bình đẳng về cơ cấu và hệ thống xã hội như thiếu cơ hội tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe, tình trạng sống đông đúc trong nhà ở có nhiều thể hệ và việc làm không chính thức và chính thức trong các ngành tuyến đầu. Tập huấn về giới và COVID-19 tập trung vào cách tiếp cận an ninh có tính đến mọi người, hiểu rằng nam giới, phụ nữ, trẻ em trai và trẻ em gái trải qua cuộc khủng hoảng về y tế công cộng này theo những cách khác nhau; những vai trò giới của họ có thể khiến họ bị tổn hại hoặc khiến họ mạo hiểm để tồn tại theo nhiều cách khác nhau; và khả năng tiếp cận của họ với các nguồn cứu trợ và nguồn lực để phục hồi có thể khác nhau.

Một khoảng cách lớn về dữ liệu giới liên quan đến COVID-19 vẫn tiếp tục trên toàn cầu, và văn phòng WPS của USINDOPACOM đã phát triển hoạt động báo cáo và phân tích nhấn mạnh đến sự cần thiết của việc phải có nhiều dữ liệu hơn để ra quyết định được hiệu quả. Điều này bao gồm các xu hướng kinh tế xã hội theo giới trong khu vực, các tác động về sức khỏe theo giới, các bài viết về tầm quan trọng của lăng kính giới trong việc lập kế hoạch, cũng như một nghiên cứu xem xét dữ liệu hiện có liên quan đến giới về COVID-19 và đưa ra các khuyến nghị chính sách.

Các Nỗ lực Phục hồi

Các nỗ lực ngắn hạn và dài hạn của chính phủ để phục hồi sau đại dịch COVID-19

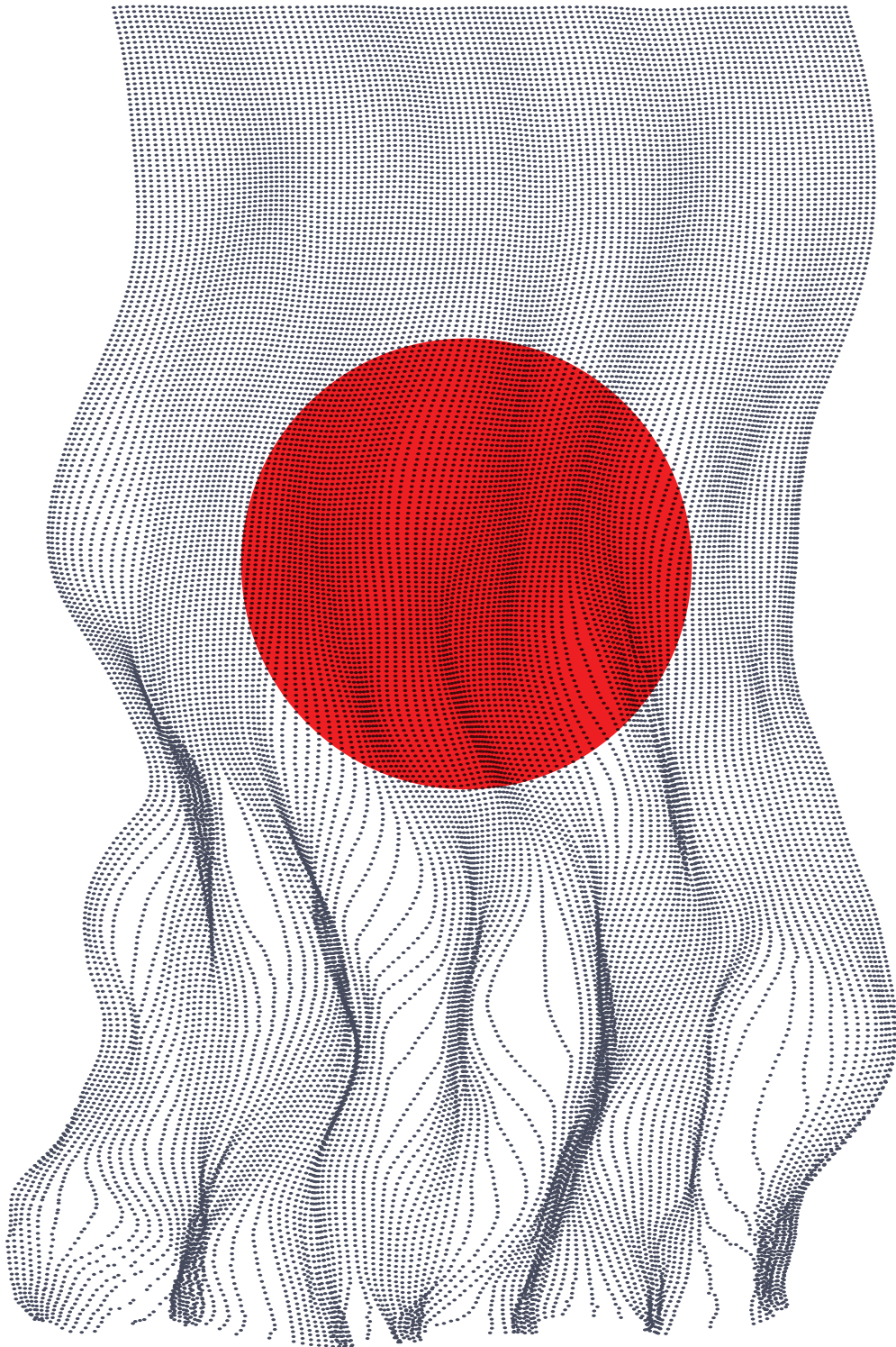
phải cân nhắc đến những khía cạnh dễ bị tổn thương riêng mà phụ nữ và trẻ em gái phải đối mặt trong cuộc khủng hoảng này và đảm bảo rằng họ được bảo vệ và có quyền tiếp cận an toàn với những sự trợ giúp của công tác cứu trợ và phục hồi. Những chiến lược phục hồi của họ phải kết hợp với quan điểm về giới. Chương trình WPS trang bị cho các ngành quốc phòng và an ninh để gắn kết tốt hơn với dân cư của họ và cung cấp các giải pháp phù hợp với tất cả mọi người. Các ngành quốc phòng cần tiếp tục xây dựng năng lực cố vấn về giới, điều này sẽ cải thiện đáng kể khả năng tương tác và phối hợp, cũng như tăng hiệu quả của nhiệm vụ.

Những tác động có khác biệt về giới của đại dịch sẽ dần lộ ra trong nhiều năm. Các ngành quốc phòng và an ninh của các quốc gia sẽ tiếp tục học hỏi và sử dụng những bài học này để đào tạo các bộ phận tương ứng; đảm bảo rằng nhu cầu của phụ nữ, nam giới, trẻ em gái và trẻ em trai được đáp ứng trong các nhiệm vụ của chúng ta; tăng cường chia sẻ thông tin về việc thực hiện WPS; và tăng cường khả năng phục hồi ở cấp quốc gia và khu vực để giải quyết một cách hiệu quả những thách thức thường khó lường, phức tạp về an ninh trong thế kỷ 21. □

Khi đại dịch toàn cầu bùng phát vào đầu năm 2020, văn phòng WPS đã xác định hai lĩnh vực chính cho việc cải thiện hoạt động lập kế hoạch và ứng phó của USINDOPACOM: thứ nhất, thông qua đào tạo về giới và COVID-19 trước khi bố trí các đơn vị Vệ binh Quốc gia Hawaii trong khi họ chuẩn bị để hỗ trợ cho công tác ứng phó của cộng đồng và thứ hai, thông qua việc thu thập dữ liệu có liên quan ở khu vực và phát triển các phân tích giới để cung cấp thông tin tốt hơn cho việc ra quyết định. USINDOPACOM cũng đã sử dụng các bài viết kỹ thuật số và video đào tạo để làm nổi bật các tác động có sự khác biệt về giới của COVID-19 đối với an ninh trong khu vực.

Đào tạo cho quân nhân trước khi triển khai phải cụ thể theo từng hoàn cảnh và phù hợp với đặc điểm nhân khẩu học của người dân, nhưng có những cân nhắc về giới ở cấp độ vĩ mô mà áp dụng cho cộng đồng địa phương, ví dụ như: sự gia tăng bạo lực gia đình trong thời gian phong tỏa, gián đoạn khả năng tiếp cận với dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và tình dục, phụ nữ chiếm phần lớn trong nhân viên y tế và tác động không cân xứng đến các cộng đồng dễ bị tổn thương khác. Ở Hawaii, cộng đồng người Hawaii bản địa và người dân trên các đảo Thái Bình

Những Thay đổi về Nhân khẩu học của Nhật Bản và Những Thách Thức An ninh Sắp tới trong Khu Vực





TIẾN SĨ ANDREW OROS

Nhật Bản là một trong những cường quốc đầu tiên trên thế giới đương đại trải qua sự suy giảm dân số. So với một thập kỷ trước, hiện nay, Nhật Bản có ít hơn khoảng 1,5 triệu người dân, một sự sụt giảm sẽ còn tăng mạnh trong những năm tới — giảm thêm khoảng 8 triệu dân vào thập niên 2020 và 10 triệu vào thập niên 2030.

Một số nhà quan sát, chẳng hạn như ông Brad Glosserman trong cuốn sách của mình *Đỉnh cao của Nhật Bản: Kết cục của những Tham vọng Lớn*, (Peak Japan: The End of Great Ambitions) lập luận rằng sự thay đổi về mặt nhân khẩu học của Nhật Bản sẽ dẫn đến một quốc gia hướng nội hơn trong những năm tới. Cho đến nay, người ta chưa thấy có những hành động gì thể hiện điều này. Nhật Bản đã trải qua thập kỷ đầu tiên của sự suy giảm dân số và tình trạng mà các nhà nhân khẩu học bây giờ gọi là “siêu lão hóa” (tức là hơn 20% dân số ở độ tuổi từ 65 trở lên) trong thập niên 2010. Nhưng như tôi đã lập luận trong *Thời kỳ Phục hưng An ninh của Nhật Bản: Chính sách Mới và Chính trị cho Thế kỷ 21*, (Japan’s Security Renaissance: New Policies and Politics for the 21st Century) các lực lượng quân đội của Nhật Bản đã phát triển năng lực đến mức cao chưa từng có trong giai đoạn này. Những cuộc thảo luận về quốc phòng gần đây ở Nhật Bản dự kiến sẽ còn tiếp tục tăng thêm năng lực, bao gồm có thể sẽ phát triển tên lửa tấn công để tăng cường khả năng ngăn chặn.

Các chuyên gia khác, bao gồm Sheila Smith, tác giả của *Hiện đại hóa Vũ khí ở Nhật Bản: Chính trị của Sức mạnh Quân sự* (Japan Rearmed: The Politics of Military Power), và nhà phân tích Jeffrey Hornung của Rand Corp. cũng đã viết các tác phẩm quan trọng nhằm mô tả quân đội ngày càng đáng gờm của Nhật Bản. Việc chuyển đổi các tàu khu trục lớp Izumo để chở được máy bay F-35 và triển khai thêm các tàu khu trục có trang bị Aegis (nâng tổng số lên tám chiếc) là hai trong số nhiều ví dụ về những năng lực mở rộng của Nhật Bản — một lần nữa, bất chấp những thách thức về nhân khẩu học mà nước này đang phải đối mặt. Xu hướng này có thể tiếp tục trong bao lâu? Các nhà hoạch định quốc phòng Nhật Bản cần xem xét câu hỏi này một cách kỹ lưỡng khi họ sửa đổi chiến lược an ninh quốc gia. Mặc dù các năng lực quân sự của Nhật Bản có thể đã được cải thiện bất chấp sự suy giảm về nhân khẩu học, nhưng quy mô quân đội của nước này dường như bị ảnh hưởng trực tiếp nhiều hơn, và triển vọng về nguồn tài trợ cho quân đội thì không được rõ ràng.

Lực lượng Tự vệ Nhật Bản (The Japan Self-Defense Forces - JSDF) đã không đạt được các chỉ tiêu tuyển mộ kể từ năm 2014. Trong năm 2018, JSDF đặt ra mục tiêu có một lực lượng thường trực là 247.000 người nhưng chỉ đạt được 227.000 người — tổng thể bị thiếu 8% nhưng người ta cho rằng con số này là

khoảng 25% trong các cấp bậc thấp hơn. Điều này không có gì đáng ngạc nhiên bởi số người Nhật trong độ tuổi từ 18 đến 26, tuổi tuyển mộ mục tiêu, đạt đỉnh vào năm 1994. Nhật Bản chưa đạt được tỷ suất sinh thay thế kể từ năm 1974.

Bộ Quốc phòng Nhật Bản đã cân nhắc đến nhiều phương cách để giải quyết sự thiếu hụt trong các lực lượng được lập kế hoạch, vấn đề mà Hướng dẫn Chương trình Quốc phòng năm 2019 mô tả là “một thách thức sắp đến”. Trong năm 2018, JSDF đã nâng độ tuổi tối đa cho các tân binh từ 26 lên 32, lần tăng đầu tiên kể từ năm 1990. Trong năm 2020, độ tuổi nghỉ hưu đối với sĩ quan cao cấp bắt đầu tăng dần. Bộ cũng đặt mục tiêu đến năm 2030 sẽ tăng tỷ lệ phụ nữ trong JSDF lên 9%. Phụ nữ chiếm 7% số binh sĩ của JSDF trong năm 2018, so với con số trung bình là 11% của các nước NATO. Các ý tưởng khác bao gồm thuê dịch vụ bên ngoài để thực hiện một số chức năng của JSDF, chẳng hạn như bảo trì và, gây tranh cãi hơn, các hoạt động cứu trợ thiên tai, và chuyển nhân sự của Lực lượng Tự vệ Trên bộ (chiếm hơn một nửa tổng lực lượng của Nhật Bản) sang Lực lượng Tự vệ Hàng hải và Hàng không.

Tuy nhiên, có một bức tranh lớn hơn cần xem xét: Nhật Bản không bị lão hóa và thu hẹp một mình. Sự thật là, tất cả các nước láng giềng của Nhật Bản — cả những nước là đối tác tiềm năng và những nước gây lo ngại về an ninh — đều phải đối mặt với một tương lai tương tự, mặc dù theo các khung thời gian khác nhau. Các nước đó bao gồm những đồng minh khác của Hoa Kỳ trong khu vực (Hàn Quốc và Thái Lan, mặc dù không gồm Philippines), các đối tác an ninh khác của Nhật Bản và Hoa Kỳ (Singapore, Đài Loan và Việt Nam) và, quan trọng là những nước gây ra lo ngại về an ninh hàng đầu (Trung Quốc, Triều Tiên và



Trung úy Misa Matsushima của Lực lượng Tự vệ Không quân Nhật Bản đã hoàn thành khóa huấn luyện ban đầu của mình để lái máy bay F-15 và được bổ nhiệm làm phi công nữ lái máy bay chiến đấu đầu tiên của nước này vào ngày 24 tháng 8 năm 2018. AFP/GETTY IMAGES

Việc chuyển đổi các tàu khu trục lớp Izumo để chở được máy bay F-35 và triển khai thêm các tàu khu trục có trang bị Aegis (nâng tổng số lên tám chiếc) là hai trong số nhiều ví dụ về những năng lực mở rộng của Nhật Bản.

Tàu sân bay trực thăng JS Izumo của Lực lượng Tự vệ Hàng hải Nhật Bản, thứ hai từ bên phải, các tàu khu trục JS Akebono và JS Murasame, cùng với tàu BRP Davao del Sur của Hải quân Philippines tham gia một cuộc tập trận ở Biển Sulu của Philippines. ASSOCIATED PRESS



Binh sĩ của Lực lượng Tự vệ Trên bộ Nhật Bản tham dự một cuộc tập trận dùng đạn thật diễn ra hàng năm tại dãy núi Higashi-Fuji ở Gotemba, phía tây nam Tokyo.

ASSOCIATED PRESS

Nga). Dân số trong độ tuổi lao động ở Trung Quốc, Hàn Quốc và Đài Loan đã và đang bị thu hẹp, với tổng dân số của các nước này được dự báo sẽ giảm trong thập kỷ này.

Trong khi đó, các đối tác an ninh tiềm năng cho Nhật Bản sẽ tăng dân số và cũng duy trì những dân số trẻ và tăng trưởng tốt. Ấn Độ và Indonesia là hai trong số 10 quốc gia đứng đầu về tăng trưởng dân số cho đến năm 2050. Không phải ngẫu nhiên, các quốc gia này — cùng Philippines có số dân đang tăng lên — nằm trong số những quốc gia mà Nhật Bản đang tìm cách thắt chặt thêm các mối quan hệ an ninh. Chỉ riêng nhân khẩu học thì không thúc đẩy Nhật Bản chậm chạp cho các mối quan hệ này; mà còn các yếu tố khác, chẳng hạn như những mối lo ngại chung về Trung Quốc, vị trí địa lý và điểm chung về quyền lợi trên biển cũng đóng vai trò quan trọng.

Các công nghệ mới cũng sẽ đóng một vai trò quan trọng trong cách thức mà Nhật Bản và các quốc gia khác xử lý những tác động của thay đổi nhân khẩu học lên những chiến lược an ninh của mình. Ngành kỹ thuật robot và các hệ thống không người lái khác, bao gồm trí tuệ nhân tạo, có thể giúp bù đắp cho sự thu hẹp dân số. Đồng thời, những công nghệ như thế đang làm thay đổi bản chất của cảnh quan an ninh trong khu vực. Như ông Christian Brose đã viết trên tạp chí *Foreign Affairs*: “Trí thông minh nhân tạo, hệ thống tự động, cảm biến được lắp đặt ở khắp nơi, kỹ thuật sản xuất tiên tiến, và khoa học lượng tử sẽ biến đổi chiến tranh ở mức triệt để cũng như các công nghệ” ở thời điểm đầu thế kỷ 20. Sự xuất hiện của các lĩnh vực an ninh mới trong không gian mạng và không gian vũ trụ tạo ra những gánh nặng mới. Chúng ta

không thể mong đợi rằng chỉ cần những công nghệ mới là đủ để giải quyết những thách thức mà các quốc gia phải đối mặt với sự thay đổi về nhân khẩu học. Những lựa chọn khó khăn còn ở phía trước.

Tóm lại, cảnh quan an ninh trong khu vực sẽ thay đổi do sự thay đổi về nhân khẩu học ở khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương trong những năm tới — và các chiến lược gia quân sự của Nhật Bản và Hoa Kỳ sẽ cần tập trung nhiều hơn vào việc chấp nhận và xử lý vấn đề này. Tác động của biến đổi về nhân khẩu học đối với an ninh quốc gia phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Những yếu tố đó bao gồm bản chất của các mối đe dọa cụ thể về an ninh mà mỗi quốc gia phải đối mặt; một số mối đe dọa có thể được giải quyết dễ dàng hơn với các lựa chọn thay thế ít tốn công sức hơn. Việc các quốc gia có sẵn các giải pháp công nghệ, và liệu các hệ thống chính trị và xã hội có sẵn sàng và có khả năng áp dụng chúng hay các lựa chọn khác hay không, cũng là một biến số lớn. Nhân khẩu học không phải là cái bất di bất dịch — nhưng khía cạnh này sẽ cần phải được tính đến nhiều hơn so với mức độ quan tâm cho đến thời điểm này, ở Nhật Bản cũng như những quốc gia khác trong khu vực. □

Tiến sĩ Andrew Oros là giáo sư khoa học chính trị và nghiên cứu quốc tế tại Đại học Washington ở Chestertown, Maryland, và là tác giả của cuốn sách *Thời kỳ Phục hưng An ninh của Nhật Bản: Chính sách Mới và Chính trị cho Thế kỷ 21* (Japan's Security Renaissance: New Policies and Politics for the 21st Century). Bài viết này được xuất bản lần đầu vào tháng 8 năm 2020 trong một ấn bản của *Bản tin Châu Á Thái Bình Dương* (Asia Pacific Bulletin), một ấn phẩm của Trung tâm Đông-Tây, và đã được biên tập để phù hợp với hình thức của *DIỄN ĐÀN*. Quan điểm của ông Oros không nhất thiết phản ánh chính sách hoặc lập trường của Trung tâm Đông-Tây hoặc bất kỳ tổ chức nào mà ông Oros làm việc.



Ông Kanjuro Kiritake, một bậc thầy múa rối Bunraku, ngồi trước bức vẽ của người cha quá cố, cũng là một nghệ sĩ rối, tại nhà của ông ở Osaka, Nhật Bản.

Nghệ nhân Nhật Bản Giữ gìn Truyền thống, Làm Rối Bunraku cho Trẻ em

CÂU CHUYỆN VÀ HÌNH ẢNH CỦA REUTERS

Bị kẹt ở nhà trong nhiều tuần trong thời gian Nhật Bản áp dụng tình trạng khẩn cấp do vi-rút corona, bậc thầy múa rối Bunraku nổi tiếng của Nhật Bản Kanjuro Kiritake đã vô cùng lo lắng.

Nghệ thuật của ông, một sân khấu múa rối truyền thống, chỉ dành cho nam giới của Nhật Bản, đã xuất hiện ở Osaka vào cuối những năm 1600, nhưng vào năm 2020 cảm thấy sự tồn tại của mình bị đe dọa, ông chia sẻ. Tất cả các buổi biểu diễn của ông đã bị hủy bỏ trong nhiều tháng.

“Có nhiều điều nảy ra trong tâm trí tôi: Khi nào đại dịch sẽ kết thúc? Khi nào các buổi biểu diễn sẽ được tiếp tục?” Ông Kanjuro, 67 tuổi, nói trong ngôi nhà của mình, nơi có một căn phòng dành riêng cho nghệ thuật múa rối. Ông cũng tự hỏi liệu người thầy 87 tuổi của mình có bao giờ được biểu diễn lần nữa hay không.

Giải pháp là dành thời gian ở nhà để làm rối cho trẻ em. Đó là một thú vui hiếm thấy của một nghệ sĩ rối Bunraku. Với ông, hoạt động này gắn liền với công việc ông đã theo đuổi qua nhiều thập kỷ. Chính phủ Nhật Bản đã phong tặng ông là một Bảo vật Sống của Quốc gia vì các buổi biểu diễn kịch rối truyền thống của ông.

Gần 30 học sinh lớp sáu đã tham gia vào các lớp học gần đây. Các bạn nhỏ tập điều khiển con rối trong một phòng tập thể dục giữa cái nóng như thiêu như đốt, trong khi ông Kanjuro mặc áo thun hướng dẫn bọn trẻ.

Trong nghệ thuật Bunraku, mỗi con rối được điều khiển bởi ba người: một nghệ sĩ rối chính và hai người khác, mặc đồ đen, che kín mặt. Nghệ sĩ chính điều khiển đầu và tay phải, còn một người điều khiển tay trái và một người khác điều khiển cả hai chân. Các buổi biểu diễn có người kể chuyện, gọi là *tayu*, và các nhạc cụ truyền thống.

Năm con rối do Kanjuro chế tác có khuôn mặt ngộ nghĩnh với những sợi tóc bằng len phủ lòa xòa. Những con rối cũng đi tất màu sắc sặc sỡ mà ông mua trên mạng.

TỪ BÀN CHÂN ĐI LÊN

Theo con đường của cha mình, ông Kanjuro đã bắt đầu sự nghiệp nghệ nhân múa rối của mình ở tuổi 14, khi trở thành học trò của Minosuke Yoshida, nghệ nhân 87 tuổi hiện là nghệ sĩ điều khiển rối cao tuổi nhất đang còn sống. Giống như những người khác, Kanjuro bắt đầu từ bàn chân của những con rối, sau đó chuyển sang bàn tay trái. Một nghệ nhân múa rối có thể mất đến hơn 30 năm thì mới được điều khiển cái đầu. Ông nói: “Đó là một vai trò vô hình và khó khăn”, ông nói về việc điều khiển chân tay. “Khán giả không biết bạn là ai và những tràng pháo tay sẽ dành cho người điều khiển chính.”

Hiểu được cách điều khiển bàn chân là vô cùng quan trọng; người biểu diễn làm việc đó chạm vào phần thắt lưng



Ông Kanjuro Kiritake dạy các bài học về kịch rối truyền thống Bunraku tại một trường tiểu học ở Osaka giữa đại dịch vi-rút corona vào tháng 8 năm 2020.

của nghệ nhân chính, cảm nhận cách anh ta di chuyển. Đó là một bài học mà Kanjuro rút ra từ người cha quá cố của mình, người mà ngay cả sau khi bệnh tật khiến ông gầy đi đã sử dụng toàn bộ cơ thể của mình để điều khiển rối trong vai trò là nghệ sĩ chính.

“Tôi học được từ cha rằng bạn sẽ phải sử dụng toàn bộ cơ thể — từ ngón chân đến đầu ngón tay — để làm cho con rối thật sống động,” ông Kanjuro nhớ lại. “Và cách một nghệ sĩ múa rối nhỏ bé và gầy gò có thể điều khiển một con rối lớn bằng cách làm điều đó”.

Ông Kanjuro là một trong những nghệ sĩ Bunraku nổi tiếng nhất Nhật Bản, nhưng ông vẫn lo lắng về việc chiêu mộ tài năng trẻ.

Nhà hát Bunraku Quốc gia ở Osaka cung cấp một chương trình đào tạo miễn phí, kéo dài hai năm. Hơn một nửa trong số 83 nghệ sĩ biểu diễn hiện nay đã tốt nghiệp từ chương trình này. Nghệ thuật này đã giảm sức hút với công chúng cả trước khi đại dịch xảy ra, và tại thời điểm tháng 9 năm 2020, chỉ có hai sinh viên đang được đào tạo.

Có lẽ, ông Kanjuro suy nghĩ, những người được thuê để mở rèm cửa hoặc bưng bê các đạo cụ sân khấu có thể đem lòng yêu Bunraku và muốn học môn này. Các buổi biểu diễn tại Tokyo được hoạt động trở lại vào tháng 9.

“Giống như sumo và rakugo là các môn có sự tham gia của người nước ngoài, một ngày nào đó chúng tôi có thể có những nghệ sĩ người nước ngoài”, ông Kanjuro nói, đề cập đến các bộ môn đấu vật và kể chuyện truyền thống của Nhật Bản. “Và việc phụ nữ tham gia cũng có thể chỉ là vấn đề thời gian”.

CHÂU PHI



Lục địa Không còn Vi-rút Bại liệt trong Tự nhiên, Nhưng Mỗi đe dọa về bệnh Bại liệt Vẫn còn

Vào tháng 8 năm 2020, các cơ quan y tế tuyên bố lục địa châu Phi không còn vi-rút bại liệt trong tự nhiên sau nỗ lực kéo dài nhiều thập kỷ, mặc dù các trường hợp bại liệt do vắc-xin vẫn đang gây ra những đợt bùng phát căn bệnh gây liệt người ở hơn một tá các quốc gia.

Tuyên bố này khiến Pakistan và nước láng giềng Afghanistan là những quốc gia duy nhất được cho là vẫn còn vi-rút bại liệt trong tự nhiên, với những nỗ lực tiêm chủng chống lại căn bệnh có mức truyền nhiễm cao, lây qua nước và càng trở nên phức tạp do tình trạng bất ổn và các cuộc tấn công nhắm vào nhân viên y tế.

Ủy ban Chứng nhận Khu vực Châu Phi về Xóa bỏ Bệnh Bại liệt đã đưa ra tuyên bố sau khi không có ca bệnh nào được báo cáo trong bốn năm. Bệnh bại liệt đã từng làm 75.000 trẻ em bị liệt mỗi năm trên khắp châu Phi.

Các nhà chức trách y tế xem lời kêu gọi này là một tin vui hiếm hoi ở châu Phi giữa đại dịch vi-rút corona, một đợt bùng phát Ebola ở miền tây Cộng hòa Dân chủ Congo và những thách thức dai dẳng của sốt rét, HIV và bệnh lao nguy hiểm chết người.

Giám đốc của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) ở châu Phi, Matshidiso Moeti, cho biết: “Đây là một ngày đặc biệt và đầy cảm xúc”, nhưng bà kêu gọi người dân cần cảnh giác vì vi-rút corona đem đến nguy cơ cho các nỗ lực tiêm chủng và giám sát.

Tổ chức WHO cho biết, đây là lần thứ hai một loại vi-rút được xóa bỏ ở châu Phi, sau bệnh đậu mùa cách đây bốn thập kỷ. Sự giám sát không đồng đều trên khắp lục địa 1,3 tỷ người này làm tăng nguy cơ rằng một số trường hợp mắc vi-rút bại liệt trong tự nhiên vẫn còn và không được phát hiện.

Cú huých cuối cùng để tiêu diệt vi-rút bại liệt tự nhiên tập trung phần lớn vào miền bắc Nigeria, nơi nhóm Hồi giáo cực đoan Boko Haram đã tiến hành một cuộc nổi dậy gây ra nhiều thương vong trong hơn một thập kỷ qua. Các nhân viên y tế thường tiến hành tiêm chủng trong môi trường bất an, đặt mạng sống của họ vào nguy hiểm. Trường hợp cuối cùng bị nhiễm vi-rút bại liệt tự nhiên được báo cáo ở châu Phi là ở Nigeria vào năm 2016.

Tuyên bố này không có nghĩa là Châu Phi đã hết hẳn bệnh bại liệt. Vẫn còn các trường hợp nhiễm vi-rút có nguồn gốc từ vắc-xin, một dạng đột biến hiếm gặp của vi-rút đã bị làm cho suy yếu nhưng còn sống, có trong vắc-xin bại liệt đường uống. Vi-rút đột biến có thể gây ra dịch bệnh bại liệt, và 16 quốc gia châu Phi đã trải qua một đợt bùng phát vào tháng 8 năm 2020: Angola, Benin, Burkina Faso, Cameroon, Cộng hòa Trung Phi, Chad, Côte d'Ivoire, Cộng hòa Dân chủ Congo, Ethiopia, Guinea, Ghana, Mali, Niger, Nigeria, Togo và Zambia. The Associated Press

CHÂU ÂU

TÌM CÁCH NGĂN CHẶN SỰ LAN TRUYỀN CỦA TIN GIẢ



Hai năm sau khi đồng ý với một bộ quy tắc thực hành tự điều tiết để xử lý vấn nạn thông tin sai lệch, Facebook, Google của Alphabet, Twitter và các đối thủ công nghệ khác phải cố gắng nhiều hơn để đạt được mức hiệu quả cao hơn, Ủy ban châu Âu cho biết.

Tin giả liên quan đến COVID-19 đã đẩy mạnh những lời kêu gọi tới các công ty truyền thông xã hội, yêu cầu họ tích cực hơn. Vào năm 2018, những công ty này, bao gồm Mozilla và các tổ chức thương mại cho ngành công nghiệp quảng cáo, đã đồng ý với bộ quy tắc này để tránh các quy định nghiêm ngặt hơn. Microsoft và TikTok cũng gia nhập nhóm này.

Bộ luật này có một số thiếu sót, theo một đánh giá được ủy nhiệm về năm đầu tiên bộ luật được áp dụng. “Những điểm yếu này có thể được chia thành bốn nhóm rộng: việc áp dụng quy tắc không nhất quán và không đầy đủ trên các nền tảng và tại các quốc gia thành viên, thiếu các định nghĩa thống nhất, tồn tại một số lỗ hổng trong phạm vi áp dụng của các cam kết với bộ luật và các giới hạn có sẵn do bản chất tự điều tiết của bộ luật”, báo cáo cho biết.

Bà Vera Jourova, Phó chủ tịch ủy ban về các giá trị và tính minh bạch, kêu gọi hành động nhiều hơn để chống lại các nguy cơ mới.

“Vì chúng ta cũng chứng kiến các mối đe dọa và các tác nhân mới, đã đến lúc phải tiến xa hơn và đề xuất các biện pháp mới. Các nền tảng cần phải có trách nhiệm giải trình và tính minh bạch cao hơn. Họ cần cởi mở và cung cấp khả năng truy cập tốt hơn vào dữ liệu, cùng với những vấn đề khác”, bà Jourova, người đang vạch ra một kế hoạch để làm cho nền dân chủ có sức chống chịu tốt hơn trước các mối đe dọa kỹ thuật số.

Ủy ban này cũng đang xây dựng các quy tắc để tăng trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý của các công ty truyền thông xã hội đối với nội dung của nền tảng. Reuters

Mũ Bảo hiểm Cho phép Nhân viên ở Tuyến đầu Duy trì Khả năng Làm việc Lâu hơn

Ba học sinh Việt Nam đã thiết kế một chiếc mũ bảo hiểm cho phép các nhân viên y tế tuyến đầu ăn nhẹ hoặc thậm chí gãi mũi mà không khiến bản thân phải chịu nguy cơ nhiễm vi-rút corona.

Đại dịch đã làm nổi bật sự thỏa hiệp giữa cảm giác thoải mái và mức độ an toàn của thiết bị bảo hộ cá nhân (personal protective equipment - PPE), đặc biệt là đối với người lao động bắt buộc phải mặc trang phục bảo hộ trong nhiều giờ.

Để giải quyết vấn đề này, các em học sinh đã được giao cho một thử thách là phải thiết kế một chiếc mũ bảo hiểm kết nối với mặt nạ có van thở không chỉ bảo vệ mà còn cho phép nhân viên tuyến đầu duy trì khả năng làm việc lâu hơn.

Nhóm đã phát minh ra chiếc mũ Vihelm, một sự kết hợp giữa Việt Nam và helmet (mũ bảo hiểm). Chiếc mũ này có một ngăn để người đội mũ có thể cho tay của họ vào bên trong và, ví dụ như, lau mồ hôi hoặc lau tấm che mà vẫn giữ mũ bảo hiểm kín khít.

"Một khác biệt lớn với chiếc mũ bảo hiểm này là ngăn.... Bạn có thể sử dụng nó để thao tác với khuôn mặt của mình một cách an toàn", Trần Nguyễn Khánh An, 14 tuổi, một trong những học sinh đoạt giải Thiết kế Sáng chế Tốt nhất tại Cuộc thi Đổi mới Sáng chế Quốc tế tại Canada vào tháng 8 năm 2020, cho biết.

Mũ bảo hiểm có kiểu dáng theo trường phái tương lai này



cũng có một ngăn bên trong có thể chứa đồ ăn nhẹ và được gắn bằng một ống với mặt nạ lọc không khí bằng máy.

Mặc dù mặt nạ như vậy được coi là có độ an toàn cao hơn đáng kể so với khẩu trang thông thường, nhưng chúng có thể gây cảm giác khó chịu hơn nhiều so với các thiết bị bảo hộ có hình thức khác.

Chiếc mũ Vihelm, có giá thành sản xuất dưới 300 đô la Mỹ, thậm chí còn có túi xung quanh đầu để người dùng có thể gãi ngứa.

Tập đoàn Vingroup, tập đoàn lớn nhất của Việt Nam, đã phát biểu trong một tuyên bố rằng công ty đã đánh giá chiếc mũ bảo hiểm này và đưa ra phản hồi về mặt kỹ thuật về thiết kế của mũ. Tập đoàn Vingroup đã sản xuất máy thở trong suốt thời gian xảy ra đại dịch. Reuters

SINGAPORE



Singapore chống chọi với đợt bùng phát sốt xuất huyết kỷ lục *do có số lượng muỗi nhiều hơn*

Từ ban công cao của một khu nhà cho thuê giá rẻ ở Singapore, một cán bộ môi trường lắp đặt bẫy phóng muỗi của mình, loại máy mới nhất mà các nhà chức trách đã nghĩ ra để chống lại đợt bùng phát kỷ lục của sốt xuất huyết, một bệnh của xứ nhiệt đới.

Chỉ với một cái bấm nút và tiếng vo vo của một chiếc quạt, một cửa mở ra và 150 con muỗi đực được nuôi trong

phòng thí nghiệm bay ra. Chúng bay đi để tìm kiếm một con cái mà chúng có thể giao phối nhưng không thể sinh sản.

Vi-rút sốt xuất huyết, trong một vài trường hợp hiếm hoi có thể gây tử vong, lây lan sang người bởi muỗi bị nhiễm bệnh.

Những con muỗi được gây giống đặc biệt của Singapore mang một loại vi khuẩn ngăn ngừa trứng nở, dẫn đến việc "giảm dần quần thể muỗi", bà Ng Lee Ching, người đứng đầu dự án Wolbachia, được đặt theo tên của loại vi khuẩn này, cho biết.

Một số khu vực có số lượng muỗi nhiều đã thấy lượng muỗi giảm lên đến 90% bằng cách sử dụng kỹ thuật này, bà nói thêm.

Singapore đã ghi nhận hơn 26.000 trường hợp sốt xuất huyết tính đến tháng 9 năm 2020, vượt qua con số tính theo năm ở mức kỷ lục trước đó là khoảng 22.000 vào năm 2013. Đến tháng 8 năm 2020, 20 người đã tử vong vì bệnh này, loại bệnh có thể gây sốt rất cao dẫn đến chảy máu trong và sốc.

Một chủng mới của bệnh, kết hợp với thời tiết ẩm ướt bất thường và đợt phong tỏa do vi-rút corona khiến các công trường xây dựng và các khu vực khác là nơi sinh sản của muỗi không có người động đến. Đó được xem là những yếu tố đằng sau sự bùng phát của bệnh sốt xuất huyết.

Chiến lược mà dự án Wolbachia sử dụng đã thành công ở Úc nhưng một số chuyên gia cho rằng nó có thể bị hạn chế ở những khu vực đô thị với mật độ dày đặc như Singapore. Reuters



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU THIÊN VĂN VÔ TUYẾN QUỐC TẾ ĐẠI HỌC CURTIN

KẾT QUẢ CỦA DỰ ÁN QUÉT 10,3 TRIỆU NGÔI SAO VẪN CHƯA CHO THẤY DẤU HIỆU NÀO CỦA NGƯỜI NGOÀI HÀNH TINH —

Các nhà khoa học đã hoàn thành một đợt tìm kiếm rộng nhất từ trước cho đến nay nhằm phát hiện các nền văn minh ngoài trái đất bằng cách quét khoảng 10,3 triệu ngôi sao bằng kính thiên văn vô tuyến ở Úc, nhưng họ vẫn chưa tìm thấy gì — cho đến nay.

Tìm kiếm bằng chứng về sự sống ngoài hệ mặt trời của chúng ta, các nhà nghiên cứu đang săn lùng các “dấu hiệu công nghệ” như tín hiệu truyền thông có thể bắt nguồn từ các sinh vật ngoài hành tinh thông minh.

Sử dụng kính thiên văn Murchison Widefield Array ở miền Tây Úc xa xôi hẻo lánh, họ đã tìm kiếm các phát xạ vô tuyến tần số thấp, tần số tương tự như đài FM, từ các ngôi sao trong chòm sao Vela. Những phát hiện này xuất hiện trong các *Ấn phẩm của Hiệp hội Thiên văn học Úc* (Publications of the Astronomical Society of Australia) vào tháng 9 năm 2020.

“Không có gì ngạc nhiên

khi chúng tôi đã không tìm thấy điều gì. Vẫn còn rất nhiều biến số chưa biết”, nhà vật lý thiên văn Chenoa Tremblay thuộc bộ phận Thiên văn và Khoa học Vũ trụ của cơ quan khoa học quốc gia của Úc, Tổ chức Nghiên cứu Khoa học và Công nghiệp Khối thịnh vượng chung, đã chia sẻ.

“Việc tìm kiếm sự sống bên ngoài hệ mặt trời của chúng ta là một thách thức lớn,” bà Tremblay nói thêm. “Chúng tôi không biết mình có thể nhận được tín hiệu khi nào, bằng cách nào, ở đâu hoặc loại nào để phát hiện ra một dấu hiệu rằng chúng ta không đơn độc trong thiên hà.”

Mặc dù việc tìm kiếm đã sâu hơn và rộng hơn 100 lần so với trước đây, theo nhà vật lý thiên văn Steven Tingay của Đại học Curtin ở Úc và Trung tâm Nghiên cứu Thiên văn Vô tuyến Quốc tế, cuộc tìm kiếm chạm đến tương đối ít ngôi sao xét về quy mô của vũ trụ.

“Mười triệu ngôi sao có vẻ rất nhiều. Tuy nhiên, ước lượng tốt

nhất của chúng tôi là có khoảng 100 tỷ ngôi sao [trong dải Ngân Hà]. Tức là, chúng tôi mới chỉ xem xét khoảng 0,001% dải thiên hà của chúng ta,” bà Tremblay nói. “Hãy giả sử rằng các đại dương chỉ chứa 30 con cá và chúng tôi đã cố gắng tìm kiếm số cá này bằng cách thử nghiệm một khu vực có kích thước bằng một bể bơi ở sân sau. Khả năng để tìm thấy một trong những con cá đó sẽ rất nhỏ”.

Murchison Widefield Array là tiền thân của một dự án khác, Square Kilometre Array, hứa hẹn sẽ sớm thúc đẩy công cuộc tìm kiếm các dấu hiệu công nghệ.

“Điều quan trọng là không ngừng cải thiện các kỹ thuật và luôn đi sâu hơn và xa hơn”, ông Tingay cho biết. “Luôn luôn có khả năng rằng hoạt động quan sát tiếp theo sẽ chính là thứ dẫn đến cái gì đó, ngay cả khi bạn không mong đợi điều gì. Khoa học có thể khiến người ta phải ngạc nhiên, vì vậy điều quan trọng là phải tiếp tục tìm kiếm.” Reuters

Nhóm lên Tàu



Các Thủy thủ của Hải quân Hoàng gia Úc tham gia khóa huấn luyện lên tàu trong Cuộc tập trận Vành đai Thái Bình Dương (Exercise Rim of the Pacific - RIMPAC) năm 2020 để tăng cường khả năng tương tác và củng cố quan hệ đối tác hàng hải chiến lược. Mười quốc gia, 22 tàu, một tàu ngầm và hơn 5.300 binh sĩ đã tham gia cuộc tập trận hai năm một lần từ ngày 17-31 tháng 8 ở vùng biển xung quanh Quần đảo Hawaii. Hoạt động lần thứ 27 của RIMPAC xây dựng các mối quan hệ hợp tác để hỗ trợ một khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương Tự do và Rộng mở. Để giảm thiểu mối đe dọa từ COVID-19, các binh sĩ đã tiến hành RIMPAC 2020 hoàn toàn trên biển.

THÔNG TIN TRONG NGÀNH. PHONG PHÚ VÀ LÔI CUỐN. TRỰC TUYẾN.

www.ipdefenseforum.com

DIỄN ĐÀN Quốc phòng khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương được cung cấp MIỄN PHÍ cho các quân nhân và chuyên viên an ninh trong khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương.

HÃY THEO DÕI CHÚNG TÔI TRÊN FACEBOOK, TWITTER, INSTAGRAM VÀ WHATSAPP: @IPDEFENSEFORUM



* Có thể không hoạt động ở tất cả các địa điểm.

ĐĂNG KÝ NHẬN TẠP CHÍ MIỄN PHÍ

ĐỂ ĐĂNG KÝ NHẬN TẠP CHÍ MIỄN PHÍ:

www.ipdefenseforum.com/subscribe

gửi thư đến: IPD FORUM Quản lý Chương Trình
HQ USINDOPACOM, Box 64013
Camp H.M. Smith, HI
96861-4013 USA

VUI LÒNG NÊU RÕ:

- ▶ Tên
- ▶ Nghề nghiệp
- ▶ Chức vụ hoặc cấp bậc
- ▶ Địa chỉ bưu chính
- ▶ Địa chỉ Email



CÂU CHUYỆN ĐƯỢC QUAN TÂM Ráp Hội nghị thượng đỉnh ASEAN chú trọng vào công tác ứng phó với C

INDO-PACIFIC DEFENSE

FORUM

CÁC BÀI NỔI BẬT

CHUYÊN MỤC

CỘNG TÁC VIÊN

GIỚI THIỆU

简体中文 (CHINESE (SIMPLIFIED))

INDONESIA (INDONESIAN)

ไทย (THAI)

한국어 (KOREAN)

Thứ Hai Một 28, 2020

Các chuyên gia cảnh báo dự thảo luật của Trung Quốc về quyền tự do hàng hải và cơ chế xung đột ở Biển Đông

Chuyên mục



Blash: Mở rộng
giáo dục cho

NỘI DUNG
MỚI ĐƯỢC
ĐĂNG TẢI
MỖI NGÀY!